Chương Bốn

Các tác giả thời thơ Man.yô phát triển và hưng thịnh:

1-Thơ tước vương Ichihara. 2-Thơ bà Sano no Otogami no Otome. 3-Thơ Tanabe Sakimaro. 4-Thơ Ôtomo no Yakamochi. 5-Thơ những người đàn bà có liên hệ đến Yakamochi.

Trong giai đoạn niên hiệu Tempyô (Thiên Bình, 729-749, đời Thiên hoàng Shômu, Thánh Vũ), văn hoá Yamato cực kỳ hưng thịnh. Nhìn từ quan điểm Man.yôshuu thì ta thấy thời này có nhiều thi nhân Vạn Diệp đặc sắc hơn cả. Thi đàn Tempyô tiền kỳ thì đã có các nhân vật tên tuổi nhưng lúc đó đang bước vào buổi vãn niên như Ôtomo no Tabito, Yamanoue no Okura, Yamabe no Akihito, Kasa no Kanamura, Takahashi no Mushimaro. Còn Tempyô hậu kỳ là giai đoạn chứng kiến sự thành đạt của Yuwara no Ôkimi, Ôtomo no Sakanoue no Iratsume cũng như Ichihara no Ôkimi, Ôtomo no Ikenushi, Ôtomo no Yakamochi và những nhà thơ nữ đang lên mà đời thơ và sinh hoạt riêng tư đều có dính líu với nhà biên tập và thi nhân lỗi lạc này.

Những nhà thơ nói trên đã không ngừng phát huy cá tính, tiến bộ không ngừng trên con đường mô tả về bản thân mình. Thế nhưng văn hoá thời ấy nói chung đã phát triển thêm ở một qui mô rộng rãi hơn, đó là kinh đô như một không gian đô thị lớn. Thi ca của các vị ấy diễn tả được tâm tình phức tạp, tinh tế, nhạy cảm của con người sống trong đó. Nội dung ca vịnh đã đánh mất đi sự thô sơ, trong sáng, đôi khi hoang dã nhưng đầy sinh khí của thơ đời trước. Thay vào đó, lần hồi người ta đã bắt gặp những tín hiệu đầu tiên mang màu sắc ưu nhã, mỹ lệ, đặc trưng của giai đoạn thứ tư của thời Vạn Diệp (và cũng là thời suy thoái của nó). Thế rồi, triều đại Nara sẽ bước qua Heian và thơ Man.yô (Vạn Diệp Tập, 759 ?) sẽ đi lần đến thơ Kokin (Cổ Kim Hòa Ca Tập, 905 ? 914?). Trong lịch sử thơ Waka, đây là thời điểm cần phải hết sức chú ý.

Tiết I: Thơ tước vương Ichihara 市原王:

Tước vương Ichihara (Ichihara no Ôkimi) là con trai của tước vương Aki truyền theo thứ tự sau đây: 1) Thiên hoàng Tenji...2) Hoàng tử Shiki ...3) Tước vương Kasuga ...4) Tước vương Aki...5) Tước vương Ichihara. Tính như vậy ông là cháu 4 đời Thiên hoàng Tenji. Năm Tempyô thứ 15 (733) ông còn làm quan dưới bậc tùng ngũ phẩm nhưng sau thăng lên chức đại phu ở xứ Settsu, lại nhận nhiệm vụ trưởng quan coi sóc việc xây dựng (chùa) Tôdaiji (Đông Đại Tự) , một công trình kiến trúc quan trọng bậc nhất đương thời. Ông để lại 8 bài *tanka* trong Man.yôshuu.

Tượng Daibutsu (chùa Tôdaiji) (Nguồn Wikipedia)

6-1042

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

一松 幾代可歷流 吹風乃 聲之清者 年深香聞

Dạng huấn độc (đã chua âm):

一つ松幾代か経ぬる吹く風の音の清きは年深みかも

Phiên âm:

Hitotsu matsu / ikuyo ka henuru / fuku kaze no / oto no kiyoki wa / toshi fukami kamo

Diễn ý:

Cây tùng ở trên ngọn đồi (Ikuji no oka, vùng lăng mộ xứ Yamashiro) này đã trải qua bao nhiêu năm tháng rồi nhỉ? Khi đến thăm cây tùng và nghe tiếng gió thổi xạc xào rõ mồn một thì ta mới hiểu rằng nó từng sống lâu năm, (chứng kiến nhiều cuộc đổi thay). Tiếng gió trong vòm lá cây cổ tùng nghe thật là hay.

Dưới bóng ngọn tùng già trên đồi cao, nâng chén rượu, nghe tiếng gió rạt rào trong chòm lá, tước vương Ichihara như thoát ra khỏi cái bản ngã của mình. Ngọn tùng già thường chống trả với làn gió mạnh mẽ hơn những cây tùng non nên tiếng gió đi ngang qua nó cũng có âm điệu trầm hùng hơn. Đây là một bài thơ vịnh thiên nhiên rất cao sang và tao nhã.

Tạm dịch thơ:

Tùng già trên đồi cao / Ai biết tuổi đâu nào! / Xào xạc theo làn gió / Nghe trầm hùng xiết bao / (Phải chăng vì chứng kiến / Bao nhiêu cuộc biển dâu /)

Tiết II:Thơ bà Sano no Otogami no Otome狭野弟上娘子:

Trong Man.yôshuu, không thiếu gì nhà thơ nữ địa vị cao sang (5 nữ thiên hoàng, 3 hoàng hậu, 7 công chúa và 20 quận chúa) nhưng cũng có rất nhiều nhà thơ nữ xuất thân từ tầng lớp bình dân (93 người). Trong số đó, một con người nổi bật là Sano no Otogami no Otome, xin tạm rút gọn thành ...tiểu thư Sano no Otome, một cung nhân và là nhà thơ có thi phong lãng mạn, nồng nhiệt, được suy định đã sống vào thời Nara hậu kỳ. Lời chú trong quyển 15 của Man.yôshuu viết đại ý như sau để nói lên lý do tại sao bà làm thơ :

" Khi Nakatomi no Asomi Yakamori 中臣朝臣宅守cưới Sano no Otome, cung nhân làm việc ở Kurabe (cơ quan coi việc chi thu của cải trong cung) là Sano no Otogami no Otome, có chiếu chỉ đày ông ông lên vùng Echizen. Hai vợ chồng vì thế phải sống xa cách, khó lòng gặp nhau, nên đã cất lên lời than thở qua 63 bài thơ tặng đáp ".

Cung nhân (nyoju, nữ nhụ) làm ở Kurabe với cấp bậc của Sano no Otome, theo lời giải thích của giáo sư Uemura Etsuko, chỉ là kẻ giữ việc quét nhà, châm đèn, những việc tạp nhạp, nhưng chỉ làm việc ấy mà có văn tài như bà, kể cũng đáng nễ. Nhưng hình như nơi bà làm việc, phụ nữ không được giao du với đàn ông bên ngoài. Cưới nhau cũng không tránh được tội, ông Yakamori bị lưu đày lên vùng Echizen (nay thuộc tỉnh Fukui, nhìn ra biển Nhật Bản). Thế nhưng đến tháng 9 năm Tempyô 13 (741), ông được đại xá và có lẽ lại hồi kinh. Sau đó, ông đã lên hàng quan ngũ phẩm. Chuyện về sau của hai người, không thấy sử sách nào chép tiếp. Có lẽ một kết cuộc "happy end" không đáng nói bằng 63 bài thơ trao đổi giữa cặp tình nhân trong giai đoạn lưu đày.

Trong 63 bài thì bà Sano no Otome viết 23 bài. Nội dung 63 bài đó như sau:

1- 4 bài để nói lên mối sầu ly biệt;
2- 4 bài gửi cho ông lúc ông lên đường;
3- 14 bài ông viết khi đến chỗ phối lưu;
4- 9 bài bà nói về nỗi buồn của người ở lại;
5- 13 bài ông viết;
6- 8 bài thơ bà viết;
7- 2 bài ông tặng bà;
8- 2 bài bà họa lại thơ ông;
9- 7 bài ông mượn hình ảnh hoa điểu để gửi gắm tâm sự.

Kể lên như thế để tiếc mà nói rằng chỉ có những phần (1), (4), (6), (8) là còn giữ lại được, kỳ dư đã thất lạc.

Sau đây là bài thơ Sano no Otome đã viết ra trong giờ ly biệt:

15-3724

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

君我由久 道乃奈我弖乎 久里多々祢 也伎保呂煩散牟 安米能火毛我母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

君が行く道の長手を繰り畳ね焼き滅ぼさむ天の火もがも

Phiên âm:

Kimi ga yuku / michi no nagate wo / kuritatane / yakihorubosamu (san) / ame no himogamo /

Diễn ý:

Từ nay anh sẽ lên đường lưu đày ở vùng Echizen, con đường xa diệu vợi. Em chỉ muốn ghì chặt lấy, kéo quãng đường dài đó về phía mình và đốt cháy tiêu nó đi.Nếu được thế, anh chẳng cần phải đi đâu nữa. Ôi, em những mong có ngọn lửa từ trời xuống giúp em!

Tạm dịch thơ:

Con đường anh lưu đày / Xa xôi dằng dặc dài / Em muốn cuốn nó lại /Đốt tiệt giữ chân người / Phải chi có ngọn lửa / Kéo xuống được từ trời /

Vì chồng mình nhận được chiếu chỉ từ thiên hoàng quyền lực vô song cho nên đem sức người ra thì đối địch sao cho được. Huống chi Sano no Otome chỉ là một người đàn bà yếu đuối. Bà nhân đó mới cầu mong trời đất và những sức mạnh tự nhiên tạo nên phép lạ giúp mình đương đầu với nỗi bất hạnh đó.

Có thể trong cung, bà cũng làm công việc quay tơ cuộn chỉ (itokuri) những lúc đêm hôm nên bà mới liên tưởng đến việc rút ngắn đường đất.

Nhưng rút đường lại để mà đốt đi vĩnh viễn. Thái độ tích cực vượt lên lý trí đó chứng tỏ tình yêu của bà rất mãnh liệt. Nó cũng chứng tỏ tình yêu ấy trong trắng và nguyện vọng đó chân thật như ước muốn của một đứa trẻ con.

Cuốn chỉ (Nguồn Wikipedia)

15-3730

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

加思故美等 能良受安里思乎 美故之治能 多武氣尓多知弖 伊毛我名能里都

Dạng huấn độc (đã chua âm):

畏みと告らずありしをみ越道の手向けに立ちて妹が名告りつ

Phiên âm:

Kashikomi to / norazu arishishi wo / mikoshiji no / tamuke ni tachite / imo ga nanoritsu /

Diễn ý:

Vì ta mang tội phải cất bước lưu ly nên không có quyền gọi tên người vợ yêu dấu. Ta đành câm nín chịu đựng nhưng khi vào đất Echizen, đứng trên ngọn đèo ranh giới, ta không còn gắng gượng được nữa nên bất chợt đã lên tiếng gọi tên em.

Tạm dịch thơ:

Thân mang tội lưu đày / Nào dám nhắc tên ai / Ngậm miệng đến biên giới / Bên đèo trông xa vời / Nhớ người vợ yêu dấu / Bất giác gọi "Em ơi!" /

15-3746

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

〈比〉等能宇々流 田者宇恵麻佐受 伊麻佐良尓 久尓和可礼之弖
安礼波伊可尓勢武

Dạng huấn độc (đã chua âm):

人の植うる田は植ゑまさず今さらに国別れして我れはいかにせむ

Phiên âm:

Hito no uuru / ta wa uemasazu / ima sara ni / kuni wakare shite / are wa ikani muse /

Diễn ý:

Ở bất cứ nơi đâu, khi người nhà nông trồng luá, gặt lúa, họ đều có vợ có chồng làm chung. Nay không giúp em trong việc canh tác mà bỏ đi mất về xứ Echizen. Một mình em vò võ ở lại đất Yamato này biết phải làm gì đây?

Tạm dịch thơ:

Việc nhà nông gian khổ / Vợ chồng phải có đôi / Một mình anh biền biệt / Echizen lâu rồi / Yamato vò võ / Trông người tủi phận tôi /

15-3748

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

比等久尓波 須美安之等曽伊布 須牟也氣久 波也可反里万世 古非之奈奴刀尓

Dạng huấn độc (đã chua âm):

他国は住み悪しとぞ言ふ速けく早帰りませ恋ひ死なぬとに

Phiên âm:

Hitokuni wa / sumiashi to zo iu / sumu yakeku / haya kaerimase / koi shinanu to ni/

Diễn ý:

Em nghe nói rằng cuộc sống xa quê hương thường rất khó khăn. Nhớ chóng mà về nhé nghe anh. Đừng đợi đến lúc em quá sầu khổ héo hon mà chết trước ngày anh về.

Tạm dịch thơ:

Sồng quê người khổ lắm / Câu nói đó nào sai / Anh nhớ về sớm nhé / Đừng để em đợi hoài / Nhỡ buồn, em chết héo / Mà anh chưa đến nơi /

15-3753

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

安波牟日能 可多美尓世与等 多和也女能 於毛比美太礼弖 奴敝流許呂母曽

Dạng huấn độc (đã chua âm):

逢はむ日の形見にせよとたわや女の思ひ乱れて縫へる衣ぞ

Phiên âm:

Awamu (wan) hi no / katami nise yo to / tawayameno / omoi midarete /nueru koromo zo /

Diễn ý:

Chiếc áo này xin cho phép em để dành làm vật kỹ niệm cho ngày trùng phùng của hai ta. Dù trong những khi buồn khổ bối rối, tâm hồn bấn loạn, em vẫn dồn hết tình yêu thương vào đường kim mũi chỉ để khâu cho anh đó.

Tawayame nghĩa là người đàn bà yếu đuối, lời Sano no Otome tự ví về hoàn cảnh của mình trong lúc xa chồng.

Tạm dịch thơ:

Chiếc áo này xin giữ / Để tặng lúc anh về / Những khi lòng buồn khổ / Tâm bấn loạn hôn mê / Em vẫn gữi tình yêu / Trong đường kim mũi chỉ /

Sano no Otome đã muốn kéo lửa từ trời đốt con đường chồng phải đi để ngăn sự chia cách giữa hai người nhưng không thể thực hiện được. Chàng vẫn phải đi về xứ tuyết Echizen xa xăm. Mỗi đêm nàng chong đèn khêu bấc may áo cho chồng mặc cho đỡ lạnh. Mỗi đường kim mũi chỉ đều là chứng cứ của tình yêu, có đẫm dòng lệ máu của nàng.

Sau đây là thơ của Yakamori, chồng nàng.

12-3758

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

佐須太氣能 大宮人者 伊麻毛可母 比等奈夫理能〈未〉 許能美多流良武［一云 伊麻左倍也］

Dạng huấn độc (đã chua âm):

さす竹の大宮人は今もかも人なぶりのみ好みたるらむ［一云 今さへや］

Phiên âm:

Sasutake no / ômiyahito wa / ima mo kamo / hitonaburi nomi / konomi taru ramu (ran) /

Diễn ý:

Đã là người phụng sự triều đình thì giống như thời còn ở kinh đô, lẽ nào ta chỉ thích thú trong việc dùng lời lẽ đùa nghịch làm phiền đến các cô các bà. (Nhưng ta biết có những kẻ hành động như thế và) chắc nàng cũng bị khốn khổ vì bị điều tiếng, phải không nào? (Tội cho nàng ở trong cảnh tiến thoái lưỡng nan).

Sasutake (trưởng thành nhanh và mạnh như trúc) : từ hoa chỉ sự phồn vinh , trường hợp này là một makura kotoba nói về triều đình (ômiya).

Tạm dịch thơ:

Từ khi ta làm quan / Trong triều hay bây giờ / Không quen thói quấy quả / Làm phiền người đàn bà / Lo nàng nay phải khổ / Chịu điều tiếng vì ta /

15-3772

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

可敝里家流 比等伎多礼里等 伊比之可婆 保等保登之尓吉 君香登於毛比弖

Dạng huấn độc (đã chua âm):

帰りける人来れりと言ひしかばほとほと死にき君かと思ひて

Phiên âm:

Kaerikeru / hito kitareri / iishikaba / hotohoto shiniki / kimi ka to omoite /

Diễn ý:

Nghe ai nói người có tội được ân xá nay trở về kinh đô và sắp đến nơi, mừng ơi là mừng, ngực hồi hộp, hơi thở như muốn nghẽn (hotohoto). Bởi vì em muốn chạy nhanh ra xác nhận người ấy có phải là anh không.

Tạm dịch thơ:

Nghe được tin ân xá / Tội nhân đã hồi kinh / Em chạy ra nghe ngóng / Mừng muốn vỡ con tim / Hơi thở chợt ngừng lại / Tưởng người ấy là anh!

Năm Tenpyô thứ 12 (740) có sắc lệnh đại xá, nhiều người được về kinh. Trong đó có bọn ông Hozumi Asomi 5 người cũng thuộc giới quan lại. Đột nhiên nhận được tin, Sano no Otome tưởng là chồng mình nên đã vội chạy ra xem cho chắc. Hồi hộp vì mừng và lo âu, đó là tâm trạng của nàng.Nhưng đó chỉ là mộng vì trong đoàn tội nhân trở về không có chồng nàng.Từ đỉnh cao hy vọng nàng đã lọt xuống vực thẳm tuyệt vọng. Niềm vui chỉ thoáng qua trong một sát na.

15-3774

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

和我世故我 可反里吉麻佐武 等伎能多米 伊能知能己佐牟 和須礼多麻布奈

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が背子が帰り来まさむ時のため命残さむ忘れたまふな

Phiên âm:

Wa ga seko ga / kaeri kimasamu (san) / toki no tame / inochi nokosamu (san) / wasureta mau na

Diễn ý:

Anh yêu dấu ơi, để đợi cho đến ngày anh về, chúng mình phải bảo trọng mạng sống anh nhé. Xin luôn luôn nhớ cho rằng em sẽ cố rắng sống vì ngày đó.

Tạm dịch thơ:

Người yêu dấu của em / Cho đến buổi anh về / Hãy cùng nhau bảo trọng / Tính mạng của mình nghe / Nhớ rằng em sẽ sống / Để giữ trọn câu thề /

Nàng có thể nghĩ chết đi có lẽ sung sướng hơn nhưng đã không làm như vậy vì nghĩ lúc chàng về mà mình không còn nữa thì có lỗi với chồng là dường nào. Đó cũng là tâm sự những người vợ thời chiến khi "không chết người trai khói lửa mà chết người gái nhỏ hậu phương". Nhất là Yakamori và Sano no Otome chỉ vừa mới cưới nhau xong không được bao lâu!

Giáo sư Uemura Etsuko cho rằng tuy là phận nữ nhi nhưng Sano no Otome tích cực hơn chồng trong tình yêu và thơ cũng hay hơn ông một bực.

Tiết III: Thơ Tanabe Sakimaro田辺福麿:

Tanabe no Sakimaro là một nhà thơ dưới thời Nara hậu kỳ, có thi tập riêng và từng xướng họa với Yakamochi. Trong tập thứ 9, ông có 3 bài thơ tức sự khi đi ngang ngôi mộ của nàng Ashiya no Otome (bài 1801 đến 1803), một bài thơ vịnh xác chết bên đường thấy trên quãng dốc Ashikara no saka (bài 1800) cũng như một trường ca thương khóc khi em trai ông qua đời (bài chôka 1804, hai tanka 1805 và 1806). Ngoài ra, trong tập thứ 6, ông còn có 21 bài khác nữa.

18-4032

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

奈呉乃宇美尓 布祢之麻志可勢 於伎尓伊泥弖 奈美多知久夜等 見底可敝利許牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

奈呉の海に舟しまし貸せ沖に出でて波立ち来やと見て帰り来む

Phiên âm:

Nago no umi ni / fune shimashikase / oki ni idete / namitachi ku ya to / mite kaeri komu /

Diễn ý:

Ta muốn đi chơi trên vùng biển Nago rộng bao la và hiền hòa. Hãy cho ta mượn chiếc thuyền với! Ta sẽ lên thuyền và ra khơi xa, đến tận nơi xem sóng có dậy lên hay không rồi mới quay về.

Tác giả tả cảnh biển ở xứ Etchuu (Toyama bây giờ), nơi ông từ kinh đô Nara ra trấn nhậm. Nara vốn chỉ có núi nên ông có vẻ thích thú muốn khám phá phong cảnh thiên nhiên ở một vùng đất mới mẽ đối với mình.

Tạm dịch thơ:

Nago (phong cảnh đẹp / Bao la và bình yên) / Ta muốn đi dạo biển / Xin mượn người chiếc ghe / Ra tận nơi sóng lớn / Xem được mới quay về /

Biển Okinawa (Nguồn Wikipedia)

Tiết IV: Thơ Ôtomo no Yakamochi大伴家持:

Họ Ôtomo là một dòng họ lớn kể từ thời dựng nước. Tổ tiên Ôtomo Yakamochi rất gần gũi với các thiên hoàng đầu tiên, ít nhất là con cháu nhà Ôtomo đã chủ trương rằng ông tổ cuả họ đã có mặt vào lúc "thiên tôn giáng lâm" tự trời cao. Đến cuộc loạn Nhâm Thân (Jinshin no Ran, 672), họ Ôtomo (với Ôtomo Muraji và Ôtomo Yasumaro) đứng về cánh đảo chánh của Thiên Hoàng Temmu, lập được đại công với nhà vua. Con cháu nhờ thế đời đời lảnh chức đại tướng trong quân ngũ và hưởng phú quí vinh hoa của bậc trọng thần.

Con của Ôtomo Yasumaro (?- 714) là Ôtomo Tabito (665-731), một trong những nhà thơ tiêu biểu của thời Vạn Diệp. Ông tuy xuất thân nhà võ nhưng là một văn nhân tinh thông Hòa Hán, tâm hồn thấm nhuần tư tưởng Lão Trang, biết hưởng một cuộc đời phong lưu tao nhã. Cùng với Yamanoue no Okura (660-733), ông đứng đầu thi đàn ở Tsukushi (trên đảo Kyuushuu bây giờ), làm phong phú những năm tháng vốn cô liêu nơi biên cảnh. Nhà biên tập Ôtomo Yakamochi (717?-785) của Man.yôshuu mà chúng ta nói đến nơi đây chính là con trai ông Tabito.

Tượng nhà thơ và nhà biên soạn Ôtomo no Yakamochi (717?-785)
(Nguồn Wikipedia)

Sau khi cha mất sớm (731) lúc ông mới 14 tuổi, Yakamochi được bà cô ruột và cũng là một nữ thi nhân Vạn Diệp xuất sắc là Ôtomo no Sakanoue no Iratsume (Lang Nữ) nuôi dạy. Ông biết làm thơ từ năm 15, 16 tuổi. Cuộc đời của Yakamochi có thể chia ra làm 4 thời kỳ:

-Thời kỳ thứ nhất kể từ khoảng năm Tempyô thứ 10 (738) trở đi : Lúc đó ông làm quan thị vệ trong cung (udoneri), bắt đầu cuộc sinh hoạt của một nhà thơ cung đình. Lúc này cũng là khi ông kết hôn với cô em họ (con bà Sakanoue no Iratsume) là Sakanoue no Ôiratsume (đại nương) và giao thiệp với một số đông phụ nữ, để lại nhiều bài thơ tặng đáp (kéo dài trong 13 năm trời).

-Thời kỳ thứ hai kể từ năm Tempyô thứ 18 (746) trở đi: Ông ra ngoài, giữ chức trấn thủ xứ Etchuu, nhiệm sở nằm ở Echigo (miền Đông Nhật Bản, Niigata bây giờ). Echigo thời đó là một nơi biên cương vắng vẻ, tuyết ngập đầy. Ông mắc bệnh nặng lại thêm gặp hung tin là người em trai ông bỏ lại Yamato qua đời. Đây là 6 năm trời (từ lúc 29 đến 34 tuổi) khá khó khăn cho ông. Tuy nhiên đấy cũng là thời điểm ông có một sinh hoạt thi ca sung mãn, để lại nhiều tác phẩm. Chính lúc đó, ông đã bắt đầu xác định được thi phong độc đáo của mình cho những năm về sau.

-Thời kỳ thứ ba từ năm Tempyô Shôhô thứ 3 (752) trở đi: Ông về triều làm quan ở Bộ Binh, thăng quan tiến chức nhưng sau phải ra ngoài trấn thủ 7 năm vùng Inaba (miền Tây Nhật Bản, tỉnh Tottori bây giờ). Cũng như thời kỳ thừ hai, lúc này ông cũng làm được nhiều thơ. Thơ ông chín muồi và trở nên thoải mái, bình thản giống như tâm cảnh của ông lúc đó.

-Thời kỳ thứ tư là khoảng thời gian từ khi xong việc quan ở Inaba cho đến khi ông mất,

tất cả là 26 năm (759-785). Điều lạ lùng là ông không có hoạt động thi ca nào đáng kể, không để lại một bài thơ nào. Ông sống cuộc đời của một vị quan và một nhà chính trị mà thôi. Đáng nói đến chăng là nhiều khi ông bị hài tội, thường là hàm oan. Cũng bởi vì đó là một thời lắm tranh chấp đảng phái kịch liệt trong triều đình và ông lại mang tên Ôtomo, một cái tên quá lớn.

Đang làm quan trong triều nhưng vì vụ đảo chánh bất thành của Emi no Hoshikatsu (tức Fujiwara Nakamaro) dưới đời Nữ Thiên hoàng Kôken, ông bị tá thiên làm trấn thủ vùng Satsuma (cực Nam Nhật Bản, tỉnh Kagoshima bây giờ). Sau đó còn phải lênh đênh qua các vùng khác như Sagami, Kazusa, Ise (chung quanh Tôkyô ngày nay). Rốt cuộc vận may đến, ông được gọi về triều làm chức đại phu ở Đông Cung, tước tùng tam phẩm. Nào đã yên thân bởi vì sau vụ mưu phản của Higai no Kawatsugu, ông bị khai trừ ra khỏi danh sách nhà quan. Đến khi sự việc sáng tỏ, ông phục hồi công việc ở Đông Cung rồi vinh thăng chức Án Sát Sứ miền Michinoku (Đông Bắc). Tiếp đó, ông trở thành Tham Nghị bậc trung, tước võ là Jisetsu Daishôgun tức đại tướng nhận mệnh vua tự quyết định ngoài biên. Với những chức vụ cao quý đó, ông được xem như người đại diện cho tập đoàn quí tộc Ôtomo. Nào ngờ khi Yakamochi chết lại nhằm lúc có vụ án mưu phản của một người đồng tộc là Ôtomo no Tsuguhito, do đó thi thể của nhà thơ không được ai đụng tới trong 20 hôm. Khi nghi án về ông giải tỏ, ông mới được phục chức. Như thế, vận rủi đã đeo theo ông cho đến khi chết. Năm đó ông 68 tuổi.

Ông đủ có tài cán để được xem như nhà biên soạn Man.yôshuu. Ngoài ra ông đã đóng góp cho nội dung thi tập 48 chôka, 432 tanka, 1 sedôka, tổng cộng 479 bài thơ. Nhìn số lượng thì đứng số một. Còn về phẩm thì những bài làm ra thời trẻ trong giai đoạn tập tành có thể đã mô phỏng Okura, Sakimaro hay Mushimaro nhưng về sau, dần dần Yakamochi đã biết tạo cho mình một phong cách riêng. Thi phong đó là sự bình dị, trong sáng nhưng tràn trề tình ý. Đó là những bài tiêu biểu cho thơ cảm thương và hoa mỹ của giai đoạn cuối Man.yô. Ông đã đem lại được cái mới mẽ trẻ trung vào thơ, điều mà các bậc tiền bối của thế hệ trước không có.

Ông là người tinh tế và nhạy cảm. Trong ông, không có cái gì là võ biền hay chính trị gia. Ông cũng không có vẻ gia trưởng của tập đoàn Ôtomo. Ông là một tao nhân mặc khách nhu hòa mà cuộc đời gắn liền với những bóng hồng làm thơ luyến ái tặng đáp với ông. Ông là người ngồi trong phòng văn để thưởng thức vẻ đẹp thiên nhiên và tả cảnh tả tình, để lại cho đời những vần thơ thương cảm thì đúng hơn.

Một buổi chiều xuân năm Tempyô Shôhô thứ 2 (751), ngồi trong vườn nhà, ngắm hoa đào (peach) nở, ông đã có những vần sau dây (2 bài trích 1):

Hoa đào (omo)
(Nguồn Wikipedia)

19-4139

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

春苑 紅尓保布 桃花 下<照>道尓 出立Ｄ嬬

Dạng huấn độc (đã chua âm):

春の園紅にほふ桃の花下照る道に出で立つ娘子

Phiên âm:

Haru no sono / kurenaru niou / momo no hana / shita deru michi ni / idetatsu otome /

Diễn ý:

Trong vườn vào buổi chiều xuân, hoa đào nở đỏ đẹp đẽ. Trên con đường bên dưới, có những nàng thiếu nữ đang từ đó đi ra. Các nàng tươi đẹp, gương mặt ánh màu hồng của những đóa hoa.

Tạm dịch thơ:

Vườn xuân đào nở thắm / Hoa xinh một sắc hồng / Ánh lên trên màu má / Của cô em chưa chồng / Đường quê em nhẹ bước / Hoa, người trên lối chung /

19-4141

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

春儲而 ‹物›悲尓 三更而 羽振鳴志藝 誰田尓加須牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

春まけてもの悲しきにさ夜更けて羽振き鳴く鴫誰が田にか住む

Phiên âm:

Haru makete / monoganashiki ni / sa yo fukete / habuki naku shigi / tagata ni ka sumu /

Diễn ý:

Khi trời đất vào xuân, tự nhiên có điều gì làm mình buồn. Con chim *shigi* (sandpiper) vừa đập cánh vừa cất tiếng hót trong đêm khuya khoắt. Không biết nó đang ở đám ruộng nhà ai vậy mà nghe sao buồn quá.

Tam dịch thơ:

Xuân đến bỗng dưng sầu / Lòng chẳng hiểu vì sao! / Nghe chim cát đập cánh / Cất tiếng giữa đêm thâu / Giọng nó buồn thổn thức / Từ đám ruộng nào đâu /

Nửa đêm xuân bỗng dậy cơn sầu. Nghe chim kêu, mối sầu lại tăng thêm. Ai bảo ngày xuân chỉ đem lại niềm vui! Hay giữa mùa xuân mà đã tiếc xuân sắp qua đi.

Chim cát (Shigi) (Nguồn Wikipedia)

19-4143

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

物部‹乃› 八‹十›Ｄ嬬等之 は乱 寺井之於乃 堅香子之花

Dạng huấn độc (đã chua âm):

もののふの八十娘子らが汲み乱ふ寺井の上の堅香子の花

Phiên âm:

Mono no fu no / yaso otomera ga / kumimagau / terai no ue no / katakago no hana /

Diễn ý:

Bao nhiêu nàng thiếu nữ đang chen chúc, trò chuyện ríu ra ríu rít như đàn chim, cho tay gàu múc nước ở giếng trong khuôn viên nhà chùa nằm giữa đám hoa katakago. Hoa và người cũng đẹp như nhau nhỉ!.

Katakago là tên cổ để gọi katakuri (dogtooth violet), một loại cây thân thảo có hoa màu đỏ tím, nở vào đầu xuân. Các từ điển xem như một loại cỏ gà hoa tím giống như hoa bách hợp (huệ tím), có thể hiểu là một loài hoa đồng cỏ dại.

Tạm dịch thơ:

Bao nhiêu nàng con gái / Ríu rít tiếng cười đùa / Giữa một vùng hoa dại / Tranh nước giếng nhà chùa / Thử hỏi bao hoa tím / Đã đẹp bằng em chưa ?

19-4149

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

足引之 八峯之雉 鳴響 朝開之霞 見者可奈之母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

あしひきの八つ峰の雉鳴き響む朝明の霞見れば悲しも

Phiên âm:

Ashihiki no / yasuo no kigishi / nakitoyomu / asake no kasumi / mireba kanashi mo /

Diễn ý:

Trời vừa hừng sáng, trong khi núi non đang yên tĩnh bỗng nghe tiếng chim trĩ gáy cất cao. Khi nhìn suốt một vùng sương lam che phủ, nghe trong lòng tự dưng dậy lên một nỗi buồn.

Thêm một mối xuân sầu như thấy trong bài trước.

Tạm dịch thơ:

Lác đác tiếng trĩ gáy / Đâu đây trên núi đồi / Ngày mới vừa rựng sáng / Sương lam còn chơi vơi / Bỗng dưng lòng khó nén / Một nỗi buồn khôn nguôi /

Chim trĩ (Nguồn Wikipedia)

19-4150

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

朝床尓 聞者遥之 射水河 朝己藝思都追 唱船人

Dạng huấn độc (đã chua âm):

朝床に聞けば遥けし射水川朝漕ぎしつつ唄ふ舟人

Phiên âm:

Asatoko ni / kikeba harukeshi / Imizukawa / asa ni gishitsutsu / utau funabito /

Diễn ý:

Buổi sáng nằm ở trong giường, ta lắng tai nghe thì thấy có tiếng hát của người phu trạo chèo thuyền trên dòng sông Izumikawa xa xa và nhỏ dần.

Quan trấn thủ ở nơi lữ thứ nghe tiếng hát của người chèo thuyền sáng sớm trên sông về phía xa vời khi ông vừa thức giấc và chạnh lòng hoài cảm.

Tạm dịch thơ:

Sáng mùa xuân yên tĩnh / Nằm lắng nghe trong chăn / Chèo ai đang khuấy nước / Lướt về phía xa xăm / Khúc hát người phu trạo / Bên tai tiếng nhỏ dần /

Đây là một giai tác của Yakamochi. Nó toát ra một tâm tình hoài hương, không nói buồn mà cũng thấy buồn man mác.

19-4226

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

此雪之 消遺時尓 去来歸奈 山橘之 實光毛将見

Dạng huấn độc (đã chua âm):

この雪の消残る時にいざ行かな山橘の実の照るも見む

Phiên âm:

Kono yuki no / kenokoru toki ni / iza yukana / yamatachibana no / mi no teru mo mimu /

Diễn ý:

Khi đám tuyết đọng này chưa tan đi thì mình hãy đi thôi! Bởi vì lúc này màu những quả quất dại trong bụi cây thấp (yabukôji) vừa chín tới. Màu đỏ của quả quất núi tương phản với màu trắng tinh khôi của tuyết mới thực là một cảnh sắc tuyệt đẹp.

Tạm dịch thơ:

Giờ tuyết hãy còn đọng / Mau lên đường đi thôi ! / (Khi đi ngang qua núi / Sẽ thấy cảnh tuyệt vời) / Đỏ một màu quất chín / Giữa tuyết trắng tinh khôi /

Quất dại (Nguồn Wikipedia)

19-4290

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

春野尓 霞多奈ｉ伎 宇良悲 許能暮影尓 鶯奈久母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

春の野に霞たなびきうら悲しこの夕影に鶯鳴くも

Phiên âm:

Haru no no ni / kasumi tanabiki / uraganashi / kono yuukage ni /uguisu naku mo /

Diễn ý:

Ngắm sương lam giăng mắc trên cánh đồng xuân, không hiểu tại sao mình lại cảm thấy buồn buồn.Nhất là khi trong những tia nắng yếu ớt cuối ngày vẳng đâu đây tiếng cuốc kêu.

Tạm dịch thơ:

Nhìn sương lam mờ phủ / Trên cánh đồng mùa xuân / Tâm hồn mình man mác / Nỗi buồn đâu ghé thăm / Huống chi trong nắng xế / Tiếng cuốc vọng bâng khuâng /

Bài thơ này nói lên dược nỗi buồn tịch liêu và phức tạp, khó nói nên lời của tác giả. Cho đến thời Yakamochi, không thấy có bài thơ nào tinh tế đến vậy. Dó là tâm sự chán chường mệt mỏi, nỗi buồn toát ra từ nội tâm của một người trí thức thời xưa (spleen kiểu Baudelaire chăng?), như tình cảnh của Yoshida Kenkô trong tập tùy bút Buồn Buồn Phóng bút (Tsurezuregusa) nhưng nhiều thế kỷ về sau.

19-4291

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

和我屋度能 伊佐左村竹 布久風能 於等能可蘇氣伎 許能由布敝可母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が宿のい笹群竹吹く風の音のかそけきこの夕かも

Phiên âm:

Wa ga yado no / isasa muratake / fuku kaze no / oto no kasokeki / kono yuube kamo /

Diễn ý:

Nghe tiếng xạc xào nhè nhẹ nhưng không biết gì đây. Phải rồi! Đấy chẳng qua là tiếng gió thổi bâng quơ qua bụi trúc con trồng trong sân nhà ta. Ôi, buổi chiều tịch mịch làm sao!

Tạm dịch thơ:

Nghe rì rào nhè nhẹ / Thầm hỏi tiếng gì đây / Chỉ là làn gió thoảng / Làm khóm trúc lay lay / Bên hiên nhà ta ở / Hoang liêu cảnh cuối ngày /

Tưởng tượng được cảnh Yakamochi một mình ngồi bên hiên nhìn buổi chiều đến ngoài vườn nhà. Tiếng gió thoảng khẽ lay chòm lá trúc , tiếng xào xạc chỉ làm tăng thêm sự trống vắng, tịch mịch trong lòng ông.

Bài thơ tinh tế, trong trẻo và cô quạnh.

19-4292

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

宇良々々尓 照流春日尓 比婆理安我里 情悲毛 比<登>里志於母倍婆

Dạng huấn độc (đã chua âm):

うらうらに照れる春日にひばり上がり心悲しも独し思へば

Phiên âm:

Uraura ni / tereru haru hi ni / hibari agari / kokoro kanashi mo / hitori shi omoeba /

Diễn ý:

Ánh nắng mùa xuân nhẹ nhàng lấp lánh, con chim sơn ca (hibari, Japanese skylark) đang hót và lượn trên từng không cao vút. Người nghe tiếng chim thì chỉ lẻ loi, một mình trầm tư, và cảm thấy có một nỗi buồn xâm chiếm tâm hồn.

Tạm dịch thơ:

Ngày xuân nắng thắm nồng / Sơn ca trên cánh đồng / Tiếng hót lên cao vút / Bay lượn giữa từng không / Riêng mình ta lẻ bạn / Sầu chất mãi đầy lòng /

Hibari (Nguồn Wikipedia)

Ngày xuân chim hót mà lòng lại u sầu. Nói ra để có thể giải tỏa.Tình cảm khó hiểu thay! Thế nhưng cái *xuân sầu* nơi thi nhân Trung Quốc Nhật Bản đó cũng là cái mà người Tây phương gọi là *ennui* hay *spleen* nơi con người hiện đại?

Ngoài ra, thời thơ ấu, cha mẹ mất sớm, tuy được cô nuôi dạy nhưng thiếu niên Yakamochi sau đó cũng phải sống bà cô, xa vợ, và mất đi một người bạn thân nên có lẽ ông già trước tuổi, đâm ra dễ thương cảm, xúc động trước mọi việc.

19-4021

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

乎加未河<泊> 久礼奈為尓保布 乎等賣良之 葦附[水松之類]等流登
湍尓多々須良之

Dạng huấn độc (đã chua âm):

雄神川紅にほふ娘子らし葦付[水松之類]取ると瀬に立たすらし

Phiên âm:

Okamigawa / kurenaru niou / otomerashi / ashitsuki toru to / se ni tatasu rashi /

Diễn ý:

Nhìn suốt một vùng sông Okami thì đã thấy một màu đỏ thật đẹp bao trùm lên rồi. Mình thấy dòng nước ánh lên sao mà giống những cái váy màu đỏ của các nàng con gái đi cắt ashitsuki, (một loại rong ven bờ nước dùng làm thức ăn), đang đứng ở chỗ lội.

Tạm dịch thơ:

Nhìn suốt một vùng sông / Okami thắm hồng / Tưởng bao tấm váy đỏ / Những cô em chưa chồng / Cắt rong bên bờ nước / Đang lội ở trên dòng /

Lá rừng thu bên sông (Nguồn Wikipedia)

19-4024

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

多知夜麻乃 由吉之久良之毛 波比都奇能 可波能和多理瀬 安夫美都加須毛

Dạng huấn độc (đã chua âm):

立山の雪し消らしも延槻の川の渡り瀬鐙漬かすも

Phiên âm:

Tachiyama no / yuki shi kurashi mo / Haitsuki no / kawa no watarise / abumi tsukasu mo /

Diễn ý:

Hình như tuyết trên núi Tachi đã bắt đầu tan.Bởi vì khi ta vượt qua chỗ lội trên sông Haitsuki thì thấy nước dâng cao và chảy xiết hơn. Nước ngập đến cả bàn đạp ngựa của ta.

Tạm dịch thơ:

Phải chăng núi Tachi / Băng tan, chính là khi / Vì nước sông dâng gấp / Khi vượt Haitsuki / Ướt tận đến bàn đạp / (Người thúc, ngựa khôn đi) /.

Không có một chữ xuân nào trong bài mà ai nấy đều biết xuân về vì băng trên núi tan làm cho nước dâng cao trên mặt sông. Cảnh tượng hết sức hùng tráng và lời thơ thật sảng khoái, linh động.

19-4114

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

奈泥之故我 花見流其等尓 乎登女良我 恵末比能尓保比 於母保由流可母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

なでしこが花見るごとに娘子らが笑まひのにほひ思ほゆるかも

Phiên âm:

Nadeshiko ga / hanamirugoto ni / otomera ga / emai no nioi / omouyuru kamo /

Diễn ý:

Mỗi lần ngắm nhìn vẻ đẹp khả ái của những đóa hoa nadeshiko, ta đều liên tưởng đến khuôn mặt rạng rỡ của các nàng thiếu nữ.

Nadeshiko (pink, hoa cẩm chướng, một loài hoa tầm thường trong vườn hay ngoài đồng nội thường có màu hồng) còn mang tên là nữ lang hoa nên ví với khuôn mặt những nàng thiếu nữ (otome) thì cũng không lạ gì. Emai là khuôn mặt tươi cười và nioi có

nghĩa là xinh đẹp (thị giác, xin đừng hiểu theo nghĩa hiện đại là hương thơm, khứu giác).

Tuy có người giải thích *otomera* là vợ tác giả (Sakanoue no Ôiratsume) nhưng như thế thì quá tầm thường. Có lẽ nên hiểu tác giả muốn nói chung đến những người con gái quê xinh đẹp và đơn sơ như hoa trong vườn nhà hay ngoài đồng nội như cái nghĩa cận đại thì thi vị hơn chăng?

Tạm dịch thơ:

Mỗi lần nhìn cẩm chướng / (Đang khoe sắc thắm hồng) / Lòng tự nhiên nhớ đến / Cô gái quê chưa chồng / Mặt tươi cười rạng rỡ / (Như hoa cỏ trên đồng) /

Hoa cẩm chướng tím (Nguồn Wikipedia)

4-741

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

夢之相者 苦有家里 覺而 掻探友 手二毛不所觸者

Dạng huấn độc (đã chua âm):

夢の逢ひは苦しかりけりおどろきて掻き探れども手にも触れねば

Phiên âm:

Ime no ai wa / kurushi karikeri / odorokite / kaki saguretomo / te ni mo fureneba /

Diễn ý:

Những khi ta gặp vợ ta trong giấc mộng thì không có gì làm ta đau khổ hơn.Bởi vì khi tỉnh giấc quờ quạng chung quanh thì cũng không sao tìm ra được bàn tay của nàng để nắm lấy.

Bài này có kèm lời chú thích là Yakamochi làm ra để tặng người vợ và cũng là cô em họ ông (Sakanoue no Ôiratsume).

Tạm dịch thơ:

Gặp được mình trong mộng / Mà xót xa vô cùng / Vì khi anh tỉnh giấc / Dù cố gắng đi tìm / Cũng không sao nắm được / Bàn tay người nhớ mong /

Nhà chú thích Keichuu (Khế Trùng, 1640-1701) tự hỏi có phải Yakamochi đã lấy cảm hứng từ câu nói của Trương Văn Thành đời Đường trong tác phẩm Du Tiên Quật (cuốn tiểu thuyết diễm tình đã truyền đến Nhật vào thời Nara nhưng lại thất truyền ở Trung Quốc) để viết ra bài thơ này chăng. Câu đó là: “Thiểu thì tọa thụy tắc mộng kiến Thập Nương, kinh giác quặc chi hốt nhiên không thủ” (Có lúc ngồi ngủ gục mộng thấy nàng Thôi Thập Nương, giật mình ôm lấy thì trong tay không có gì cả). Nó cũng giống như tình cảnh của Goethe đối với người đẹp mà chàng vẫn gặp trong giấc mộng (xem Những nỗi khổ tâm của chàng trai trẻ Werther). Tuy nhiên chàng Werther sau đó tự sát, khác với Yakamochi và Ôiratsume thì đi đến kết hôn, một kết cuộc có hậu hơn.

Sau khi cưới nhau rồi, Ôiratsume vẫn còn viết những vần “khuê oán” như sau:

4-735

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

春日山 霞多奈引 情具久 照月夜尓 獨鴨念

Dạng huấn độc (đã chua âm):

春日山霞たなびき心ぐく照れる月夜にひとりかも寝む

Phiên âm:

Kasugayama / kasumi tanabiki / kokoroguku / tereru tsukuyo ni / hitori kamo nemu /

Diễn ý:

Trên núi Kasuga, sương mùa xuân giăng mắc và ánh trăng chiếu lạnh lùng. Đêm nay trong lòng em bất an, có điều phiền muộn tiêu tao vì anh đi đâu mà không đến, làm cho em phải ngủ một mình. Buồn quá đi thôi! Hãy đến bên em với.

Tạm dịch thơ:

Núi xuân sương giăng mắc / Trăng xuân chiếu bẽ bàng / Cho lòng em buồn bã / Người chẳng đến, thêm càng / Đêm nay ôm gối chiếc / Trong mộng nhớ mong chàng!

Và sau đây là bài thơ con người đa tình đa cảm Yakamochi đã họa lại:

4-736

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

月夜尓波 門尓出立 夕占問 足卜乎曽為之 行乎欲焉

Dạng huấn độc (đã chua âm):

月夜には門に出で立ち夕占問ひ足占をぞせし行かまくを欲り

Phiên âm:

Tsukuyo ni wa / kado ni idetachi / yuuketoi / ashiura wo zo seshi / yukamaku wo hori

Diễn ý:

Không phải đợi đến khi đọc nhưng lời em viết trong thơ, một đêm xuân như đêm nay, lòng anh cũng nặng trĩu nhớ nhung, chỉ muốn chóng đi gặp em. Anh dã chuẩn bị ra cửa và hồi chiều anh đã gieo quẻ bói xem hôm nay hướng nhà em tốt hay xấu. Hãy chờ nhé, nếu có điềm tốt, anh sẽ đến ngay.

Tạm dịch thơ:

Đâu phải chờ thư nhắn / Mới hiểu lòng nhớ nhung / Đêm xuân anh cũng muốn / Tìm đến chỗ em thương/ Chiều nay vừa giũ quẻ / Mong tốt hướng thuận đường /

Khỏi phái nói những chàng trai ngoại tình thường lấy cớ cát hung tốt xấu để tránh không đến nhà vợ nhưng người đứng đắn cũng có khi là nạn nhân của sự mê tín. Quẻ bói định hướng xuất hành gọi là a.ura (ashi 足= chân, uranai占い = bói), một phong tục khá phổ biến thời cổ.

4-728

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

人毛無 國母有粳 吾妹子与 携行而 副而将座

Dạng huấn độc (đã chua âm):

人もなき国もあらぬか我妹子とたづさはり行きて副ひて居らむ

Phiên âm:

Hito mo naki / kuni mo aranu ka / wagimo koto / tazusawari yukite / taguite oramu /

Diễn ý:

Hỏi có nơi nào mà chẳng thấy một bóng người không nhỉ ? Nếu có thì anh muốn đem em theo anh đến đó sống chứ ở đây tiếng đời phiền nhiễu làm anh chắc phải chết sớm mất!

Như thế chuyện tiếng đời phiền nhiễu không chịu cho thấu đã có tự thời xưa chứ đâu phải mới bắt đầu trong xã hội hiện đạivới những anh *paparazzi.* Con người hào hoa và đào hoa Yakamochi nay đã cập bến với cô em họ Ôiratsume (Đại nương) không thể nào tránh lời bàn ra tán vào. Nếu ông muốn cùng vợ đi đến một hoang đảo để sống thì cũng không có gì lạ.

Tạm dịch thơ:

Nếu như có chỗ nào / Giống như nơi hoang đảo / Anh muốn đưa em đi / Không tin cho ai biết / Ở đây chịu tiếng đời / Chắc là anh phải chết ! .

Yakamochi thực ra có nhiều đặc điểm lôi cuốn được các bà các cô cho nên có bị họ hành cho cũng đáng. Thời trẻ chưa có danh vọng bằng ai nhưng ông là con nhà gia thế, Tuy mang tiếng võ biền nhưng gia đình ông có truyền thống văn chương qua phụ thân Tabito và cô ruột Sakanoue no Iratsume (Lang nữ). Đừng đầu một gia đình danh giá, văn hay chữ tốt, tướng mạo đường đường, lại đang độ trẻ trung, làm gì ông không là đích ngắm của các nàng. Đó là chưa kể ông có tương lai rạng rỡ của một vị quan trong nội cung (kunaikan) và còn rành rẽ những thứ "thể thao" đương thời như đi săn bằng chim ưng (takagari), thơ hay và dĩ nhiên là có một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế nữa.

Trong Man.yôshuu, ông có nhiều thơ tặng đáp. Ngoài cô em họ và cũng là người vợ chính là Ôiratsume (Đại nương), ông còn trao đổi thơ với quận chúa Yamaguchi (Yamaguchi no Ôkimi), các tiểu thư Nakatomi no Iratsume, Kannagibe no Maso Otome, Kasa no Iratsume, Ômiwa no Iratsume, Kôno no Momoe no Otome, Awatame no Otome, Ki no Iratsume, Heki no Nagae no Otome, Abe no Iratsume, Heguriji no Iratsume vv...Sau đây, ta thử trích dẫn một số thơ của các nàng ấy. Dù sao,kiểm điểm lại thì người mà Yakamochi đem tâm hồn trao gữi chỉ có thể là chính thê Ôiratsume mà thôi.

Tiết V: Thơ những người đàn bà có liên hệ đến Yakamochi:

Ôtomo no Sakanoue no Ôiratsume 大伴坂上大嬢：

Con gái cả của Ôtomo no Sakanoue no Iratsume, liên hệ trước tiên với Yakamochi là vai cô em họ nhưng sau đó trở thành người vợ yêu của ông. Có một ông chồng được nhiều cô gái trẻ mến mộ như Yakamochi, bà Ôiratsume là cái đích của mọi sự thèm thuồng của họ. Chồng và mẹ vẫn thường tặng bà những bài thơ âu yếm nồng nàn.

Có thể Ôiratsume là người được hưởng đầy đủ tinh cảm nên thơ bà thật thà, tròn trịa chứ không có những khúc mắc sâu xa. Nội dung hơi hạn hẹp, thiêu thiếu một cái gì. Trong quyển 4, bà có 10 bài, quyển 8 bà có 1 bài, tổng cộng là 11.

Sau đây là bài thơ bà làm ra để tặng chồng kèm theo món quà, một cái vòng tết bằng gié lúa để cài đầu (inekazura):

8-1624

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

吾之蒔有 早田之穂立 造有 穰曽見乍 師弩波世吾背

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が蒔ける早稲田の穂立作りたるかづらぞ見つつ偲はせ我が背

Phiên âm:

Wa ga makeru / wasada no hotachi / tsukuritaru / kazura zo mitsutsu / shinowase wa ga se /

Diễn ý:

Món quà gửi đến anh đây là cái vòng cài đầu tết bằng gié lúa mà em đã gieo mạ, chăm sóc từ lúc còn non, nghĩa là vật mà tự tay em làm ra. Hãy nhìn lấy nó mà nhớ về em, anh nhé.

Chuyện một tiểu thư khuê các như Ôiratsume nhúng tay vào việc đồng áng là điều cần xét lại. Có thể bà hơi khoa trương đôi chút. Sau khi nhận được thơ và quà, Yakamochi đã nhanh nhẹn trả lời ngay nhìn nhận món quà là do công khó của vợ mình làm ra và đã " ngắm mãi không biết chán" (miredo akanu, bài 8-1625):

吾妹子が業と作れる秋の田の早稲穂のかづら見れど飽かぬかも

Wagimoko ga / nari to tsukureru / aki no ta no / wasaho no kazura / miredo akanu kamo

Người đời xưa thường lấy dây leo có hoa, gié lúa có bông kết thành vật trang sức. Trong bài 18-4086, Yakamochi có nhắc đến một vòng hoa bách hợp (yuri) dùng để cài đầu.

Tạm dịch thơ:

Em gửi anh món quà / Vòng cài đầu bằng lúa / Tự tay em gieo mạ / Chăm sóc lúc còn non / Mỗi lần nhìn thấy nó / Xin hãy nhớ em hơn /

Thơ Kasa no Iratsume 笠郎女

Ước tính có đến 124 nữ thi nhân trong Man.yôshuu. Trong đó có một nhóm qui tụ chung quanh Ôtomo no Yakamochi và liên hệ mật thiết với ông. Vì ông là nhà biên tập nên việc ông đem thơ họ vào thi tập nhiều cũng dễ hiểu.

Từ đời Nara trở đi, vận nhà Ôtomo cũng đã hưng vượng trở lại. Đó là một danh gia vọng tộc có nhiều nhân tài chứ không chỉ hai anh em trí thức Tabito và Sakanoue no Iratsume. Đến khi một người trẻ tuổi có mọi đức tính (thông minh, nhạy cảm, đẹp trai, hào hoa phong nhã) … như Yakamochi đã sinh ra đời để đứng ra lèo lái gia đình thì vận hội của dòng họ Ôtomo đã đạt tới một đỉnh cao. Với vai trò ấy, nếu Yakamochi có lôi cuốn sự để ý của giới nữ lưu nghệ sĩ đương thời là điều không ai làm lạ!

Thơ tặng đáp trong Man.yôshuu khá nhiều. Trong trường hợp của Yakamochi thì thơ của nữ giới tặng ông nhiều hơn. Thơ Yakamochi họa lại đếm được trên đầu ngón tay. Tác giả những bài thơ gửi đến ông là các cô gái trẻ sống dưới thời Tenpyô (729-749) nhưng người viết nhiều và còn để lại những bài có giá trị hơn cả chính là Kasa no Iratsume. Người ta thường ví chùm thơ tình của bà gửi ông Yakamochi như những hạt ngọc xâu thành một chuỗi, tất cả đều khả ái, nồng nhiệt và chân thành đến tự đáy lòng.

Tuy truyện ký về bà không mấy rõ ràng nhưng có thuyết cho rằng cái tên Kasa có thể đến từ mối liên hệ họ hàng với nhà thơ Kasa no Kanamura 笠金村. Trong quyển 3 có chép 3 bài của bà, quyển 4 có đến 24, riêng quyển 8 chỉ có 2, tổng cộng 29.Tất cả đều theo thể tanka nhưng toàn là thơ bà làm ra để tặng cho Yakamochi. Ông ta trả lời bà mỗi hai lần mà không mấy thắm thiết.Có thể bà nằm trong đội ngũ nhưng người đàn bà thất tình vì ông.

Trang phục phụ nữ thời Nara (Nguồn Internet)

4-593

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

君尓戀 痛毛為便無見 楢山之 小松之下尓 立嘆鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

君に恋ひいたもすべなみ奈良山の小松が下に立ち嘆くかも

Phiên âm:

Kimi ni koi / ita mo subenami / Narayama no / komatsu ga shita ni / tachinageku kamo /

Diễn ý:

Nghĩ về anh mà thương ơi là thương, đứng ngồi không phút nào yên.Em muốn lén ra khỏi nhà, lên hòn núi Narayama bên cạnh, đứng dưới gốc tùng con mà buông tiếng thở dài cho vơi tâm sự.

Tâm sự của một cô cái trẻ trắng trẻo, tuổi độ 15, 16, tóc còn rẽ đường ngôi, với chiếc váy đỏ đứng bên cạnh gốc tùng con (để tương xứng với cô, không thể là một cây tùng già hay tùng lớn được). Mắt cô nhìn về xa xôi và đẫm lệ. Đó là hình ảnh phảng phất qua bài thơ này. Narayama là một vùng có nhiều lăng mộ.

Tạm dịch thơ:

Thương anh và nhớ anh / Đứng ngồi đâu có yên / Em lén nhà lên núi / Nara ở kề bên / Dưới bóng tùng, đứng khóc / Cho vợi nỗi niềm riêng? /.

4-594

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

吾屋戸之 暮陰草乃 白露之 消蟹本名 所念鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我がやどの夕蔭草の白露の消ぬがにもとな思ほゆるかも

Phiên âm:

Wa ga yado no / yuukagekusa no / shiratsuyu no / kenu gani mo to na / omohoyuru kamo /

Diễn ý:

Trong vườn nhà của em, vừa khi buổi chiều còn buông vài tia nắng nhạt, có những giọt sương còn đong đưa dưới chòm lá những cây hoa nở thật dễ thương. Những giọt sương ấy sắp sửa tan đi, bản thân em cũng như mối tình của em đối với anh cũng nhạt nhòa dần trước anh và biến mất mà không làm sao giữ lại được.

Từ gốc tùng trên núi trở về phòng, nàng chắc đang chống cằm nhìn ra vườn mà nghĩ về cái mong manh của mối tình đơn phương mình mang trong lòng.

Tạm dịch thơ:

Vườn em chiều nhạt nắng / Sương đong đưa cành hoa / Tình em như sương ấy / Bám được anh chăng là / Theo tháng ngày tàn tạ / Giữ hỏi đến bao giờ?

4-596

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

八百日徃 濱之沙毛 吾戀二 豈不益歟 奥嶋守

Dạng huấn độc (đã chua âm):

八百日行く浜の真砂も我が恋にあにまさらじか沖つ島守

Phiên âm:

Yahokayuku / hama no manago mo / a ga koi ni/ani masarajika / okitsu shimamori /

Diễn ý:

Bao nhiêu ngày, bao nhiêu ngày rồi đi suốt qua những bờ cát trắng bên biển. Cát trắng nhiều vô kể nhưng số lượng hạt cát lấm tấm ấy nếu đem so sánh với tình em không biết có thể gọi là nhiều không. Không đâu, làm thế nào mà ví với mối tình vô hạn của em được, hỡi người giữ đảo ngoài khơi (okitsu shimamori)!

Cát thường được đem ví với số nhiều là chuyện ai cũng biết nhưng đem so sánh với tình yêu như Kasa no Iratsume thì cũng có thể gọi là mới mẽ. Lời nhắn nhủ đến người giữ đảo rất là thi vị.

Tạm dịch thơ:

Suốt mấy ngày dạo biển / Nhìn cát trắng mông mênh / Cát dẫu bao nhiêu hạt / Nhiều sao bằng tình em, Biết chăng, người giữ đảo / Lòng em thương vô biên /

Đồi cát ở Tottori (Nguồn Wikipedia)

4-599

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

朝霧之 欝相見之 人故尓 命可死 戀渡鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

朝霧のおほに相見し人故に命死ぬべく恋ひわたるかも

Phiên âm:

Asagiri no / ô ni aimi shi / hito yue ni / inochi shinu beku / koi wataru kamo /

Diễn ý:

Dù chỉ có một lần duy nhất thoáng gặp anh, đáng lý ra làm sao nhớ mặt được, thế mà vì anh mà em khô héo cả tâm can. Yêu anh nồng nàn, không còn kể gì đến tính mạng.

Asagiri (suơng sớm mùa thu) ở đầu câu thơ là một từ hoa để bổ nghĩa cho ô (oho) ý nói bâng quơ hay mơ hồ, không rõ ràng. Từ gặp gỡ bâng quơ đến yêu thắm thiết không kể đến mạng sống, sự tương phản này có tác dụng nhấn mạnh cường độ của tình yêu.

Tạm dịch thơ:

Chỉ một lần thoáng gặp / Lẽ ra nào nhớ mặt / Nhưng tình đâu xui khiến / Héo úa cả tâm can / Yêu anh lòng bỏng cháy / Sống chết em không màng /

4-600

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

伊勢海之 礒毛動尓 因流波 恐人尓 戀渡鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

伊勢の海の礒もとどろに寄する波畏き人に恋ひわたるかも

Phiên âm:

Ise no umi no / iso mo todoro ni / yosuru nami / kashikoki hito ni / koi wataru kamo /

Diễn ý:

Như ngọn sóng vỗ vào bờ đầy ghềnh đá của bãi biển Ise, em đã làm một chuyện khó khăn là đi yêu anh, một người có địa vị cao cả. Nhưng em (cũng như ngọn sóng vỗ không ngừng nghỉ vào bờ) sẽ tiếp tục yêu anh mãi mãi.

Có lẽ Kasa làm bài thơ này lúc mới bắt đầu gặp gỡ Yakamochi. Tuy nhiên nàng đã thấy trước những khó khăn vì nhiều lý do, trong đó có sự cách biệt về giai cấp. Bày tỏ tình yêu bền bĩ đấy nhưng nghe như là nàng đang tự thương thân.

Tạm dịch thơ:

Như sóng vỗ bờ đá / Phận mình quá chon von / Nhưng yêu người tha thiết / Lòng em nào đâu sờn / Tình như con sóng vỗ / Đến muôn thuở không ngừng /

Giáo sư Uemura Etsuko tự hỏi có phải nhà thơ thiên tài và Shôgun bất hạnh của mạc phủ Kamakura, Minamoto no Sanetomo (Nguyên, Thực Triều, 1192-1219) cũng là người hâm mộ Man.yôshuu, chẳng đã lấy cảm hứng từ câu thơ này để viết bài tanka 5/7/5/7/7 vẫn được đời truyền tụng của ông là:

大海の磯もとどろに寄する波割れて砕けて散るかも

Ôumi no / kiso mo todoro ni / yosuru nami / warete kudakete / sakete chiru kamo

(Biển khơi, sóng muốn xô ghềnh / Đánh ầm, vỡ khắp, rồi im tan tành)

4-602

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

暮去者 物念益 見之人乃 言問為形 面景尓而

Dạng huấn độc (đã chua âm):

夕されば物思ひまさる見し人の言とふ姿面影にして

Phiên âm:

Yuu sareba / monomoi masaru / mishi hito no / kototou sugata / omokage ni shite

Diễn ý:

Mỗi khi chiều xuống, tình yêu của em càng chất chứa đầy lòng. Bây gờ lòng em tràn ngập hình dáng anh lúc anh ngỏ lời cùng em trong lúc gặp gỡ mới hồi nãy đây thôi.

Kototou sugata là hình ảnh của người đàn ông vừa nói chuyện với mình. Kasa ghi nhớ mỗi lời nói, mỗi cử chỉ và lập đi lập lại trong đầu cảnh tượng đó. “Hôm nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm…Em nhớ tiếng, em nhớ hình, nhớ ảnh (mono omoi / sugata / omokage),

em nhớ anh, em nhớ quá, anh ơi" như ý một câu thơ Việt của Xuân Diệu trên một nghìn hai trăm năm sau và trong một chiều ngược lại vậy.

Tạm dịch thơ:

Chiều xuống tình càng dâng / Ôi dáng ai ân cần / Mỗi lời, mỗi cử chỉ / Nhớ ơi, nhớ vô ngần / Dẫu mới vừa gặp đó / Lòng lại đã bâng khuâng /

4-603

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

念西 死為物尓 有麻世波 千遍曽吾者 死變益

Dạng huấn độc (đã chua âm):

思ふにし死にするものにあらませば千たびぞ我れは死にかへらまし

Phiên âm

Omou ni shi / shini suru mono ni / aramaseba / chitabi zo ware wa / shinikaeramashi /

Diễn ý:

Giả sử có một định mệnh dành cho người khổ vì tình là phải ôm nỗi niềm riêng mà chết đi thì em sẽ vì tình yêu của mình mà chết rồi tái sinh cả nghìn lần để tiếp tục yêu anh, cho anh thấy tình yêu đó sâu đậm và vượt thời gian như thế nào

Tạm dịch thơ:

Ví bằng tương tư khổ / Phải chết trong héo hon / Em nguyện vì anh chết / Và sống lại nghìn lần / Để yêu anh mãi mãi / (Vĩnh viễn vượt thời gian)/

4-605

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

天地之 神理 無者社 吾念君尓 不相死為目

Dạng huấn độc (đã chua âm):

天地の神の理なくはこそ我が思ふ君に逢はず死にせめ

Phiên âm:

Ametsuchi no / kami no kotowari / naku wa koso / a ga omou kimi ni / awazu shiniseme /

Diễn ý:

Em vẫn ngày đêm cầu thiên thần thổ địa sao cho em có dịp gặp anh. Nếu các ngài ấy mà không biết điều (thường thì làm gì có chuyện đó nhưng nếu lỡ ra), em sẽ không thể đạt được điều mình mong mỏi và như thế em sẽ chết trong đau khổ. Nhưng trời đất quỷ thần là kẻ biết điều, chắc em sẽ toại nguyện đó anh.

Vì tình yêu mãnh liệt của mình vượt khỏi giới hạn của thế giới này, Kasa phải trông đợi vào sự trợ giúp của thần linh. Thế thì tại sao Yakamochi không đáp lại lòng thành khẩn ấy? Có thể là mối tình của Kasa đã đến không nhằm lúc, vào ngay thời điểm ông đang tràn ngập hạnh phúc với Ôiratsume chăng?

Tạm dịch thơ:

Luôn luôn khấn đất trời / Sao cho em gặp người / Nếu quỷ thần chẳng thấu /Đành chết cô đơn thôi / Nhưng trời cao có mắt / Xin ngóng đợi một ngày /

4-607

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

皆人乎 宿与殿金者 打礼杼 君乎之念者 寐不勝鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

皆人を寝よとの鐘は打つなれど君をし思へば寐ねかてぬかも

Phiên âm:

Minahito wo / neyo to no kane wa / utsu naredo / kimi wo shiomoeba / inekatenu kamo /

Diễn ý:

Này mọi người ơi, đã đến giờ ngủ, chúng ta đi ngủ thôi. Tiếng chuông làm hiệu đã đổ từ nãy rồi.Thế mà đầu óc em đang đầy ắp hình ảnh của anh, không tài nào nhắm mắt. Ôi, biết làm sao?

Người xưa đi ngủ khoảng giờ Hợi, nghĩa là từ 9 đến 11 giờ tối. Từ đời Nữ thiên hoàng Saimei có lệ đánh chuông báo giờ (tokigane). Công việc này do các quan bác sĩ về thời khắc (rokoku hakase, 2 người) và kẻ giúp việc đo thời giờ (shushinchô, 20 người) bằng nước và cát trong Viện Âm Dương (Ônmoryô) phụ trách. Đem tiếng chuông báo giờ đi ngủ vào thơ cũng là một chuyện hiếm có nhưng nó vẽ ra được cảnh tượng cuộc sống rất thực của cung đình.

Tạm dịch thơ:

Chuông báo giờ đã điểm / Ai nấy đều đi nằm / Em không sao nhắm mắt / Trằn trọc đến canh năm / Chỉ vì trong tâm trí / Đầy hình ảnh của anh /.

Qua những bài thơ nói trên, ta thấy tình cảm của Kasa là tình cảm khả ái, thuần khiết, yêu đơn phương và không toan tính của một cô gái mới lớn đứng trước mối tình đầu đời. Không bày tỏ được cho ai, nó chỉ chất chứa trong lòng. May là có thi ca đã mở cho nàng một lối thoát duy nhất.

Phản ứng của Yakamochi trên thực tế thế nào không rõ nhưng trong Man.yôshuu thì chẳng thấy có một bài *henka* (phản ca, **返歌**nào để trả lời (xin chớ nhầm với *hanka*, phản ca, **反歌** vốn có một ý nghĩa khác mà ta đã biết). Hai bài 4-811 và 4-612 ông họa cho 2 bài 4-609 và 4-610 mà bà tặng ông chỉ là thơ làm ra sau khi đã xa nhau và nhân một lần tái ngộ (tương biệt cánh lai). Lúc đó, bà còn làm những bài thơ 4-608 như sau đây để tặng ông nhưng xem ra thì tình xưa không còn để lại dấu vết gì, nếu không nói còn đượm chút màu cay đắng nữa.

4-608

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

不相念 人乎思者 大寺之 餓鬼之後尓 額衝如

Dạng huấn độc (đã chua âm):

相思はぬ人を思ふは大寺の餓鬼の後方に額つくごとし

Phiên âm:

Ai omowanu / hito wo omou wa / ôtera no / aki noshirie ni / nuka tsuku gotoshi /

Diễn ý:

Nếu ta yêu và người ấy cũng nghĩ đến ta, tương tư tương ái như thế thì tình yêu mới thích thú. Chứ đây chỉ có mỗi mình ta là nồng nhiệt - chả khác nào con bào ngư chỉ có một lớp vỏ (người Nhật thường xem con bào ngư**鮑**(abalone, ear shell) một mặt áp vào đá, không có vỏ bọc bên kia, là con vật yêu một chiều (片思いkataomoi) ! Cứ xem những người chẳng biết mô tê, nhè con ngạ quỷ ở góc chùa lớn kia mà đứng sau lưng nó sì sụp cúi đầu xuống sàn làm lễ! Nào được lợi ích gì đâu, hỏi có ngu không?

Tạm dịch thơ:

Yêu người không yêu mình / Nồng nàn, đáp lạnh tanh / Có khác gì những kẻ / Gặp ngạ quỷ cúi mình / Dập đầu xuống làm lễ / Trong chùa, ai thấu tình /

Ngạ quỷ là hình thù tướng mạo mà những ai đã phạm ác nghiệp trong cuộc đời này khi đến khi chết đi phải mang lấy. Lúc nào ngạ quỷ cũng đói, cũng thèm ăn nhưng khi miếng ăn đưa lên miệng thì thức ăn biến thành lửa ngọn không thể nào nuốt được. Kẻ lọt vào ngạ quỷ đạo ốm chỉ còn da bọc xương, tháng ngày than khóc vì thèm ăn. Để khuyến thiện trừng ác, các chùa lớn thường dựng tượng ngạ quỷ ở một góc chùa.

Những kẻ sớn sát, khi đi cúng Phật thì lại đến ngay bên tượng ngạ quỷ khấn khứa huyên thiên, lạy lấy lạy để, xong rồi về và như thế làm thành trò cười cho thiên hạ. Kasa lúc ấy có ý trách thái độ vô tình của Yakamochi (như ngạ quỷ) và tự trào một cách lạnh lùng về mối tình đơn phương dại dột của mình giống như anh chàng đi chùa sớn sát, lạy lục kẻ không đáng phải lạy.

Trước bài thơ như vậy, chắc Yakamochi chỉ biết cười ngao ngán nhưng không khỏi khen thầm tài thơ văn của Kasa. Bằng cớ là ông đã đem nó vào tuyển tập ! Chịu mang tiếng xấu chẳng qua là cái nghiệp của ông đối với các nàng mà thôi. Còn về phần Kasa, bà quả thực là một nữ thi nhân tài trí có vị trí hàng đầu trong lãnh vực sômonka thời Vạn Diệp.

Abe no Iratsume 安部郎女

Truyện ký về bà này không mấy rõ.Qua thi văn mới biết bà có mối liên hệ với một quí tộc là ông Nakatomi no Asomi Azumahito **中臣朝臣東人**. Ngoài ra cũng thấy Yakamochi có tặng bà một bài thơ (bài 8-1631) than thở cảnh một mình khổ sở vì cô đơn trong đêm thu dài nên cũng phỏng đoán được là ông có quan hệ luyến ái với bà. Thế nhưng không thấy thơ bà đáp lại.

Thơ các bà các cô có liên hệ với Yakamochi phần lớn được đang trong hai quyển 4 và 8 nhưng thơ Abe no Iratsume không thấy trong quyển 8. Hình như bà quê vùng cố đô Fujiwara (kinh đô thời Nữ thiên hoàng Jitô và thiên hoàng Mommu). Trong quyển 3 bà có 1 bài, quyển 4 được 4, đều là tanka. Tên bà có khi viết là **阿部**thay vì **安部**, không hiểu có phải là một nhân vật khác không?

4-505

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

今更 何乎可将念 打靡 情者君尓 縁尓之物乎

Dạng huấn độc (đã chua âm):

今さらに何をか思はむうち靡き心は君に寄りにしものを

Phiên âm:

Imasara ni / nani wo ka omowamu (wan) / uchinabiki / kokoro wa kimi ni / yori ni shi mono wo /

Diễn ý:

Đã đến lúc này rồi mà vẫn còn lưu luyến, vướng bận những gì đâu đâu nữa sao! Trong lòng em bây giờ chuyện của anh là cái em đã dẹp qua một bên (yori ni shi mono) rồi.

Giọng điệu cứng cõi, quyết tâm rõ ràng. Quả là khi người đàn bà đã quyết định một điều gì rồi, thật khó lay chuyển. Có phải vì người trong thơ đã đối mặt với cảnh khổ do cha mẹ, bạn bè chung quanh hay người đời mà phải đi đến quyết định chia tay? Nhưng dù là chồng hay người yêu, người ấy đều có đủ can đảm để dẹp ra khỏi cuộc đời của mình.

Ngược lại, khi công chúa Tajima đem lòng yêu hoàng tử Hozumi, người anh khác mẹ của bà, bà cũng ăn nói mạnh mẽ như thế (*Như bông lúa đồng thu / Chỉ nghiêng về một phía / Lòng em anh biết rõ / Chỉ tựa vào anh thôi / Dù cho ai cười cợt / Em cũng mặc tiếng đời)* (xem bài 2-114 của công chúa trong Chương II) ta thấy người con gái ấy cũng có một quyết tâm tương tự. Mới nhìn qua thì tưởng là ủy mị, nhưng đọc đến câu cuối mới thấy cái sắt đá. Như thể bà đang tuyên cáo với chồng hay đang thề nguyền với chính mình!

Tạm dịch thơ:

Bây giờ có lưu luyến / Chuyện cũ đã xa xôi / (Dầu rắp tâm níu kéo / Chỉ bằng thừa mà thôi) / Trong cõi lòng em đó / Anh khuất bóng lâu rồi /

4-506

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

吾背子波 物莫念 事之有者 火尓毛水尓<母> 吾莫七國

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が背子は物な思ひそ事しあらば火にも水にも我れなけなくに

Phiên âm

Wa ga seko wa / mono na omôi so / kotoshi araba / hi ni mo mizu ni mo / ware nakenaku ni /

Diễn ý:

Anh ơi, đừng suy nghĩ vẫn vơ nữa! Vạn nhất nếu có điều gì thì hãy còn có em đây, người dám nhảy vào nước lửa không một chút chần chờ.

Nhà thơ thổ lộ rõ ràng nhiệt tình của mình, không từ nan trước cả nước lửa. Mới đọc, thấy như muốn nói cho kêu nhưng hình như nếu không dùng cách diễn đạt rạch ròi như thế thì tác giả không bộc lộ hết cõi lòng. Nó giống tâm tình của một người vợ khi thấy

chồng đang đối đầu với nghịch cảnh nên khuyến khích, nâng đỡ chồng vượt qua. Nhìn toàn bài, ta thấy khí thế lên cao dần.

Thơ tương tự (ruika**類歌**) như bài này thì có thơ của công chúa Minabe (Minabe no Himemiko**御名部皇女)**, người chị cùng mẹ của Thiên hoàng Gemmei **元明天皇**khi bà họa thơ ông (bài 1-77). Bài thơ ấy cũng ngụ ý khích lệ nhà vua khi ông đang gặp khó khăn chính trị:

吾が大君ものな思ほし皇神の継ぎて賜へる我なけなくに

Wa ga ôkimi / mono na omôshi / sumekami no / tsugite tamaeru / ware nakenaku ni /

Tạm dịch thơ:

Chàng ơi, đừng rối trí / Hãy tin vào thiếp đi / (Sự thể dù sao nữa / Em vẫn bên chàng đây) / Phải nhảy vào nước lửa / Không ngần ngại phút giây /

Bài thứ ba trích thơ Abe no Iratsume cũng nói lên sự chung thủy và tận tâm của người đàn bà:

4-514

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

吾背子之 盖世流衣之 針目不落 入尓家良之 我情副

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が背子が着せる衣の針目おちず入りにけらしも我が心さへ

Phiên âm :

Wa ga seko ga / keseru koromo no / harime ochizu / irini kerashi mo / a ga kokoro sae /

Diễn ý:

Vì là tấm áo của anh yêu mặc lên người nên em dồn hết tình thương vào mỗi đường kim mũi chỉ. Mỗi mũi kim khâu đều chứa đựng tâm tình em trong đó, cho nên tình yêu của em lúc nào cũng sát cạnh bên anh.

Qua bài thơ, ta thấy hiện lên hình ảnh một cô gái sau khi đã chăm chú khâu áo cho chồng nay hoàn thành tác phẩm của mình và tỏ ra thỏa mãn, hạnh phúc vì mình sẽ theo chàng trên suốt đoạn đường cho dù chàng có phải đi xa khỏi kinh đô. Người đi xa có khi là nhận việc quan đi trấn nhậm hay bị lưu đày. Theo sách Kogi (Cổ Nghĩa**古義**) của học giả đời Edo là Kamochi Masazumi **鹿持雅澄**thì “anh yêu” trong tác phẩm này có lẽ là Nakatomi no Asomi no Azumahito.

Tạm dịch thơ:

Vì áo anh yêu mặc / Nên từng mỗi đường kim / Em đăm đăm khâu lấy / Dồn hết cả tâm tình / Mai dù anh đi vắng / Vẫn mang em bên mình /

Yamaguchi no Ôkimi 山口女王

Truyện ký về bà cũng không rõ. Sáu bài thơ của bà đều là thơ đem tặng Yakamochi nhưng không có lấy một bài do ông họa lại. Chắc là một phụ nữ ái mộ ông thôi.

4-613

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

物念跡 人尓不<所>見常 奈麻強<尓> 常念弊利 在曽金津流

Dạng huấn độc (đã chua âm):

もの思ふと人に見えじとなまじひに常に思へりありぞかねつる

Phiên âm:

Mono omou to / hito ni mieji to / namajihi ni / tsune ni omoeri / ari zo kanetsuru /

Diễn ý:

Biết rằng đã yêu thì chớ nên để cho ai thấy. Thế mà mấy ai thực hiện nổi điều đó.Nhưng bộc lộ, để vỡ lỡ ra thì lại e mình khó sống.

Trong Hyakunin Isshuu (Bách nhân nhất thủ) có chép hai bài thơ của Taira no Kanemori và Mibu no Tadami về cùng một chủ đề và một tâm trạng**.**

Thơ Taira no Kanemori như sau:

しのぶれど色に出でにけりわが恋いはものや思うとひとの問うまで

Shinoburedo / Iro ni ide ni keri /Wa ga koi wa / Mono ya omou to / Hito no tou made

Dẫu nén tận đáy lòng, / Trên mặt khó che cùng. / Người chung quanh dọ hỏi, / Tương tư hay là không?

Còn thơ Mibu no Tadami:

恋すてふわが名はまだき立ちにけり人知れずこそ思ひそめしか

Koi suchô / Wa ga na wa madaki / Tachi ni keri / Hito shirezu koso / Omoi some shika

Chưa chi ai đã vội, / Rêu rao tình của tôi. / Dù âm thầm chôn dấu, / Mình hiểu lòng mình thôi.

Như thế thì tình yêu thường là cái gì phải ẩn dấu. Nếu tình yêu để lộ trước mặt mọi người là đi ngược với thế tình. Làm như thế chỉ đem đến sự khổ đau và đôi khi còn có hại cho mạng sống vì sẽ chịu tiếng đời nếu là trường hợp một mối tình ngang trái. Yamaguchi no Ôkimi không phóng đại, bà có vẻ nói thực lòng. Ta có thể thông cảm cho bà. Đối với người con gái khác thì còn công ăn việc làm và những mối lo cấp thiết khác chứ khuê các như bà (một công chúa) thì tình yêu là tất cả.

Tạm dịch thơ:

Tình yêu thường phong kín / Ấp ủ giữa con tim / Nghĩ thế nhưng đâu dễ / Chôn chặt nỗi niềm riêng / Còn như cho người biết / Lòng sẽ héo hon thêm /.

8-1617

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

秋芽子尓 置有露乃 風吹而 落涙者 留不勝都毛

Dạng huấn độc (đã chua âm):

秋萩に置きたる露の風吹きて落つる涙は留めかねつも

Phiên âm:

Akihagi ni / okitaru tsuyu no / kaze fukite / otsuru namida wa / todomekanetsu mo

Diễn ý:

Những giọt sương đọng trên cánh hoa thưu (hagi) mùa thu tan tác bay trong làn gió như cánh bướm. Nước mắt của em vì tình yêu của em đối với anh cũng tuôn ra lã chã như thế đấy.

Đem giọt sương tan tác trong gió ví với nước mắt của người con gái quí phái khóc cho tình cũng khá thi vị. Đây là bài thơ khá nhất trong 6 bài thơ công chúa để lại.

Tạm dịch thơ:

Sương trên cành hoa thắm / Tan tác vì gió thu / Khác nào dòng lệ thảm / Tuôn ra vì tình yêu / Có bao giờ đọng lại / (Vì anh, khóc đã nhiều!)

Hoa thưu dại (yamahagi) (Nguồn Wikipedia)

Heguriuji no Iratsume平群氏郎女

Thêm một nhân vật nữa mà cuộc đời không để lại nhiều chi tiết.Hẵn là một người hâm mộ Yakamochi. Bà có 12 bài thơ, toàn là thơ làm để tặng ông.

17-3940

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

餘呂豆代尓 許己呂波刀氣Ｃ 和我世古我 都美之<手>見都追 志乃備加祢都母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

万代に心は解けて我が背子が捻みし手見つつ忍びかねつも

Phiên âm

Yorozuyo ni / kokoro wa tokete / wa ga seko ga / tsumishi temitsutsu / shinobikanetsu mo.

Diễn ý:

Đã giao kết là lòng chúng ta hoà quyện với nhau cho đến muôn đời, cánh tay này ngày xưa anh có lần bấu mạnh làm em đau, bây giờ khi mình đã phải chia ly, mỗi lần ngắm chỗ đó, em thấy thương nhớ anh thật nhiều, thật nhiều.

Hai người đã thề nguyền đinh ninh như thế nên khi nhìn vết ngắt để lại trên da thịt, người con gái không sao quên được những tháng ngày âu yếm cũ, hình ảnh cũng như cử chỉ cuồng nhiệt của chàng (bấu chí, sadism) như hiển hiện trước mắt.Một bài thơ đầy tính nhục cảm cụ thể như thế rất hiếm có trong thế giới cung đình và đây là đặc điểm của nó.

Tạm dịch thơ:

Thề thốt mình như một / Yêu nhau đến trọn đời / Trên tay nhìn vết ngắt / Lòng em chợt nhớ người / Và ngày âu yếm cũ / Từ một thuở chia phôi /

17-3942

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

麻都能波奈 花可受尓之毛 和我勢故我 於母敝良奈久尓 母登奈佐吉都追

Dạng huấn độc (đã chua âm):

松の花花数にしも我が背子が思へらなくにもとな咲きつつ

Phiên âm :

Matsu no hana / hana kazu ni shite mo / wa ga seko ga / omoeranaku ni / moto na sakitsutsu /

Diễn ý:

Hoa tùng không đập vào mắt ai và cũng chẳng đẹp đẽ gì cho cam. Cũng chẳng ai đem sắp nó vào loài hoa. Thế mà đến mùa, nó cũng ra hoa như mọi loài hoa khác.Cũng vậy, tuy anh như mọi người chẳng để ý gì đến em nhưng em giống như mọi người (có lẽ vì đến tuổi dậy thì như hoa đến mùa) vẫn cứ thầm kín yêu anh.

Trong 12 bài thơ của Heguriuji no Iratsume, đây cò lẽ là bài xuất sắc nhất. Yakamochi là công tử nên chỉ yêu đàn bà đẹp như thói thường người ta yêu hoa đẹp. Nghĩ rằng là một người con gái tầm thường như mình thì chàng nào có đoái hoài nhưng cũng cho chàng biết mình là một người đàn bà, và đã là bàn bà, tất biết rung cảm trước tình yêu như bất cứ ai. Đây là một vần thơ chất chứa oán hận (uramigoto) dù muốn giữ vẻ bình tĩnh.

Một bài thơ thông minh. Tỏ ra khiêm tốn đến mức tự hạ nhưng sắc bén trong ý tưởng, đáng được nể trọng vì tư cách.

Tạm dịch thơ:

Hoa tùng nào có đẹp / Đâu lọt được mắt ai! / Nhưng mùa sang lại nở / Khoe sắc như muôn loài / Phận hèn không kẻ đoái / Tình vẫn hứa trao người. /

Ômiwa no Iratsume 大神郎女

Về bà, vẫn chưa rõ truyện ký. Hai bài thơ đều để tặng Yakamochi cả.Phải chăng hai bên vốn có một quan hệ luyến ái?

8-1505

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

霍公鳥 鳴之登時 君之家尓 徃跡追者 将至鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

霍公鳥鳴きしすなはち君が家に行けと追ひしは至りけむかも

Phiên âm:

Hototogisu / nakishi sunawachi / kimi ga ie ni / yuketo oishi wa / itarikemu kamo /

Diễn ý:

Anh có lần nói với em rằng anh thích nghe chim cuốc (hototogisu) hót, phải không nào! Có con chim cuốc vừa hót cạnh em đây, em đã bảo nó đi đến chỗ anh mà hót đi. Thế anh đã nhìn thấy nó chưa?

Tuy là một câu nói đùa nhưng chứng tỏ mình đã không quên một lời nào của người yêu cả. Một bài thơ chứa chan tình ý của tác giả đối với Yakamochi.

Tạm dịch thơ:

Có lần anh bảo em / Anh thích nghe tiếng cuốc / Khi chim cao tiếng hót / Em bảo nó tìm anh / Giờ chim đến nơi chưa ? / (Con chim làm sứ giả).

Chim cuốc (Nguồn Wikipedia)

Kôchi no Momoe no Otome河内百枝娘子

Truyện ký không rõ. Đã viết ba bài tặng Yakamochi.

4-701

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

波都波都尓 人乎相見而 何将有 何日二箇 又外二将見

Dạng huấn độc (đã chua âm):

はつはつに人を相見ていかにあらむいづれの日にかまた外に見む

Phiên âm

Hatsuhatsu ni / hito wo aimite / ika ni aramu (naran) / izure no hi ni ka / mata yoso ni mimu /

Diễn ý:

Tuy chỉ gặp nhau thoáng chốc rồi chia tay nhưng đã yêu anh rồi. Không biết một cơ hội nào đây, mình có thể nhìn thấy lại nhau dù chỉ trong tư thế người dung kẻ lạ. Ôi chao, em mong mỏi ngài tái ngộ ấy xiết bao!

Yakamochi quả là người nặng nợ, đã có bao nhiêu cô gái yêu thầm nhớ trộm ông như vậy. Đến đổi phải bộc lộ qua lời thơ như thế, chứng tỏ nàng không thể cầm lòng được nữa rồi!

Tạm dịch thơ:

Gặp nhau trong thoáng chốc / Xa rồi còn vấn vương / Biết bao giờ thấy lại / Dù như khách qua đường / Ôi dẫu là khoảnh khắc / Mong tái ngộ người thương /

Kannakibe no Maso Otome 巫部麻蘇娘子

Truyện ký không rõ. Cả thảy 4 bài thơ bà làm ra hình như đều để tặng Yakamochi. Thơ bình thường , không có gì độc đáo nên xin miễn đưa ra.

Awata Me no Otome 粟田女娘子

Không rõ về cuộc đời của bà.Thơ có hai bài cũng để tặng Yakamochi.

4-707

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

思遣 為便乃不知者 片ｈ之 底曽吾者 戀成尓家類〈[注土ｈ之中]〉

Dạng huấn độc (đã chua âm):

思ひ遣るすべの知らねば片もひの底にぞ我れは恋ひ成りにける
〈[注土ｈ之中]〉

Phiên âm:

Omoiyaru / sube no shiraneba / katamoi no / soko ni zo ware wa / koi nari ni keru /

Diễn ý:

Vì không biết phương pháp quét sạch tình yêu nên càng ngày nó càng thêm đầy. Mấy lúc này thì đã lún xuống đáy vực tình yêu (đáy bát) rồi. Khổ sở không sao thấu.

Katamoi còn có nghĩa là bát uống nước không có nắp đậy. Một lối diễn tả hiếm có vậy!

Tạm dịch thơ:

Bởi vì không biết cách / Đuổi được tình đi xa / Tình mỗi ngày tràn ngập / Khổ sở một thân ta / Lún sâu trong thương nhớ / Đâu còn biết lối ra /

Heki no Nagae no Otome 日置長枝娘子

Không rõ về cuộc đời của bà.Thơ có 1 bài tặng đáp với Yakamochi.

Nakatomi no Iratsume 中臣郎女

Dưới đây là một trong 5 bài thơ bà gữi đến Yakamochi (bài thứ 4).

4-675

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

娘子部四 咲澤二生流 花勝見 都毛不知 戀裳摺可聞

Dạng huấn độc (đã chua âm):

をみなへし佐紀沢に生ふる花かつみかつても知らぬ恋もするかも

Phiên âm:

Ominaeshi / sakisawa niouru / hanakatsumi / katsute mo shiranu / koi mo suru kamo

Diễn ý:

Em nay đang sống trong một mối tình cực kỳ đau khổ mà mình chưa từng trải qua. Người gây ra nông nỗi là anh đó thôi!

Ominaeshi (nữ lang hoa) là từ tu sức (makurakotoba) cho Saki (bởi vì Saki vừa là địa danh vừa có nghĩa là (hoa) nở. Tất cả 3 câu đầu (hoa nữ lang nở đẹp đẽ bên bờ đầm Saki...) chỉ dùng để tạo không khí cho katsute (xưa kia có lần) mà thôi. Không có khả năng dịch chính xác.

Tạm dịch thơ:

Em đang triền miên khổ / Vì sống trong mối tình / Đau thương chưa từng có / Suốt cả cuộc đời mình / Ai làm nên tội lỗi ?/ Nào anh biết không anh!

Hoa nữ lang (Nguồn Wikipedia)

Ki no Iratsume 紀郎女

Đây là bài thứ nhất trong hai bài bà đã tặng Yakamochi.

4-762

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

神左夫跡 不欲者不有 八〈多也八多〉如是為而後二 佐夫之家牟可聞

Dạng huấn độc (đã chua âm):

神さぶといなにはあらずはたやはたかくして後に寂しけむかも

Phiên âm:

Kamu sabuto / inaniwa arazu / hata ya hata / kakushite nochi ni / sabushikemu kamo /.

Diễn ý:

Không phải vì em ngại mình già nua mà không muốn gặp mặt anh nữa đâu. Sở dĩ em chán ngán không muốn gặp chỉ vì mỗi lần, cứ y như rằng anh sẽ nói những lời không thành thực để quyến rũ em.

Đây là tâm sự của một cô gái lớn tuổi, ý cũng muốn gặp Yakamochi nhưng trong lòng còn chần chờ vì nghĩ đến nhược điểm là tuổi tác của mình. Ở đây, cô chỉ khéo léo thoái thác như thế để che dấu lý do thực sự tại sao mình ngại ngùng.

Tạm dịch thơ:

Đâu sợ nhan sắc tàn / Mà chưa muốn gặp chàng / Lòng riêng còn ngần ngại / Nhỡ anh không đàng hoàng / Nếu tin lời ngon ngọt / Mai sau lại bẽ bàng /

Yakamochi đã họa lại bà như sau:

4-764

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

百年尓 老舌出而 与余牟友 吾者不 戀者益友

Dạng huấn độc (đã chua âm):

百年に老舌出でてよよむとも我れはいとはじ恋ひは増すとも

Phiên âm :

Momotose ni / oijitai dete / yoyomu to mo / ware wa itohaji / koi wa mama to mo /

Diễn ý:

Không không, nào có thể xảy ra được chuyện như thế! Dù cho cô có già đến trăm tuổi, răng cỏ lung lay, ăn nói lọng ngọng, lưng còng đi nữa thì tôi vẫn không hề chán cô.Không những thế, tôi càng cảm thấy yêu cô hơn nữa đấy!

Oijita là hình dạng người già ăn nói lúng búng, ngập ngọng. Yoyomu tomo ý nói ngôn ngữ không rõ ràng. Có thuyết cho là lưng còng cho nên xin giữ cả hai nghĩa.

Tương truyền bà Ki no Iratsume đã có chồng, một tước vương tên là Aki no Ôkimi và có mở một nơi hội họp trong vương phủ để đàm đạo thơ văn (salon littéraire) nên không loại bỏ khả năng Yakamochi cũng thường lui tới đó. Xem thơ hai người thì ta cảm thấy lúc hư lúc thực, lại có chút hài hước nên khó quyết đoán câu chuyện đã xảy ra thế nào.

Có điều là Yakamochi ít làm thơ họa lại những người ái mộ khác mà chỉ họa với vài người như bà Ki no Iratsume.

Tạm dịch thơ:

Cớ chi lại thẹn thùng / Dù em có lưng còng / Già nua đến trăm tuổi / Răng cỏ thảy không còn / Anh vẫn yêu tha thiết / Cho nên chớ ngại ngùng /

8-1460

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

戯奴［變云 和氣］之為 吾手母須麻尓 春野尓 抜流茅花曽 御食而肥座

Dạng huấn độc (đã chua âm):

戯奴［變云 わけ］
がため我が手もすまに春の野に抜ける茅花ぞ食して肥えませ

Phiên âm

Wake ga aru tame / wa ga te mo suma ni / haru no no ni / nukeru tsuba na zo / meshite koemase /

Diễn ý:

Vì cậu em mà tôi bận bịu túi bụi không bao giờ ngơi tay. Mùa xuân tôi đi ra ngoài đồng hái những bông tsubana (còn đọc là chibana) trắng đem về cho cậu đấy. Này, ăn đi, cậu ăn rau này cho mập lên tí nào! .

Wake ở đây có nghĩa là wakamono tức chàng trẻ tuổi, ý nói đàn em. Thơ chỉ tinh nghịch chứ không ác ý. Không hiểu đích xác hoa chibana là loại rau gì vàn ăn thì có mập lên không?

Tạm dịch thơ:

Vì cậu tôi tất tả / Tìm ngắt đọt hoa đồng / Để cậu xơi cho bổ / Mai mốt dễ lên cân / Ăn đi, này cậu bé / Xem mập chút nào không /

Ki no Iratsume lên mặt đàn chị lo lắng cho ý trung nhân Yakamochi gầy ốm không khác nào anh chàng Iwamaro mà có lần chính ông đã có thơ đùa (xem phàn nói về thơ hoạt kê trong chương 5), bà không quản nắng nôi cực nhọc ra đồng hái rau cho người yêu ăn. Cảm động vì tấm tình của nàng, Yakamochi dù ít khi tặng thơ cho ai khác ngoài người vợ yêu Ôiratsume (Đại Nương) cũng đã nhanh nhẩu làm thơ họa lại, với một giọng điệu khôi hài tương xứng.

8-1462

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

吾君尓 戯奴者戀良思 給有 茅花手雖喫 弥痩尓夜須

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が君に戯奴は恋ふらし賜りたる茅花を食めどいや痩せに痩す

Phiên âm:

A (Wa) ga kimi ni / wake wa koburashi / tabaritaru / tsubana wo hamedo / iya yase ni yasu /

Diễn ý:

Coi bộ tui (wake) đâm ra yêu cô mất, cô ơi! Nhưng không có thuốc của thầy nào, không có nước tắm suối nào có thể trị cho hết bệnh thành thử tui (wake) càng ngày càng rạc ra. Dĩ nhiên về bó rau tsubana mà cô không quản mưa nắng hái đem về thì tui xin nhận lấy.

Tạm dịch thơ:

Không khéo yêu cô mất / Nào, đã hiểu ra chưa ? / Nhưng bệnh tui nặng lắm / Thang thuốc cũng bằng thừa / Chỉ xin bó rau dại / Tình cô dãi nắng mưa /

Chương Năm

Các tác giả khác kể cả người bình dân, khất thực và lính thú.

1-Trích thơ quyển 7. 2- Trích thơ quyển 9. 3- Trích thơ quyển 10. 4- Trích thơ quyển 11. 5-Trích thơ quyển 12. 6-Trích thơ quyển 13. 7. Azuma-uta hay thơ miền đông. 8-Thơ hài hước. 9-Thơ do những người khất thực viết. 10- Thơ lính thú sakimori.

Tiết I: Trích thơ quyển 7:

Như đã trình bày, quyển 7 có nhiều bài thơ của tác giả vô danh, thường là do những người thuộc lớp bình dân đủ mọi lứa tuổi làm ra. Xin đơn cử một số bài để chứng minh tính đa dạng cũng như sự phong phú của Man.yôshuu.

7-1411

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

福 何有人香 黒髪之 白成左右 妹之音乎聞

Dạng huấn độc (đã chua âm):

幸はひのいかなる人か黒髪の白くなるまで妹が声を聞く

Phiên âm:

Sakiwahi no / ikanaru hito ka / kuru kami no / shiroku naru made / imo ga kowe wo kiku /

Diễn ý:

Hai người đó sao mà sung sướng như thế nhỉ! Cụ ông từ thuở tóc xanh cho đến khi tóc bạc, lúc nào cũng được nghe tiếng nói của cụ bà sát bên cạnh. Cảnh mình mất vợ từ sớm, trông thấy họ phát thèm.

Thường thường, dù trẻ hay già, người ta hay chú ý và so sánh hoàn cảnh người cùng trang lứa với hoàn cảnh của chính mình. Tác giả bài thơ này có lẽ là một ông lão trong trường hợp ấy, trông người ông lại ngẫm đến ta và tiếc thương người vợ đã mất sớm.

Tạm dịch thơ:

Hai người trông hạnh phúc / Trò chuyện vui khôn cùng / Từ khi tóc xanh tốt /Đến lúc trắng như bông / Ta cảnh vợ mất sớm / Nhìn sao chẳng chạnh lòng /

7-1129

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

琴取者 嘆先立 盖毛 琴之下樋尓 嬬哉匿有

Dạng huấn độc (đã chua âm):

琴取れば嘆き先立つけだしくも琴の下樋に妻や隠れる

Phiên âm:

Koto toreba / nageki sakidatsu / kedashikumo / koto no shitabi ni / tsuma ya komoreru /

Diễn ý:

Khi mới cầm chiếc đàn cầm mà khi vợ ta còn sống vẫn hay sử dụng, chưa đánh lên tiếng nào thì lòng đã tưởng nhớ hình bóng của nàng, không sao nén được tiếng thở dài. Ôi chao, có phải trong lòng chiếc đàn này, vợ ta đang ẩn nấp đâu đó chăng?

Đàn cầm này là đàn cầm Nhật Bản (yamatogoto) mà người vợ đã khuất của tác giả vẫn thường dùng. Mới cầm lên chưa chạm đến giây tơ mà tác giả đã bồi hồi nhớ về kỹ niệm cũ, cứ tưởng hình bóng vợ mình phảng phất không rời.

Tạm dịch thơ:

Vừa ôm đàn bên mình / Chưa đánh, lòng đã chùng / Nhớ người vợ khuất bóng / Xưa thích dạo đàn cầm / Dưới đáy đàn có phải / Nàng cũng lắng nghe cùng /

7-1088

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

足引之 山河之瀬之 響苗尓 弓月高 雲立渡

Dạng huấn độc (đã chua âm):

あしひきの山川の瀬の鳴るなへに弓月が岳に雲立ちわたる

Phiên âm:

Ashihiki no / Yamagawa no se no / naru nae ni / yuzuki ga take ni / kumo tachiwataru /

Diễn âm:

Tiếng nước đổ từ các lạch vào sông Yamakawa (cũng có nghĩa là sông trong núi) nghe ào ạt, trên đỉnh Yuzuki trong rặng núi Makimuku (Nara) mây đen vần vũ, cho biết trời sắp đổ mưa rào.

Nửa bài đầu là cảm nhận bằng thính giác, nửa bài sau là cảm nhận bằng thị giác về cơn mưa lớn đang sắp đổ xuống nhưng không nói thẳng đến cơn mưa. Bình thường, con sông và rặng núi yên tĩnh như thế mà nay đã thay đổi hoàn toàn, nói lên được khí thế hùng tráng của thiên nhiên. Trong thi tập của Hitomaro cũng có một bài thơ với hình thức tương tự như thể chúng là hai bài sáng tác cùng lúc nên có thuyết cho rằng cả hai đều là tác phẩm của ông.

Tạm dịch thơ:

Sông Yamakawa / Nước réo, đổ ào ạt / Rặng Makimuku / Mây đen đùn ngột ngạt / Đỉnh Yuzuki / (Mưa rào khó lòng thoát) /

7-1237

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

静母 岸者波者 縁家留香 此屋通 聞乍居者

Dạng huấn độc (đã chua âm):

静けくも岸には波は寄せけるかこれの屋通し聞きつつ居れば

Phiên âm:

Shizukekumo / kishi ni wa nami wa / yosekeru ka / koreno ya tohoshi / kikitsutsu oreba /

Diễn ý:

Cứ nằm nhà lắng nghe những tiếng động từ đâu đó vọng lên. Ta chỉ thấy trong cái im ắng đó tiếng róc rách mơ hồ của những con sóng tấp vào bờ mà thôi.

Đây là bài thơ tình ý thật lạ lùng và hiếm có vào thời ấy của một người đã biết hoà nhập trọn vẹn vào thiên nhiên.

Tạm dịch thơ:

Nằm nhà tai nghe ngóng / Xem tiếng gì vọng ra / Chỉ thấy trong im ắng / Róc rách thật mơ hồ / Con sóng đâu ngoài ngõ / Nhè nhẹ tấp vô bờ /

7-1263

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

暁跡 夜烏雖鳴 此山上之 木末之於者 未静之

Dạng huấn độc (đã chua âm):

暁と夜烏鳴けどこの岡の木末の上はいまだ静けし

Phiên âm:

Akatoki to / yogarasu nakedo / kono oka no / konure no ue wa / imada shizukeshi

Diễn ý:

Dầu ngày đã bình minh vì gà vừa cất tiếng báo sáng nhưng trên những ngọn cây của quả đồi um tùm (những vòm lá non) này tất cả hãy còn say ngủ, cây thì đứng im lìm, không có lấy một tiếng chim kêu.

Có thuyết cho rằng đây là bài thơ một nàng con gái thủ thỉ bên tai người yêu đến qua đêm với mình với ý khuyên hãy cứ ngủ, những mong chàng chớ vội về dù đã nghe tiếng gà gáy báo trời hừng sáng.

Tạm dịch thơ:

Bình minh gà eo óc / Trời đã rạng bóng ngày / Nhưng trên đồi lặng lẽ / Cây cối không buồn lay / Chim chóc im phăng phắc / Chìm trong giấc ngủ dài /

7-1264

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

西市尓 但獨出而 眼不並 買師絹之 商自許里鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

西の市にただ独り出でて目並べず買ひてし絹の商じこりかも

Phiên âm:

Nishi no ichi ni / tada hitori idete / megarabezu / kaite shi kinu no / akiji kori kamo /

,Diễn ý:

Nơi Chợ Tây (ở Nara có Chợ Đông và Chợ Tây), tôi đi ra đó chỉ có một mình, không ai để bàn bạc, lớ ngớ mua lụa nhưng bị hớ. Thật là lỡ làng!

Có thuyết táo bạo cho rằng bài thơ muốn ám chỉ người nào đó đã nhận lời kết hôn một cách khinh suất như kẻ nua hàng bị lừa, bây giờ đang tiếc rẻ.

Tạm dịch thơ:

Một mình chốn Chợ Tây / Không kẻ chỉ người bày / Lớ ngớ mua tấm lụa / Bị hớ nào có hay / Chuyện lỡ làng đến thế / (Giờ phải tính sao đây) /

7-1289

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

垣越 犬召越 鳥猟為公 青山〈葉〉茂山邊 馬安〈公〉

Dạng huấn độc (đã chua âm):

垣越しに犬呼び越して鳥猟する君青山の茂き山辺に馬休め君

Phiên âm:

Kakigoshi ni / inu yobikoshite / togari suru kimi / aoyama no / shigeki yamabe ni / uma yasume kimi /

Diễn ý:

Hỡi chàng, người đang gọi chó vượt qua rào đi săn chim. Nếu chàng đi vào những lùm cây xanh trong núi kia thì đôi lúc, nhớ dừng cương ngựa nghỉ ngơi cho em nhờ nhé. Nếu không thì chàng cũng sẽ bị mệt đó, chàng ơi!

Tạm dịch thơ:

Chồng em gọi con chó / Vượt rào đi săn chim / Nhớ dừng cương ngựa nghỉ / Nếu mình vào núi xanh / Không nghe lời em dặn / Sẽ phải mệt cho xem /

7-1291

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

此岡〈草〉苅小子〈勿〉然苅 有乍〈公〉来座 御馬草為

Dạng huấn độc (đã chua âm):

この岡に草刈るわらはなしか刈りそねありつつも君が来まさば御馬草にせむ

Phiên âm:

Kono oka ni / kusa karu wara wa / shikana kari sone / aritsutsumo / kimigakimasamu / mimakusa ni semu /

Diễn ý:

Hỡi mấy chú bé đang cắt cỏ. Các em đừng có cắt mà không tính trước tính sau. Hãy để cỏ nguyên ngọn như thế cho ngựa của người ấy cưỡi còn miếng ngon mà ăn nữa các em nhé!

Đây hẳn là bài thơ của một nàng con gái dễ thương, trìu mến nghĩ về một ông chủ, người chồng hay người yêu của nàng.

Hai bài trên đây vốn là những bài tương cận với ba câu đầu lập đi lập lại cùng một hình thức (gồm các katauta**片歌** = phiến ca 5/7/7/ rồi 5/7/7 hay 5/7/5 rồi 5/7/5) nên được gọi là những bài sedôka (triền đầu ca).

Tạm dịch thơ:

Hỡi mấy chú cắt cỏ ? / Ở trên ngọn đồi kia. / Hãy để nguyên cả cọng / Chớ cắt vội cắt vàng / Miếng ngon, nhớ đấy nhé / Dành cho ngựa của chàng /

Tiết II: Trích thơ quyển 9:

Quyển 9 về hình thức vốn đủ cả các thể zôka, sômonka và banka nhưng về nội dung thì nhiều thơ với chủ đề truyền thuyết và lữ hành, kể cả tặng đáp khi ly biệt.

Ở Nhật Bản, việc gửi sứ giả sang nhà Tùy bên Trung Quốc gọi là *kenzuishi* (khiển Tùy sứ) đã bắt đầu từ thời Nữ thiên hoàng Suiko (**推古**Thôi Cổ). Sau khi Tùy bị diệt vong và nhà Đường dấy lên làm bá chủ trung nguyên thì việc gửi sứ giả vẫn được duy trì với danh nghĩa mới là *kentôshi* (khiển Đường sứ).Nếu tính khoảng từ năm 630 dưới đời Thiên hoàng Jomei (Thư Minh) cho đến năm 834 lúc Thiên hoàng Ninmyô (Nhân Minh) trị vì, trong suốt hơn 200 năm, có tất cả 15 chuyến đi sứ. Mỗi đoàn sang nhà Đường đều có một chánh sứ (taishi), một phó sứ (fukushi), một viên quan đặc nhiệm an

ninh (hôgan), một viên lo việc ghi chép giấy tờ (rokuji) và một người khác phụ trách thông dịch (yakugo). Ngoài ra là sinh đồ, học tăng, thủy thủ. Tổng cộng tất cả độ 200 người. Sứ bộ thường sử dụng 4 chiếc thuyền, thuyền thứ nhất là của chánh sứ, phó sứ đi chiếc thứ hai, quan lo an ninh đi chiếc thứ ba và chức ký lục lo việc giấy tờ đi chiếc thứ tư.Trong thơ người ta vẫn nói đến "đoàn thuyền bốn chiếc" là như thế.

Thơ Man.yôshuu thường là do các vị sứ giả vịnh trong chuyến hành trình hoặc thơ tặng đáp qua lại làm lúc tiễn đưa lên đường. Thời đó, hành trình trên biển mất rất nhiều thời gian, thuyền thì mỏng manh mà sóng to gió lớn. Mỗi lần ra đi là gia đình phải cầu Trời khấn Phật cho thân nhân trở về an toàn. Trên thực tế, có những kẻ trên đường về, gặp phải bão tố, không tới nhà đành quành lại Đường thổ, rồi phải đợi mấy năm sau mới có dịp đặt chân lên đất Nhật. Đó là trường hợp của Nakatomi no Nashiro và Heguri no Hironari (ông sau đã bị bão đánh dạt đến bờ biển gần Huế khoảng năm 734 và là người Nhật đầu tiên đặt chân lên một phần đất nay là Việt Nam)). Cũng có người mất tích, tuyệt vô âm tín. Riêng trường hợp Fujiwara no Kiyokawa thì khi ra đi được tiễn đưa trọng thể vì là con của Fujiwara no Fusanari và cháu của hoàng hậu Kômei. Ông đã hoàn thành sứ mệnh một cách tốt đẹp nhưng khổ nỗi, trên đường về, gặp mưa to gió lớn đành quay lại Trung Quốc, mười mấy năm sau không dè vĩnh viễn bỏ xác nơi đất khách.

Sau đây là *hanka* của một bài thơ mẹ tặng con khi bà đưa tiễn anh ta rời bến Naniwa (Ôsaka bây giờ) đi sứ. Đó là một nhà thơ vô danh, Man.yôshuu chỉ ghi như Kentôshi no haha (bà mẹ của một người trong sứ bộ sang nhà Đường)
:

9-1791

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

客人之 宿将為野尓 霜降者 吾子羽Ｌ 天乃鶴群

Dạng huấn độc (đã chua âm):

旅人の宿りせむ野に霜降らば我が子羽ぐくめ天の鶴群

Phiên âm:

Tabibito no / yadori semu noni / shimo furaba / waga ko hagukume / ame no tazu mura /

Diễn ý:

Hỡi đàn chim hạc đang bay trên trời. Trong đêm khuya lạnh giá ngoài đồng hoang sương xuống, nơi đoàn người đi sứ nhà Đường ngủ đỡ qua đêm, xin làm ơn giăng những đôi cánh lớn của các ngươi để che ấm và bảo vệ đứa con của ta, hạc nhé!

Tạm dịch thơ:

Hỡi đàn hạc trên không / Khi bay ngang cánh đồng / Hoang vu sương xuống lạnh / Xin giăng cánh che giùm / Ủ con ta hơi ấm / Người đi sứ nghìn trùng /

Tsuru (Hạc) (Nguồn Wikipedia)

Vào khoảng tháng 4 năm Tempyô thứ 5 lúc chánh sứ Tajihi no Mahito Hironari dẫn phái đoàn sang nhà Đường và người con trai của bà mẹ nói trên có dịp tháp tùng. Nhân đó bà mới có dịp vịnh bài thơ này. Đây chỉ là bài một trong những bài *hanka* tóm tắt ý của bài *chôka* đi trước và nói lên những tình ý bài thơ trước không nói hết được. Trong *chôka* đi trước, ta đã thấy mô tả quang cảnh cúng tế, rót rượu dâng lên ở đền thần xin phù hộ cho đứa con mình lên đường bình an.

Người con của bà phải là một chàng trai mạnh khỏe và học thức thì mới được nhập vào sứ bộ. Thế nhưng dù anh ta thế nào,người mẹ vẫn coi anh là nhỏ dại, lo lắng cho anh đủ điều. Có lẽ bà đã từng cúi đầu trước các quan chánh, phó sứ để xin gửi gắm người con. Dường như thế như vẫn chưa đủ, nhìn đàn hạc bay qua, hướng về phía đại lục, bà còn gửi gắm đứa con mình cho chúng nữa.

Việt Nam ta cho rằng gà mái là loài vật có nhiều mẫu tính như thấy qua bài học thuộc lòng ngày xưa chắc nhiều người còn nhớ:

Cúc! cúc! cúc! con chơi gần mẹ,

Chớ đi xa mà té xuống sông.

Chẳng may nước cuốn theo dòng,

Thiệt thân con trẻ đau lòng mẹ cha...

Người Nhật cũng xem chim chóc hay che chở cho con, nên vẫn có câu: *Yakeno no kigisu, yo no tsuru* (Chim trĩ trên cánh đồng cháy, chim hạc ban đêm) để diễn tả tấm lòng người mẹ. Theo kinh nghiệm của họ, trĩ và hạc là hai giống chim đầy mẫu tính. Mùa xuân, khi nông phu đốt đồng làm nương, chim trĩ lấy thân che cho con khỏi bị lửa sém, còn hạc ấp con ban đêm để chúng khỏi giá lạnh.Lúc đầu bà mẹ chỉ kêu gọi hạc che phủ cho ấm những người lữ khách nói chung (tabibito) nhưng sau đó, đã nhấn mạnh riêng con mình (wa ga ko) và tập trung tất cả tình cảm vào người con đó.

Tiết III: Trích thơ quyển 10:

10-1812

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

久方之 天芳山 此夕 霞霏 春立下

Dạng huấn độc (đã chua âm):

ひさかたの天の香具山この夕霞たなびく春立つらしも

Phiên âm:

Hisakata no / ame no Kaguyama / kono yuube / kasumi tanabiku / haru tatsu rashi mo /

Diễn ý:

Ngọn thần sơn Kaguyama tự trời xuống, uy nghiêm trang trọng . Từ buổi chiều hôm nay đã thấy sương lam che phủ. Phải chăng mùa xuân đã về đây?

Bài thơ này có lẽ do một người sống trong vùng kinh đô Fujiwara làm ra. Có thể là kẻ hằng ngày ngắm ngọn Kaguyama đó và theo dõi từng bước thời gian đi cũng như những biến đổi đột ngột của quả núi, trung tâm cuộc sống người Nhật cổ đại. Hisakata (trường cửu, lâu dài) là một từ tu sức cho núi Kagu, mô tả hình ảnh an nhiên và trang trọng của nó. Bài này đã gợi hứng cho một bài thơ tương tự của Thái thượng hoàng Gotoba có đăng lại trong Kokin Wakashuu (Cổ Kim Hòa Ca Tập).

Tạm dịch thơ:

Núi Kagu linh hiển / Như hạ cánh từ trời / Chiều nay vừa chợt thấy / Sương mờ dâng nơi nơi / Như nhắc cho ta biết / Xuân kia lại đến rồi.

10-1821

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

春霞 流共尓 青柳之 枝喙持而 鶯鳴毛

Dạng huấn độc (đã chua âm):

春霞流るるなへに青柳の枝くひ持ちて鶯鳴くも

Phiên âm:

Haru kasumi / nagaruru nae ni / aoyagi no / eda kuimochite / uguisu naku mo /

Diễn ý:

Sương lam mùa xuân đang trôi chầm chậm nhẹ nhàng. Vừa lúc đó, trong chòm dương liễu buông chùng xanh tốt bỗng nghe vọng đến tiếng chim oanh hót véo von.

Nếu bám sát nguyên tác và dịch "con chim oanh ngậm cành liễu và hót" (eda wo kuimochite uguisu naku) thì e không hợp lý.

Tạm dịch thơ:

Sương lam trôi chầm chậm / Như ngày xuân yên lành / Vừa khi trong chòm liễu / Đang buông như tơ mành / Vẳng theo làn gió thoảng / Ríu rít lời chim oanh.

10-1818

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

子等名丹 關之宜 朝妻之 片山木之尓 霞多奈引

Dạng huấn độc (đã chua âm):

子らが名に懸けのよろしき朝妻の片山崖に霞たなびく

Phiên âm:

Kora ga na ni / kake no yoroshiki / asazuma no / katayama kishi ni / kasumi tanabiku /

Diễn ý:

Trên những kè đá bao chung quanh ngọn Asazuma, quả núi có cái tên đẹp xứng đáng đem đặt cho nàng con gái ấy, sương xuân đang phủ đầy. Điều ấy giúp cho ta biết là mùa xuân đã thực sự về rồi.

Asazuma, chữ Hán viết là "triêu thê" (người vợ buổi sáng, gợi lên hình ảnh một người vợ mới cưới). Cụm từ Kora ga na ni kake no yoroshiku (xứng đáng đem ra để gọi nàng) đóng vai trò *jokotoba* tu sức lại được đem đặt đằng trước tên núi Asazuma, cũng mang

đến một thi vị riêng.Theo giáo sư Uemura Etsuko, có lẽ tác giả có người vợ yêu sống dưới chân núi, nên khi anh chàng nhìn thấy núi tự nhiên liên tưởng đến nàng.

Tạm dịch thơ:

Trên bao nhiêu mỏm đá / Ngọn Asazuma / Núi mang tên đẹp thế / Thật xứng với người thơ / Sương lam đà phủ kín / Xuân đến, chẳng còn ngờ.

10-1815

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

子等我手乎 巻向山丹 春去者 木葉凌而 霞霏ｄ

Dạng huấn độc (đã chua âm):

子らが手を巻向山に春されば木の葉しのぎて霞たなびく

Phiên âm:

Kora ga te wo / Makimuku yama ni / haru sareba / kono ha shinogite / kasumi tanabiku /

Diễn ý:

Khi mùa xuân đến trên vùng núi Makimuku ở Nara, sương lam tràn lan và dày tưởng chừng như làm thành bức màn đè bẹp những đám lá rừng.

Kora ga te wo (bàn tay của những đứa trẻ) là chữ tu sức cho maku. Còn maku (động từ của maki trong Makimuku) là cuốn lấy và theo ngữ âm, cũng có nghĩa là bức màn nữa.

Tạm dịch thơ:

Mỗi khi mùa xuân đến / Rặng Makimuku / Sương lam trùm phủ khắp / (Màn giăng trên không trung) / Như bao bàn tay úp / Dìm đám lá trong rừng.

10-1830

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

打靡 春去来者 小竹之末丹 尾羽打觸而 鶯鳴毛

Dạng huấn độc (đã chua âm):

うち靡く春さり来れば小竹の末に尾羽打ち触れて鶯鳴くも

Phiên âm:

Uchi nabiku /Haru sarikureba / shino no ure ni / oba uchifurete / uguisu naku mo /

Diễn ý:

Mỗi độ xuân về, lũ chim oanh tất bật rũ lông cánh dưới đám lá nhọn và nhỏ của những bụi trúc lùn và cất cao tiếng hót.

Qua động tác linh hoạt của những con chim oanh, ta thấy một mùa xuân mới đã đến rồi. Uchinabiku (dàn trải) là từ tu sức của chữ haru (mùa xuân**春**, đồng thời có nghĩa là mở rộng ra**張る**)

Tạm dịch thơ:

Khi trên cành lá nhỏ / Của những bụi trúc còi / Chim oanh cọ đuôi, cánh / Tất bật không hề ngơi / Véo von cao tiếng hót / Là xuân trở lại rồi /

10-1917

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

春雨尓 衣甚 将通哉 七日四零者 七<日>不来哉

Dạng huấn độc (đã chua âm):

春雨に衣はいたく通らめや七日し降らば七日来じとや

Phiên âm:

Harusame ni / koromo wa itaku / tôrame ya / nanuka shifuraba / nanuka kojito ya /

,Diễn ý:

Dẫu bị mưa phùn thấm ướt bộ hành bao nhiêu người vẫn cứ đi kia kìa. Mưa như thế đã thấm tháp vào đâu. Chứ anh thì cứ mượn tiếng vì có mưa nên ngại ngùng, bảy hôm rồi không đến với em. Thôi em hiểu rồi, anh là kẻ bạc tình quá đáng.

Nanuka có nghĩa là 7 hôm ý nói mưa kéo dài nhiều ngày nhưng là mưa xuân (harusame) lấm tấm chỉ làm ướt áo đôi chút và đủ giúp cho cây cỏ đâm chồi nẩy lộc. Mượn cớ có mưa 7 hôm để 7 hôm không đến nhà nàng nên người đàn ông trong bài thơ đã bị cô gái phiền trách.

Tạm dịch thơ:

Dù mưa xuân ướt áo / Dây dưa suốt bảy ngày / Đội mưa, bao kẻ khác / Vẫn cất bước đi hoài / Mỗi anh là mượn cớ / Không sang suốt bảy ngày /

10-1951

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

慨哉 四去霍公鳥 今社者 音之干蟹 来喧響目

Dạng huấn độc (đã chua âm):

うれたきや醜霍公鳥今こそば声の嗄るがに来鳴き響めめ

Phiên âm:

Uretaki ya / shiko hototogisu / ima koso ba / koe no karu ga ni / kinaki to yomeme /

Diễn ý:

Chán quá đi thôi cái con chim cuốc (cu) này! Sao không chịu đến đây mà hót cho ta nhờ nhỉ. Hôm nay đất trời tạnh ráo như thế, có gì ngăn cản ngươi đâu. Hãy đến đây mà hót cho thỏa thích, cho khản cả cổ đi chứ!

Khác với chim oanh là giống chim báo tin xuân, chim cuốc là chim báo tin mùa hè tuy còn có những bài thơ nói về tiếng cuốc giữa hè và cuối hè. Người Nhật từ xưa vẫn trân trọng tiếng chim cuốc. Kẻ nào nghe được tiếng cuốc đầu tiên (**初音**hatsune) của mùa hè trước cả mọi người thường được xem là kẻ tinh anh, nhạy cảm. Do đó, chờ đợi mãi mà chưa thấy cuốc kêu, người đó mới trông ngóng đến bực tức cho con cuốc vô tình kia.

Có thể cũng là bài thơ làm ra trong lúc chờ đợi một người bạn hay người yêu, đã hứa đến mà chưa chịu đến.

Tạm dịch thơ:

Chán quá, con chim cuốc / Không chịu hót hay sao? / Nào ai có ngăn cản / Tiếng hót của mi đâu / Mau đến đây cất tiếng / Cho thật thỏa đi nào /

10-2044

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

天漢 霧立度 牽牛之 楫音所聞 夜深徃

Dạng huấn độc (đã chua âm):

天の川霧立ちわたり彦星の楫の音聞こゆ夜の更けゆけば

Phiên âm:

Amanogawa / kiritachi watari / hikohoshi no / kaji no otokikoyu / yo no fuke yukeba /

,Diễn ý:

Khi đem thất tịch (mồng bảy tháng bảy) về khuya, dòng sông Ngân trên trời đã bị sương thu che kín. Trong đám sương mù dày, bỗng vọng đến tiếng chèo khuấy nước. Có phải chăng ấy là chàng Ngâu đang đang buông dầm rẽ lối giữa đám sương như bọt sóng kia để đi cho nhanh về hướng nhà nàng Chức Nữ.

Vì không sử dụng hình ảnh "Ô thước Ngân giang" thường thức về cuộc trùng phùng giữa chàng Ngâu ả Chức nhờ đàn quạ bắt cầu nên là một bài thơ hay với ý tưởng tân kỳ. Ở đây Ngưu Lang tích cực đi tìm Chức Nữ tận nhà nàng chứ không chờ để gặp nhau giữa dòng như thấy trong điển cố Trung Quốc. Nó còn là và một bài thơ thu huyền ảo thật đẹp.Không khí sống thực của mặt đất đã được đem cả lên bầu trời và gắn liền với huyền thoại xa xưa.

Tam dịch thơ:

Sông Ngân trên nền trời / Sương phủ kín đôi nơi / Bỗng nhịp chèo khuấy nước / Đâu vẳng phía xa khơi / Ngưu lang đang rẽ lối / Tìm Chức nữ đây thôi!

10-2096

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

真葛原 名引秋風〈毎吹〉阿太乃大野之 芽子花散

Dạng huấn độc (đã chua âm):

真葛原靡く秋風吹くごとに阿太の大野の萩の花散る

Phiên âm:

Makuzuhara / nabiku akikaze / fukugoto ni / ada no ohono no / hagi no hana chiru /

Diễn ý:

Mỗi khi gió mùa thu thổi về, trên những cánh đồng sắn (kuzuhara) lá sắn lay động như muôn nghìn lượn sóng bạc đầu (mặt sau của lá sắn bạc chứ không xanh như mặt trước) lan tỏa ra. Vì cũng ở trên đường gió đi, những đóa hoa các bụi hagi (bụi cây thưu, bush clover) trên cánh đồng hoang Ada vừa mới khoe sắc thắm đã phải rụng rã tơi bời.

Bài thơ tả lại cảnh tượng sống động của mùa thu khi gió thu nổi trên cánh đồng. Nên nhớ trong cổ thi Nhật Bản, khi viết về lá sắn đưa mặt trái (ura) màu bạc ra cũng có ngụ ý nói về lòng oán hận (urami) nữa.

Tạm dịch thơ:

Trận gió thu thổi mạnh / Qua những cánh đồng hoang / Lá sắn, như làn sóng / Đuổi nhau đến ngút ngàn / Hoa thưu cũng tan tác / Mới thắm vội phai tàn / .

10-2314

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

卷向之 桧原毛未 雲居者 子松之末由 沫雪流

Dạng huấn độc (đã chua âm):

巻向の桧原もいまだ雲居ねば小松が末ゆ沫雪流る

Phiên âm:

Makimuku no / hihara mo imada / kumohineba / komatsu ga ureyu / awayuki nagaru /

Diễn ý:

Trên rặng núi Makimuku, nào thấy mây che cánh rừng tùng (hinoki =Japanese cypress) thế mà ở dưới chân núi trên cành những cây tùng con (komatsu), không hiểu vì sao đã có tuyết nhẹ từ đâu rơi xuống và bám lên, lóng lánh như những bọt nước.

Tác giả là người rất tinh tế và nhạy cảm trước những biến chuyển đột ngột của thời tiết.

Tạm dịch thơ:

Rừng tùng cao trên đỉnh / Nào thấy bóng mây che / Nhưng nhìn xuống chân núi / Bỗng ngạc nhiên không cùng / Long lanh bợt tuyết nhẹ / Bám lên nhánh tiểu tùng /

10-2315

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

足引 山道不知 白〈み〉〈む〉 枝母等乎々尓 雪落者［或云 枝毛多和々々］

Dạng huấn độc (đã chua âm):

あしひきの山道も知らず白橿の枝もとををに雪の降れれば［或云
枝もたわたわ］

Phiên âm:

Ashihiki no /yamaji mo shirazu / shirakashi no / eda moto wo wo ni / yuki no furereba / (eda mo tawatawa)

Diễn ý:

Tuyết rơi không ngớt làm oằn cả những cành sồi vạn niên (evergreen oak) trắng. Tuyết rơi lấp mất làm ta không còn nhận ra con đường đi trong núi nữa. Tuyết đâu nhiều đến vậy.

Tạm dịch thơ:

Lặng lẽ tuyết rơi mau / Oằn những nhánh sồi cao / Đường núi tuyết lấp cả / Biết còn đi lối nào! (Tuyết đâu nhiều đến thế / Trời đất trắng phau phau) /

Lá sồi (Nguồn Wikipedia)

10-2319

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

暮去者 衣袖寒之 高松之 山木毎 雪曽零有

Dạng huấn độc (đã chua âm):

夕されば衣手寒し高松の山の木ごとに雪ぞ降りたる

Phiên âm:

Yufu sareba / koromo de samushi / Takamatsu no / yama no kigoto ni / yuki zo furitaru /

Diễn ý:

Khi chiều xuống không hiểu sao cảm thấy lạnh nơi ống tay áo mỏng. Bất chợt ngẫng đầu lên mới thấy cây cối trên ngọn núi Takamatsu kia hầu như đã bị tuyết trùm kín cả rồi. Thế thì không lạnh làm sao cho được nhỉ!

Tạm dịch thơ:

Chiều xuống, tay áo mỏng / Bỗng dưng sao lạnh lùng / Ngẫng đầu lên mới thấy / Tuyết đã kín núi rừng / Takamatsu ấy / Trắng buốt những thân tùng /

Núi Takamatsu (Cao Tùng Sơn) là một địa danh ngày nay không biết ở đâu. Có thể nhầm với núi Takamado (Cao Viên) gần Nara cũng không chừng.

Tiết IV: Trích thơ quyển 11:

Quyển 11 và quyển 12 xem như là hai phần thượng và hạ qui tụ những bài thơ gọi là *sômonka* (tương văn ca). Quyển 11 ngoài 17 bài viết theo thể sedôka có tất cả 473 bài thuộc thể tanka. Quyển 12 chỉ có 380 bài, theo thể tanka mà thôi.

Đôi hàng về Somônka相聞歌

Trong một công trình nghiên cứu của Tiến sĩ Yamada Toshio dẫn bởi bà Uemura Etsuko, ông luận rằng hai chữ "tương văn" đã từng thấy trong Hán Thư, Trịnh Cát Truyện và Du Hiệp Truyện. Nó cũng xuất hiện trong Sưu Thần Ký của Can Bảo cũng như trong Ngọc Đài Tân Vịnh, Nam Sử và Văn Tuyển nữa. Còn ở Nhật thì từ chuyên môn này đã được thấy trong Somankyô Gisho (Thắng Mạn Kinh Nghĩa Sớ) do Thái tử Shôtoku soạn, với cái nghĩa "nghe ngóng tin tức của nhau và trao đổi tin tức với nhau". Ý nghĩa tặng đáp chung chung của buổi ban đầu, nó đã chuyển dần sang cái nghĩa trao đổi tin tức giữa những đối tượng cố định, hầu hết giữa nam nữ và cuối cùng là những tặng đáp giữa hai người yêu thôi.

Theo tác phẩm Kokka Daikan (Quốc Ca Đại Quan)[1] thì thơ gọi là *sômonka* (tương văn ca) trong Man.yôshuu đã có đến 1.733 bài. Ngoài khoảng 100 bài mang chủ đề khác, tất cả đều là thơ luyến ái. Tuy người ta có khuynh hướng xem *sômonka* chỉ là thơ luyến ái giữa hai người yêu nhau nhưng như đã được định nghĩa ở đoạn trên, trong *sômonka* cũng có loại thơ luyến ái theo nghĩa rộng. Đó là loại thơ làm ra để ngỏ lòng mình với một người khác, hay thơ đáp một ai đó đã bày tỏ tâm tư với mình và mục đích không gì khác hơn là làm cho đối tượng cảm động mà thôi.

Hai chữ "tương văn" đã được huấn độc theo nhiều cách, nào là *ahigikoe*, nào là *shitashimi-uta, ahikikasuru-uta, ahikiki* vv...thế nhưng Tiến sĩ Yamada Toshio cho rằng đọc *sômon* là chính xác hơn cả.

Hai tập 11 và 12 đã đang hầu như đến phân nửa thơ *sômon* nhưng trong cái nghĩa thơ luyến ái giữa nam nữ. Về sau, đến thời của Kokin Wakashuu thì người ta gọi *sômonka* là *koiuta* (**恋歌**luyến ca)

11-2554

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

對面者 面隠流 物柄尓 継而見巻能 欲公毳

Dạng huấn độc (đã chua âm):

相見ては面隠さゆるものからに継ぎて見まくの欲しき君かも

Phiên âm:

Aimite wa / omokakusayuru / mono kara ni / tsugite mimaku no / hoshiki kimi kamo /

Diễn ý:

Khi được gặp anh, em thẹn thùng không dám ngẩng đầu lên, chỉ chăm chăm nhìn đường vân trên tấm chiếu. Thế nhưng anh nào có biết trong lòng trước sau em vẫn mong muốn anh cứ ở bên cạnh cho. Độ rày coi bộ em làm sao ấy!

[1] Tác phẩm do Matsushita Ôsaburo và Watanabe Fumio biên tập gồm cổ thi, nhật ký, truyện, tùy bút cổ điển ấn hành lần đầu trong khoảng năm 1901-1903 thời Meiji.

Tạm dịch thơ:

Gặp anh, những thẹn thùng / Cúi mặt không dám nhìn / Biết chăng, em đâu phải / Không muốn anh ngồi chung / (Lòng mình, em hết hiểu / Xử sự sao lạ lùng) /

Người con gái e thẹn bày tỏ sự ngập ngừng của mình nhưng chứa chan tình ý. Người con trai nào may mắn ấy nhận được bức thư này chắc phải ba chân bốn cẳng tìm cách đến nhà nàng ngay.Cứ xem bài thơ 12-2916 họa lại nó sau đây là đủ hiểu:

12-2916

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

玉勝間 相登云者 誰有香 相有時左倍 面隠為

Dạng huấn độc (đã chua âm):

玉かつま逢はむと言ふは誰れなるか逢へる時さへ面隠しする

Phiên âm:

Tamakatsuma / awamu to iu wa / tare naru ka / aeru toki sae / omokakushi suru

Diễn ý:

Thỉnh thoảng lại nhận được thư nói mong được gặp gửi đến cho mình mà thực tình mình không biết là cô nào, ở đâu! Có phải người ấy chính là em hay không hở em? Anh đã vội vã tìm đến với em nhưng em lại e thẹn không ngước lên nhìn cho. Thật quá quắc!Thôi xin em hãy chịu khó ngẫng mặt cho anh nhờ!

Tama là một mỹ từ đặt trước katsuma là cái lồng (kago) nhưng Tamakatsuma chỉ là một chữ gối đầu (makura kotoba) để chỉ một cuộc gặp gỡ.

Tạm dịch thơ:

Người đẹp bảo muốn gặp / Nào ta đã biết tên / Khi vội vã tìm đến / Dấu mặt chẳng nhìn lên / Đoán mãi vẫn không biết / Có phải chính cô em /

11-2572

Nguyên văn (dạng Manyôgana):

僞毛 似付曽為 何時従鹿 不見人戀尓 人之死為

Dạng huấn độc (đã chua âm):

偽りも似つきてぞするいつよりか見ぬ人恋ふに人の死せし

Phiên âm:

Itsuwari mo / nitsukite zo suru / itsu yori ka / minu hitogou ni / hito no shiniseshi /

Diễn ý:

Thôi anh đừng có nói những điều hoàn toàn không thực thà như thế nữa. Nếu bằng thích nói dối thì hãy nói những lời nào đủ để làm em còn bỡ ngỡ chưa biết thực hư đi nào. Em chưa hề gặp gỡ anh, thế mà anh đã vẽ chuyện rằng nhớ nhung em đến khô héo tâm can và bảo em phải làm gì để cứu giúp anh.Anh đùa em sao?

Tạm dịch thơ:

Nếu đã thích nói dối / Phải nói đủ em tin / Ai đời chưa gặp gỡ / (Đã bảo nát con tim) / Không có em chết mất / Dối thế, thôi, em xin!

Bài thơ này có giọng điệu chua cay, dè bĩu nhưng vẫn nhẹ nhàng thanh cảnh. Người con trai trong trường hợp này, nghe trả lời như thế chắc chỉ có nước độn thổ. Được bà Uemura Etsuko xem là bài thơ hay nhất trong tập 11.

11-2653

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

馬音之 跡杼登毛為者 松蔭尓 出曽見鶴 若君香跡

Dạng huấn độc (đã chua âm):

馬の音のとどともすれば松蔭に出でてぞ見つるけだし君かと

Phiên âm:

Uma no oto no / todo to mo sureba / matsukage ni / idete zo mitsuru / kedashi kimi ka to /

Diễn ý:

Nghe tiếng vó ngựa lóc cóc lóc cóc (nghĩ âm: do do do do) , em vội ra dưới bóng cây tùng để nhìn xem có phải anh đang ruỗi ngựa đi đến chăng? Thế nhưng ai đấy chứ, nào có phải anh đâu. Em hết sức thất vọng.

Tưởng người yêu sắp đến nên thần kinh của cô gái căng thẳng, tai nàng nghe tiếng lóc cóc lóc cóc như tiếng vó ngựa nên vội chạy ra nấp dưới bóng tùng chờ đón. Đây là bài thơ nàng gửi cho người yêu để nói lên lòng mong nhớ của mình. Câu cuối Kedashi kimi

ka to hàm ý “Thế mà em cứ tưởng là anh!” nói lên được trạng thái tinh thần thất vọng và buông trôi.

Tạm dịch thơ:

Tưởng chừng tiếng vó ngựa / Lóc cóc ở bên ngoài / Mới chạy ra đầu ngõ / Nấp bóng tùng em coi / Nhưng nào phải anh ấy / Lòng em buồn khôn nguôi!

11-2651

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

難波人 葦火燎屋之 酢<四>手雖有 己妻許増 常目頬次吉

Dạng huấn độc (đã chua âm):

難波人葦火焚く屋の煤してあれどおのが妻こそ常めづらしき

Phiên âm:

Naniwa hito / ashihi taku ya no / su shite aredo / ono ga tsuma koso / tsune (toko) mezurashiki /

Diễn ý:

Như cảnh người đốt lau làm nhiên liệu ở vùng Naniwa (Naniwa có nhiều lau), nhà cửa vì thế bám đầy muội (bồ hóng, susu煤) đen, bà vợ già của ta cũng đen đúa ố bẩn. Thế nhưng sống với nhau đã lâu năm, bà ấy đối với ta là người không ai thay thế được và ta chẳng bao giờ muốn rời xa.

Bài thơ làm theo thể tỷ (ví dụ) với một ngụ ý hài hước nhưng mộc mạc chân thành mang ước vọng của người bình dân ở địa phương muốn sống răng long đầu bạc bên cạnh vợ nhà.

Tạm dịch thơ:

Như người đốt than lau / Trên bãi Naniwa / Nhà cửa đầy muội bám / Lọ lem giống vợ ta / Già nhưng ai thế được / Xin sống mãi cùng bà /

11-2546

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

不念丹 到者妹之 歡三跡 咲牟眉曳 所思鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

思はぬに至らば妹が嬉しみと笑まむ眉引き思ほゆるかも

Phiên âm:

Omowanu ni / itaraba imo ga / ureshimi to / emamu mayobiki / omohoyuru kamo /

Diễn ý:

Nếu bất đồ ta chợt đến thăm chắc cô bé ấy phải mừng biết chừng nào nhỉ ? Tưởng tượng ra khuôn mặt xinh tươi đáng yêu ấy, mình đã chịu không nổi! Thế thì mình mau đến mà gặp nàng đi thôi!

Đây hẳn là bài thơ người ấy đã làm ra khi ở trên đường bất chợt đến thăm người yêu mà không hẹn trước. Mayobiki tức là dùng mực để vẽ lông mày (mayuzumi) cho dài ra (hiki), đi với emamu (mỉm cười), ý nói có khuôn mặt xinh đẹp rạng rỡ.

Tạm dịch thơ:

Mình bất chợt đến chơi / Nàng chắc mừng lắm thôi / Dáng dấp yêu kiều ấy / Nghĩ tới đã vui rồi / Thế thì thoăn thoắt bước / Sao cho chóng gặp người /

11-2571

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

大夫波 友之驂尓 名草溢 心毛将有 我衣苦寸

Dạng huấn độc (đã chua âm):

大夫は友の騒きに慰もる心もあらむ我れぞ苦しき

Phiên âm:

Masurao wa / tomo no sawaki ni / nagusamoru / kokoro mo aramu (aran) / ware zo kurushiki

Diễn ý:

Người đàn ông khi trong lòng có điều lo lắng buồn khổ hãy còn có thể đi gặp bạn bè bên ngoài và lúc đó tìm được sự thanh thản. Thế nhưng đàn bà như em đây thì khó được như thế. Một mình vò võ trong nhà, làm sao xóa những ưu tư, để cho hết khổ.

Bài thơ này muốn nói thay cho những người đàn bà không muốn sinh ra làm kiếp đàn bà. Đàn ông còn có công việc và có thể giao du với bằng hữu để tìm sự khuây khỏa. Đàn bà thời đó chỉ sống vì tình yêu hay vì chồng con mà thôi. Cho nên họ dồn tất cả cuộc đời cho tình yêu và khi gặp cảnh không vừa ý thì nỗi khổ tâm rất là sâu sắc.

Tạm dịch thơ:

Các ông nếu lo lắng / Còn gặp bạn cho khuây / Đàn bà như bọn thiếp / Làm sao giải sầu đây / Trong nhà thân vò võ / Buồn cũng chả ai hay /

11-2527

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

誰此乃 吾屋戸来喚 足千根乃 母尓所嘖 物思吾呼

Dạng huấn độc (đã chua âm):

誰れぞこの我が宿来呼ぶたらちねの母に嘖はえ物思ふ我れを

Phiên âm:

Tare zo kono / wa ga yado ni kiyo / buratane no / haha ni korowae / mono omou ware wo /

Diễn ý:

Em đang bị mẹ mắng cho, mặt mày đang tiu nghỉu đây. Cái anh kia ở đâu chui ra mà còn đến nhà gọi tên em ơi ới. Có biết chăng bởi vì anh mà em đang bị mẹ mắng đến buồn đứt ruột. Rõ cái anh vớ vẩn!

Tạm dịch thơ:

Anh kia thật vớ vẩn / Đến nhà gọi nhặng inh / Em mới bị mẹ mắng / Còn đang bực cả mình / Có biết vì ai đó / Em chịu trận lôi đình ? /

11-2539

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

相見者 千歳八去流 否乎鴨 我哉然念 待公難尓

Dạng huấn độc (đã chua âm):

相見ては千年やいぬるいなをかも我れやしか思ふ君待ちかてに

Phiên âm:

Aimite wa / chitose ya inuru / ina wo kamo / ware ya shika omou / kimi machi ka te ni /

Diễn ý:

Lần chót gặp anh đến giờ chắc phải đến một nghìn năm rồi đấy nhỉ. Không phải dài đến thế sao? Hay chỉ mỗi em là cảm thấy như thế thôi. Em mỏi mòn chờ đợi mà anh nào có biết ?

Bài thơ này do một cô vợ trẻ viết ra. Cô đợi chồng đến thăm mà không thấy bóng. Tục lệ thông hôn (kayoikon) ngày xưa ở Nhật định lệ là đàn ông đến thăm vợ vào ban đêm ở nhà bố mẹ nàng. *Chitose ya inuru* (một nghìn năm đã trôi qua) là một cách nói thậm xưng thường dùng trong văn chương.

Tạm dịch thơ:

Phải đến mười thế kỷ / Lần cuối được nhìn anh / Chắc mỗi mình em thấy / Tháng ngày trôi qua nhanh / Người mỏi mòn chờ đợi / (Là ai đấy hở anh ?)

11-2540

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

振別之 髪乎短弥 〈青〉草乎 髪尓多久濫 妹乎師〈僧〉於母布

Dạng huấn độc (đã chua âm):

振分けの髪を短み青草を髪にたくらむ妹をしぞ思ふ

Phiên âm:

Furiwake no / kami wo mijikami / aokusa wo / kami ni takuramu (ran) / imo wo shi zo omou /

Diễn ý:

Nhớ hồi nhỏ tóc cô ấy ngắn để rẽ đường ngôi mà thôi. Bây giờ đến tuổi dậy thì đã phải búi lên thẳng thớm tựa bó cỏ non mùa xuân chứ. Nàng thiếu nữ đáng yêu ấy bây giờ ra sao rồi. Ta mong gặp nàng thay!

Tạm dịch thơ:

Xưa tóc hãy còn ngắn / Chỉ rẽ mỗi đường ngôi / Nay chắc dài thành búi / Xanh tựa cỏ non rồi / Ôi người xinh thuở ấy / Giờ về đâu, em ơi!

11-2687

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

櫻麻乃 苧原之下草 露有者 令明而射去 母者雖知

Dạng huấn độc (đã chua âm):

桜麻の麻生の下草露しあれば明かしてい行け母は知るとも

Phiên âm:

Sakurao no / ou no shitakusa / tsuyu shiareba / akashite iyuke / haha wa shiru tomo /

Diễn ý:

Bây giờ nếu anh về thì gặp lúc sương móc rơi đầy trên cỏ tơ gai (sakurao) ngoài cánh đồng. Đi ngang qua đó, nhỡ chân bị ướt sẽ phải ốm cho xem. Để sáng ra mà về. Nếu mẹ có biết chuyện chúng mình thì cũng chẳng sao , anh ơi!

Sakurao không liên can gì đến hoa anh đào, chỉ là một loại cỏ tơ gai (asa). Cô bé này đã lén mẹ đưa người yêu vào nhà dù cha mẹ chưa công nhận chàng ta. Đây là tâm tình cô thổ lộ cho người yêu lúc giữa đêm hôm khi anh ta muốn ra về. Vì yêu anh, cô không sợ cả bị mẹ mắng nhưng vẫn nói thác ra là lo cho sức khỏe của anh. Chắc cô sẽ đặt bà mẹ trước một sự đã rồi.

Thi nhân thời vương triều rất yêu chuộng các bài thơ kiểu "mượn cớ" để giữ chân người yêu vào những lúc chia tay buổi sáng (kinuginu) như thế này. Có thể tham khảo đoạn 34 trong Makura no Sôshi (Ghi Nhanh Bên Gối) của nữ sĩ Sei Shônagon.

Tạm dịch thơ:

Nếu anh về giờ này / Băng đồng cỏ gai lâu / Chân sẽ đẫm sương lạnh / Em ngại anh ốm đau / Nán với em đến sáng / Mẹ biết, chả sao đâu!

11-2574

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

面忘 太尓毛得為也登 手握而 雖打不寒 戀<云>奴

Dạng huấn độc (đã chua âm):

面忘れだにもえすやと手握りて打てども懲りず恋といふ奴

Phiên âm:

Omowasure / da ni moesu ya to / te ni nigite / utedomo korizu / koi to iu yakko

Diễn ý:

Yêu người ấy tha thiết, không sao chịu nổi nữa rồi. Nhiều khi vì muốn quên khuôn mặt người ta, muốn nắm chặt tay rứt mối tình ấy khỏi lòng mình nhưng "cái đứa" gọi là tình yêu nó (koi no yakko) lì lợm quá, không hề lay chuyển.

Hình ảnh hiện ra trước mặt ta là một chàng trai dũng mãnh nhưng phải chịu đầu hàng trước tình yêu bám theo anh ta dai dẳng.

Tạm dịch thơ:

Yêu người sao tha thiết / Xa cách vẫn không đành / Nhiều khi muốn quên mặt / Nắm chặt tay rứt tình / Nhưng nó vẫn lì lợm /(Làm ta giận chính mình) /

11-2581

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

言云者 三々二田八酢四 小九毛 心中二 我念羽奈九二

Dạng huấn độc (đã chua âm):

言に言へば耳にたやすし少なくも心のうちに我が思はなくに

Phiên âm:

Koto ni ieba / mimi ni tayasu shi / sukunaku mo / kokoro no uchi ni / wa ga omo wa naku ni /

Diễn ý:

Tưởng nói ra lời em yêu anh thì nghe như là một chuyện dễ dàng chẳng có chi nhưng anh có biết không, lòng em nghĩ đến anh còn nhiều hơn thế nữa đấy.

Lời nói thì muôn người có thể nói một câu giống nhau nhưng nó không đủ để diễn tả trọn vẹn tình cảm sâu lắng trong đáy lòng. Bà Izumi Shikibu, một nhà thơ nữ thời vương triều cũng có bài thơ đồng cảm với tâm sự này và bảo nhiều khi phải "nói lên bằng tiếng khóc", thế nhưng thơ bà diêm dúa hơn là vần thơ chất phác của thi nhân Vạn Diệp trong bài này.

Tạm dịch thơ:

Thốt ra lời yêu đương / Tai anh nghe thấy thường / Một câu thật giản dị / Có chi mà lạ lùng / Nhưng lời nói sao đủ / Tỏ lòng em nhớ nhung /

11-2588

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

夕去者 公来座跡 待夜之 名凝衣今 宿不勝為

Dạng huấn độc (đã chua âm):

夕されば君来まさむと待ちし夜のなごりぞ今も寐ねかてにする

Phiên âm:

Yuu sareba / kimi kimasamu (san) to / machi shi yo no/ nagori zo ima mo / inekate ni suru /

Diễn ý:

Trước đây mỗi lần đêm về lúc nào anh cũng đến thăm em, có đúng không? Và đêm nào em cũng thức thâu canh chờ đợi.Thói quen là cái đáng sợ thật. Nay dù anh đi đã đi đến nhà cô khác rồi và không còn nhớ tới em nữa mà em vẫn chờ, không đêm nào chợp mắt được.

Tạm dịch thơ:

Anh hay qua chập tối / Em thường mong đến chưa / Nay ghé nhà người khác / Với em anh hững hờ / Khổ thân, quen nếp cũ / Thao thức, đêm em chờ /

11-2592

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

戀死 後何為 吾命 生日社 見幕欲為礼

Dạng huấn độc (đã chua âm):

恋死なむ後は何せむ我が命生ける日にこそ見まく欲りすれ

Phiên âm:

Koi shinamu (shinan) / nochi wa nani semu / wa ga inochi / ikeru hi ni koso / mamiku hori sure ／

Diễn ý:

Em yêu anh quá, tình yêu như thiêu như đốt, chắc em đến chết mất. Nếu em không còn nữa, dù có hối hận tìm đến cũng đã muộn màng rồi. Vậy thì chần chờ gì mà không nhanh chân đến ngay bên em!

Tạm dịch thơ:

Anh ơi, em chết mất / Yêu anh tình nấu nung / Nếu em không còn nữa / Anh hối cũng bằng không / Chần chờ chi nữa thế / Không đến bên em cùng /

11-2613

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

夕卜尓毛 占尓毛告有 今夜谷 不来君乎 何時将待

Dạng huấn độc (đã chua âm):

夕占にも占にも告れる今夜だに来まさぬ君をいつとか待たむ

Phiên âm:

Yuuke ni mo / ura ni mo noreru / koyoi da ni / kimasanu kimi wo / itsu to ka matamu (tan) /

Diễn ý:

Hồi nãy em xem bói *yuuke* (bói buổi chiều) thì thấy ra chữ cát. Bói thêm *ishiura* (bói đá) và *waraura* (bói bằng rơm rạ) hai lần nữa thì lại thấy đại cát.Em chắc mẫm như thế thì làm gì tối nay anh chả tới! Này anh, cát tới cát lui bao nhiêu thứ mà đêm nay anh còn

chẳng tới thế thì chừng nào anh mới tới hở anh?

Hơn cả bài trước, bài thơ này chứa một liều lượng mĩa mai khá mạnh đối với kẻ bạc tình. Bài thơ này được thấy trong tiểu thuyết Ochikubo Monogatari (Truyện Lọt Hố) chứng tỏ văn nhân vương triều đời sau cũng hết sức tán thưởng nó.

Tạm dịch thơ:

Hết bói đi bói lại / Từ chiều cho đến giờ / Không "hung", chỉ toàn "cát" / Đêm, vẫn không đến cho / Em xin anh nói thật / Bao nhiêu "cát" mới vừa? /

11-2679

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

窓超尓 月臨照而 足桧乃 下風吹夜者 公乎之其念

Dạng huấn độc (đã chua âm):

窓越しに月おし照りてあしひきのあらし吹く夜は君をしぞ思ふ

Phiên âm:

Madogoshi ni / tsuki oshiterite / ashihiki no / arashi fuku yo wa / kimi wo shi zo omou /

Diễn ý:

Ban đêm, những khi ánh trăng tràn qua khung cửa sổ và gió núi lạnh lẽo thổi thốc vào phòng, không hiểu sao lòng em cảm thấy một nỗi buồn xâm lấn và em nhớ thương anh thật nhiều.

Tuy cách biểu hiện khá trong sáng giản dị, vẫn có cái gì căng thẳng tàng ẩn bên trong.

Tạm dịch thơ:

Những khi trăng qua song / Tràn ngập chốn khuê phòng / Gió núi thốc lạnh lẽo / Em thấy lạnh trong lòng / Buồn thương cùng chợt đến / Nhớ anh mấy cho cùng /

Như Lý Bạch (701-762), một người cùng thời, từng đặt câu hỏi:

Đông phong bất tương thức ,

Hà sự nhập la vi ?

(Gió xuân vốn chẳng quen ta,

Sao len vào bức màn là, gió ơi?)

Gió và trăng gợi lên tình yêu là chuyện cổ kim đông tây nhất là khi trăng gió ngập khuê phòng. Nhưng nên để ý đây là gió lạnh đến từ một cơn giông núi (ashihiki no arashi) có thể làm rơi rụng hết hoa xuân.

11-2838

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

河上尓 洗若菜之 流来而 妹之當乃 瀬社因目

Dạng huấn độc (đã chua âm):

川上に洗ふ若菜の流れ来て妹があたりの瀬にこそ寄らめ

Phiên âm:

Kawakami ni / arau wakana no / nagarekite / imo ga atari no / se ni koso yorame /

Diễn ý:

Từ thượng nguồn sông, một cọng rau non ai đem đi rửa rơi ra, trôi lững lờ, dạt xuống bên chân nàng con gái đang giặt giũ dưới hạ lưu. Tôi đây cũng muốn tấp vào cạnh người con gái ấy để được hẹn hò gặp gỡ với nàng.

Tác giả mượn phong cảnh đồng quê hiện ra trước mắt để gửi gấm tấm tình riêng của mình.

Tạm dịch thơ:

Như cọng rau trên nguồn / Xanh non trôi giữa giòng / Tấp đến chỗ cô gái / Đang giặt giũ ven sông / Tấp thời ta cũng tấp / Vào em mới thỏa lòng /

11-2364

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

玉垂 小簾之寸鶏吉仁 入通来根 足乳根之 母我問者 風跡将申

Dạng huấn độc (đã chua âm):

玉垂の小簾のすけきに入り通ひ来ねたらちねの母が問はさば風と申さむ

Phiên âm:

Tamadare no / osu no sukeki ni / irikayoi kone / tarachine no / haha ga towasaba / kazetoma wo samu /

Diễn ý:

Anh ơi, đừng có đến bằng cổng chính. Phòng của em là chỗ có treo tấm rèm cửa nho nhỏ xinh xinh đấy nhé. Cứ lách khoảng trống dưới bức rèm đó mà vào, anh ạ. Nếu mẹ hỏi "Tiếng gì đấy hở con ?" thì em sẽ trả lời: "Gió đấy mẹ ơi!".

Đây là một bài làm theo thể *sedôka*, lập đi lập lại 2 lần độ dài 5/7/7. Không rõ tác giả là ai nhưng chắc hẳn là một thiếu nữ ranh mãnh. Và thời đó, các bà mẹ đã giử rịt các cô con gái như thể giử mỡ không cho mèo ăn vụng rồi.

Ngoài ra, cụm từ tamadare (đẹp như ngọc treo lơ lửng) là makura kotoba (chữ gối đầu) của osu (rèm cửa).

Tạm dịch thơ:

Đừng vào ngay ngỏ chính / Phòng em có rèm xinh / Lách dưới rèm cửa nhé / Vào cho khéo nghe anh / Nếu mẹ hỏi gì đấy ? / Em đáp: Gió qua mành!

Gió qua mành? Đây cũng là chuyện gió trăng nữa đấy! Phải chi "trước còn trăng gió sau ra đá vàng" ! Cũng có thể dối mẹ là qua cầu gió bay, mèo khua, chuột chạy vv... nếu cô ấy muốn.

11-2357

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

朝戸出 公足結乎 閏露原 早起 出乍吾毛 裳下閏奈

Dạng huấn độc (đã chua âm):

朝戸出の君が足結を濡らす露原早く起き出でつつ我れも裳裾濡らさな

Phiên âm:

Asato de no / kimi ga ayui wo / nurasu tsuyu hara / hayaku oki / idetsutsu ware mo / mo suso nurasana /

Diễn ý:

Buổi sáng khi anh từ giã để ra đi, chắc sương móc trên cánh đồng sẽ làm ướt mối giây thắt ống quần anh vào tấm hakama quàng trước đầu gối. Em xin lỗi để anh bị ướt một mình. Thế thì nhớ đánh thức em dậy để cùng đi và chịu ướt váy áo cùng với anh.

Bài thơ này tả cảnh người vợ được chồng đến thăm và qua đêm, tiếc không nỡ rời chồng, muốn tiễn chàng về ít nhất một thôi đường.

Tạm dịch thơ:

Hừng sáng khi anh đi / Sương chắc đẫm gấu quần / Một mình anh bị ướt / Em hối hận vô cùng / Nhớ thức em đi tiễn / Ướt áo thì ướt chung /

Tiết V: Trích thơ quyển 12:

Thơ sômon trong tập 12 đa dạng nhưng chủ yếu là thơ bày tỏ tâm tư nỗi niềm, thơ tặng đáp và thơ tả tình cảm lúc biệt ly trên bước lữ hành.

12-2841

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

我背子之 朝明形 吉不見 今日間 戀暮鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が背子が朝明の姿よく見ずて今日の間を恋ひ暮らすかも

Phiên âm:

Wa ga seko ga / asake no sugata / yoku mizute / kyô no aida wo / koi kurasu kamo /

Diễn ý:

Chồng của em cũng như bao nhiêu chàng trai, đêm hôm tới thăm em, sáng sớm ra đi về nhà mình. Sáng nay chàng đi lúc nào em đâu biết, làm cho suốt một ngày em cứ tơ tưởng về chàng.

Phong tục kết hôn đương thời là như thế. Nhưng một hôm, không hiểu vì cớ gì mà người đàn ông bỏ về sớm và người đàn bà không nói được lời chia tay cho trọn tình nên suốt ngày nàng lan man nghĩ về chồng và không làm được chuyện gì khác.

Tạm dịch thơ:

Chàng đến thăm ban đêm / Bình minh lại cất bước / Hồi sáng nay chàng đi / Lúc nào em chẳng biết / Nên thơ thẩn suốt ngày / (Hết vườn sau ngõ trước).

Có một ruika (loại ca, bài ca tương tự) mang số 10-1925 với nội dung như sau:

朝戸出の君が姿をよく見ずて長き春日を恋ひや暮らさむ

Asa to de no / kimi ga sugata wo / yoku mizu te / nagaki haru hi wo / koi ya kurasamu (san) /

(Sáng ra không thấy bóng anh bước ra cửa nên suốt một ngày xuân dài dằng dặc, em cứ sống trong nhớ nhung)

12-2943

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

我命之 長欲家口 偽乎 好為人乎 執許乎

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が命の長く欲しけく偽りをよくする人を捕ふばかりを

Phiên âm:

Wa ga inochi no / nagaku hoshikeku / itsuwari wo / yoku suru koto wo / torafu bakari wo

Diễn ý:

Sở dĩ em khẩn cầu sao cho mình sống được lâu cũng chỉ vì một lý do thôi. Đó là để nhằm bắt cho được cái anh chàng nói dối như cuội, cứ bảo sẽ đến thăm em mà chẳng bao giờ cho thấy mặt.

Anh chàng chắc hứa hẹn cưới nàng nhưng không thành thực và đã chạy làng. Đây là mũi tên nhắm bắn vào kẻ thiếu chung thủy đó.

Tạm dịch thơ:

Em mong được sống lâu / Nào có ý gì khác / Muốn tóm được cái người / Chỉ có tài khoác lác / Nào thương em, nhớ em / Mà chẳng hề chường mặt!

12-2999

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

水乎多 上尓種蒔 比要乎多 擇擢之業曽 吾獨宿

Dạng huấn độc (đã chua âm):

水を多み上田に種蒔き稗を多み選らえし業ぞ我がひとり寝る

Phiên âm:

Mizu wo ômi / age ni tane maki / hie wo ômi / eraeshi nariso (waza zo) / wa ga hitori nuru /

Diễn ý:

Dưới ruộng thấp (kubota) nhiều nước quá, người ta mới gieo hạt ở ruộng trên (ageta). Thế nhưng lúa ở đó bị giống lúa xấu (hie, barnyard grass) mọc chen vào quá nhiều, họ vạch được lúa xấu ấy ra và nhổ đem vứt. Người con gái ấy cũng lựa lọc, nhổ ta đem vứt đi để cho bây giờ khổ thân ta phải ngủ một mình (hitorine).

Một bài thơ phảng phất hương vị đồng ruộng và qua sự ví von, diễn tả sinh hoạt phức tạp của nhà nông một cách giản dị gọn ghẽ.

Tạm dịch thơ:

Khi ruộng thấp úng nước / Nhà nông gieo ruộng cao / Nếu lúa xấu chen mất / Nhổ ra vứt chứ sao / Như ta bị nàng loại / Ôm gối buồn canh thâu!

12-3034

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

吾妹兒尓 戀為便名鴈 る乎熱 旦戸開者 所見霧可聞

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我妹子に恋ひすべながり胸を熱み朝戸開くれば見ゆる霧かも

Phiên âm:

Wagimo ko ni / koi subenagari / mune wo atsumi / asa to akureba / miyuru kiri kamo /

Diễn ý:

Yêu em quá đỗi không biết làm sao đây. Trong đêm, lửa tình nhen nhúm, cả người nóng bỏng. Có phải vì thế mà khi buổi sáng dậy sớm mở của ra ngoài thì hơi thở đã bốc khói trắng như làn sương?

Có thể tác giả dang tả quang cách một ngày đông giá. Khi nhìn hơi thở bốc ra như làn khói mỏng, người ấy đã liên tưởng đến khối niềm khao khát yêu đương của mình.

Tạm dịch thơ:

Yêu người yêu quá đổi / Lòng ta nóng như thiêu / Buổi sáng ra mở cửa / Hơi thở trắng sương chiều / Có phải làn khói bốc / Từ đám cháy tình yêu /

Sau đây là những bài thơ làm theo dạng **hát đối đáp (mondôka問答歌)** giữa hai bên trai gái:

12-3101

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

紫者 灰指物曽 海石榴市之 八十街尓 相兒哉誰

Dạng huấn độc (đã chua âm):

紫は灰さすものぞ海石榴市の八十の街に逢へる子や誰れ

Phiên âm:

Murasaki wa / hai sasu mono zo / Tsubaichi no / yaso no chimata ni / aeru ko ya tare /

Diễn ý:

Em ơi, em là người tôi tình cờ gặp ở ngã tư nơi phố chợ tên là Tsubaichi, em từ đâu đến thế em? Ta muốn hỏi tên em đó, em ơi!

Murasaki wa hai sasu mono, nguyên cụm từ đó là *jokotoba* (tự từ) trang sức cho địa danh Tsubaichi, tên một cái chợ, có ý "màu tím là màu làm thuốc nhuộm lấy từ than của cây tsubaki" (tức cây hoa trà và trùng với chữ tsuba trong Tsubaichi). Khi tác giả hỏi tên một người con gái không quen không biết như thế có nghĩa đã bị tiếng sét ái tình và những muốn cầu hôn. Có thuyết cho rằng đây là một bài hát đối đáp của trai gái ở *utagaki* (ca viên, tên gọi các địa điểm hát đối đáp giữa trai gái đời xưa).

Hoa trà (tsubaki) (Nguồn Wikipedia)

Tạm dịch thơ:

Tình cờ anh được gặp / Giữa chợ Tsubaki / Người đẹp như hoa vậy / (Bảo ai đành lòng đi) / Cho anh biết nhà cửa / Và tên họ là chi! /

12-3102

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

足千根乃 母之召名乎 雖白 路行人乎 孰跡知而可

Dạng huấn độc (đã chua âm):

たらちねの母が呼ぶ名を申さめど道行く人を誰れと知りてか

Phiên âm:

Tarachi ne no / haha ga yobuna wo / maosamedo / michiyuku wo / tare to shiri te ka /

Diễn ý:

Muốn cho anh biết cái tên mà mẹ hay gọi em (tên thân mật trong nhà) lắm đấy chứ ! Thế nhưng khách qua đường như anh thì ai biết là cha căng chú kiết (doko no uma no hone) nào đâu mà phải xưng tên anh nghe.

Tạm dịch thơ:

Em muốn cho anh biết / Tên mẹ gọi em sao / Nhưng anh là khách lạ / Gốc gác như thế nào / Em đâu đã nắm được / Dễ gì lòng đem trao /

12-3105

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

人目太 直不相而 盖雲 吾戀死者 誰名将有裳

Dạng huấn độc (đã chua âm):

人目多み直に逢はずてけだしくも我が恋ひ死なば誰が名ならむも

Phiên âm:

Hitome ômi / tada ni awazu te / kedashiku mo / wa ga koi shinaba / tare ga naramu (naran) mo /

Diễn ý:

Vì cặp mắt người đời, em không cho anh được gặp trực tiếp. Lòng anh u uất, một mình khô héo chắc chết đến nơi. Do đó, anh đây muốn tung tên cái người nào đó ra cho thiên hạ biết hết. Không phải tên em thì tên ai giờ.

Tạm dịch thơ:

Ngại người đời dòm dỏ / Em không cho đến gần / Lòng anh những khô héo / Sắp chết trong lặng câm / Để anh gieo tiếng dữ / Cho cô mình biết thân?

Đây là bài thơ có chút ít ý muốn đe dọa vì biết tâm lý đàn bà vốn hay sợ miệng thế gian. Anh chàng con trai vì hận người yêu ít chịu cho mình gặp. Tuy vậy nàng con gái còn đáo để hơn thế nữa như thấy trong bài phúc đáp kế tiếp.

12-3106

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

相見 欲為者 従君毛 吾曽益而 伊布可思美為也

Dạng huấn độc (đã chua âm):

相見まく欲しきがためは君よりも我れぞまさりていふかしみする

Phiên âm:

Aimi maku / hoshiki ga tameba / kimi yori mo / ware somasari te / iu ka shimisuru

Diễn ý:

Anh nói chi mà ngược đời . Chính em mới là người muốn tìm gặp anh chứ. Dạo này em còn thấy mình u uất hơn cả anh nữa. Em sẽ chết trước mất và người mang tiếng bạc bẽo với đời là anh thôi ạ.

Tạm dịch thơ:

Nói chi mà ngược đời / Hay anh lại đùa dai / Người sống trong sầu khổ / Chỉ có mình em thôi / Một mai nếu em chết / Anh ráng chịu người cười /

Người con gái tỏ ra rất từng trải, biết cách đối đáp thế nào với đàn ông, làm chàng ta bắt buộc phải nghĩ lại.

12-3111

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

為便毛無 片戀乎為登 比日尓 吾可死者 夢所見哉

Dạng huấn độc (đã chua âm):

すべもなき片恋をすとこの頃に我が死ぬべきは夢に見えきや

Phiên âm:

Sube mo naki / katakoi wo su to / kono koro ni / wa ga shinu beki wa / ime ni mieki ya

Diễn ý:

Người mắc bệnh tương tư khô héo khổ sở sắp chết đến nơi không cách nào thoát là em đây. Trong chiêm bao anh có thấy điều đó hay chăng ?

Trường hợp người con gái này thì khác, cô ta dùng phương pháp thậm xưng để bày tỏ nỗi lòng.

Tạm dịch thơ:

Làm cách nào thoát thân / Khỏi lưới tình vây bủa / Hình ảnh em héo hon / Và chết trong đau khổ / Trong giấc mộng của chàng / Có bao giờ hiện rõ?/

Sau đây là bài thơ đáp lại:

12-3112

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

夢見而 衣乎取服 裝束間尓 妹之使曽 先尓来

Dạng huấn độc (đã chua âm):

夢に見て衣を取り着装ふ間に妹が使ぞ先立ちにける

Phiên âm:

Ime ni mite / koromo wo toriki / yosou ma ni / imo ga tsukai zo / sakidachi ni keru /

Diễn ý:

Vâng, anh thấy em (trong giấc mộng của anh) rồi chứ! Vì vậy anh mới lấy làm ngạc nhiên và tìm đến thăm bệnh em ngay. Trong khi đang sửa soạn thay quần áo thì gặp lúc người nhà của em đến đưa tin anh biết đấy. (Thế nào cô nàng đã khỏe ra chưa?)

Tam dịch thơ:

Trong giấc mộng của anh / Em hiện hình tiều tụy / Nên mới thay áo quần / Định thăm em yêu quí / Vừa lúc người nhà em / Trao cho tờ thư đấy!

Anh chàng quả thật nhanh trí, lợi dụng bài thơ nàng gửi đến để trả lời thật ăn khớp. Nếu cô gái tin anh thì cô đã mắc lỡm vậy.

12-3113

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

在有而 後毛将相登 言耳乎 堅要管 相者無尓

Dạng huấn độc (đã chua âm):

ありありて後も逢はむと言のみを堅く言ひつつ逢ふとはなしに

Phiên âm:

Ariari te / nochi mo awamu (awan) to / koto nomi wo / kataku iitsutsu / au to hanashi ni /

Diễn ý:

Anh đã bao nhiêu lần mở miệng hẹn thề bảo em cứ để nguyên tình trạng này, sau rồi thế nào mình cũng có cơ hội gặp gỡ, đi lại. Sự thực, anh có bao giờ đến với em đâu. Người sao mà không thể tin tưởng được.

Tạm dịch thơ:

Ngọt ngào anh hẹn ước / Cứ để thế nghe em / Mai sao mình chắc chắn / Hạnh phúc sống kề bên / Nói vậy mà không đến / Lời anh nào ai tin /

Lời kháng nghị nhẹ nhàng như của cô gái nhà lành, phản ứng lại trước hành động không thực thà của anh con trai từng thỏ thẻ bên tai cô những câu hứa hẹn.

12-3114

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

極而 吾毛相登 思友 人之言社 繁君尓有

Dạng huấn độc (đã chua âm):

ありありて我れも逢はむと思へども人の言こそ繁き君にあれ

Phiên âm:

Ariari te (kiwamari te) / ware mo awamu (awan) to / omoedomo / hito no koto koso / shigeki kimi ni are /

Diễn ý:

Anh định bụng sẽ đi gặp em đúng như lời đã hứa đấy chứ nhưng ngại tiếng người đàm tiếu phương hại đến em. Nào có phải anh không tiếc đâu em!

Quả thật anh chàng này đáng giật giải quán quân về cách ăn nói đường mật.

Tạm dịch thơ:

Quyết tâm đến với em / Đúng như lời đã hứa / Nhưng ngại tiếng người đời / Làm tổn thương em nữa / Đành phải chịu xa nhau / Lòng không nguôi tiếc nhớ!

12-3117

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

門立而 戸毛閇而有乎 何處従鹿 妹之入来而 夢所見鶴

Dạng huấn độc (đã chua âm):

門立てて戸も閉したるをいづくゆか妹が入り来て夢に見えつる

Phiên âm:

Kado tatete / to mo sashite aru wo / izuku yuka / imo ga irikite / ime ni mietsuru

Diễn ý:

Lạ lùng thay, tối hôm qua anh nhớ chính mình đã đóng cả cổng lẫn cửa kia mà. Cớ sao em có thể tìm đến để đi vào trong giấc mộng của anh được. Nói nghe, em đã đi vào bằng lối nào?

Qua câu thơ này, người con trai có ý bỡn người con gái.

Tạm dịch thơ:

Lạ làm sao tối qua / Đã khóa cổng, then nhà / Mà em còn vào được / Trong mộng hồn của ta / (Em của anh giỏi thật) / Lối ấy khéo tìm ra. /

Còn sau đây là lời cô gái đáp lại:

12-3118

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

門立而 戸者雖闔 盗人之 穿穴従 入而所見牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

門立てて戸は閉したれど盗人の穿れる穴より入りて見えけむ

Phiên âm:

Kado tatete / to wa sashitaredo / nusubito no / horeru ana yori / irite miekemu /

Diễn ý:

Anh nói đúng đấy, cửa nẻo nhà anh đều được đóng kỹ càng nhưng em chỉ cần chui vào cái lỗ bọn ăn trộm đã đào sẵn là đến nơi. Chắc trong mộng của anh, anh phải thấy tất cả sự việc chứ!

Cô gái biết tương kế tựu kế đáp lại người đàn ông. Rõ ràng nàng là người có tinh thần hài hước. Ý tưởng "chui lỗ trộm đào mà vào" khá mới mẽ.

Tạm dịch thơ:

Như anh nói chẳng sai / Cửa đóng kỹ, then gài / Nhưng em chui bằng lỗ / Trộm mới đào bên ngoài / Ô kìa, trong mộng đẹp / Lẽ nào anh không hay!

Để thay đổi không khí, xin trình bày vài bài thơ cùng tập 12 nói về **tình cảm nầy sinh trên bước đường du lịch** (kiryo no omoi) và thơ **ly biệt** (wakare-uta):

12-3154

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

乞吾駒 早去欲 亦打山 将待妹乎 去而速見牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

いで我が駒早く行きこそ真土山待つらむ妹を行きて早見む

Phiên âm:

Ide a ga koma / hayaku yuki koso / Matsuchiyama / matsu ramu (ran) imo wo / yukite wa hayamimu /

Diễn ý:

Này, hỡi chú ngựa ta đang cưỡi! Hãy chạy nhanh lên nào. Qua khỏi hòn núi Matsuchi này là đến nơi thôi. Phóng cho gấp đến ngôi nhà mà vợ ta đang tựa cửa chờ đợi ta nhé !

Đây là bài tiêu biểu trong loại *saibara* (thôi mã nhạc), hay "bài hát giục ngựa đi nhanh" nhưng trong thực tế thường được hợp ca kèm theo nhạc khí như tiêu, trúc, tì bà. Người làm ra bài thơ này đang ở trên đường đi từ xứ Kii về cố hương Yamato, đến vùng đất có ngọn Matsuchi án ngữ. Bài này có nhịp điệu dồn dập, tương ứng với lòng nhớ thương quê (qui tâm) của tác giả. Nên nhớ tên núi Matsuchi còn có nghĩa là "chốn đợi chờ" (matsu tsuchi). Ngoài ra khi lập đi lập đi lập lại những âm haya (nhanh), yuki (đi), matsu (đợi), tác giả đã tạo nên một không khí thôi thúc, rộn ràng.

Tạm dịch thơ:

Này ngựa ta đang cưỡi / Chú phóng nhanh đi thôi / Chỉ còn một khúc nữa / Đến nhà vợ ta rồi / Chắc bên kia hòn núi / Nàng hết đứng lại ngồi.

12-3180

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

浦毛無 去之君故 朝旦 本名焉戀 相跡者無杼

Dạng huấn độc (đã chua âm):

うらもなく去にし君ゆゑ朝な朝なもとなぞ恋ふる逢ふとはなけど

Phiên âm:

Ura mo naku / inishi kimi yue / asa nasana / moto na zo kouru / au to wa nakedo /

Diễn ý:

Con người bạc tình không thể tha thứ được đó đã lên đường du hành mất rồi. Có biết không mỗi khi trời về sáng em cứ nghĩ đến và nhớ thương chàng.Tuy em không biết đến bao giờ mình mời gặp lại nhau đây.

Cò thể đối tượng là một người đàn ông nhận lệnh trên phải lên đường phó nhậm ở địa phương và vì không muốn người ngoài thấy sự yếu mềm, đã phải cương quyết cắt đứt mối ràng buộc tình cảm. Do đó tác giả mới đề cập đến thái độ lãnh đạm (bạc tình)..

Tạm dịch thơ:

Bạc tình ơi bạc tình / Người cất bước lữ hành / Để mỗi đêm về sáng / Lòng em thương nhớ mình / Dẫu ôm niềm tuyệt vọng / Bao giờ thấy bóng hình? /

12-3182

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

白妙之 袖之別者 雖<惜> 思乱而 赦鶴鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

白栲の袖の別れは惜しけども思ひ乱れて許しつるかも

Phiên âm:

Shirotae no / sode no wakare wa / oshikedomo / omoi midarete / yurushi tsuru kamo /

Diễn ý:

Bởi em cảm thấy tiếc nuối nếu phải chia tay với anh nên em mới giữ chặt tay áo anh, không cho đi.Thế nhưng nỗi buồn chia tay trào dâng không cầm lại được khiến cho em lung túng vuột mất nó và để anh đi mất. Ôi, tiếc hận biết bao.

Người chồng mà mình trông cậy phải lên đường nên cô gái không muốn cho chàng chi. Nhưng vì trào xúc cảm khó nén, nàng lúng túng buông tay chàng lúc nào không biết và để chàng đi mất dạng. Cô chỉ còn biết thở than.

Shirotae (đẹp như sa trắng) là từ tu sức cho chữ sode (ống tay áo)

Tạm dịch thơ:

Chia ly lòng tiếc nuối / Níu chặt tay áo người / Lúng túng vì sầu khổ / Lại vuột mất anh rồi / Từ khi xa biền biệt / Em tiếc hận bao nguôi /

12-3183

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

京師邊 君者去之乎 孰解可 言紐緒乃 結手懈毛

Dạng huấn độc (đã chua âm):

都辺に君は去にしを誰が解けか我が紐の緒の結ふ手たゆきも

Phiên âm:

Miyakobe ni / kimi wa inishi wo / ta ga toke ka / wa ga himo no o no/ yuu te tayuki mo /

Diễn ý:

Anh lên đường đi về hướng kinh đô, mình không có dịp gặp nhau được nữa. Thế mà dường như có ai cởi mà giải giây lưng của em lâu lâu có vẻ lỏng lẻo ra. Thường thì giây lưng lỏng ra là chứng cứ là có ai đang nghĩ về mình đó. Phải chăng nơi kinh đô, anh đang nhớ em không?

Người vợ ở lại chốn khuê phòng nơi quê nhà trong khi chồng nàng lên kinh đô. Nàng bày tỏ tấm tình quyến luyến. Nỗi nhớ chồng thật thực thà chất phác.

Tạm dịch thơ:

Anh lên chốn kinh đô / Gặp nhau biết bao giờ / Nhưng sao thắt lưng lại / Chợt lỏng ra không ngờ / Hay nơi ấy anh nhớ / Người em khoác áo chờ?

12-3191

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

不欲恵八<師> 不戀登為杼 木綿間山 越去之公之 所念良國

Dạng huấn độc (đã chua âm):

よしゑやし恋ひじとすれど木綿間山越えにし君が思ほゆらくに

Phiên âm:

Yoshieyashi / koiji to suredo / Yuumayama / koenishi kimi ga / omou yuraku ni /

Diễn ý:

Thôi được rồi, từ nay sẽ chẳng thèm yêu ai nữa đâu. Tuy miệng quả quyết như thế nhưng chưa gì, khi thấy anh vượt núi Yuumayama để bắt đầu cuộc hành trình thì lòng em đã nhớ thương rồi.

Bài này vịnh tâm sự của cô gái ở lại chốn cố hương không quên được người con trai đã lên đường. Nói là không thèm nghĩ đến, muốn quên hẳn đi nhưng nàng vẫn không sao xua đuổi hình ảnh người con trai ra khỏi lòng mình.Làm cho nàng ngán ngẫm chính mình. Địa danh Yuumayama vẫn chưa biết nằm ở đâu.

Tạm dịch thơ:

Nói chẳng thèm yêu nữa / Bảo rằng quên cho xong / Nhưng anh vừa vượt núi / Em đã nhớ ngập lòng / Đuổi bóng hình đâu nỡ / Có giận mình hay không!

Thơ cùng chủ đề như thế không phải là ít nhưng bài nói trên có thể xếp vào loại thơ hay.

Tiết VI: Trích thơ quyển 13:

12-3248

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

式嶋之 山跡之土丹 人多 満而雖有 藤浪乃 思纒 若草乃 思就西 君<目>二 戀八将明 長此夜乎

Dạng huấn độc (đã chua âm):

磯城島の 大和の国に 人さはに 満ちてあれども 藤波の 思ひまつはり 若草の 思ひつきにし 君が目に 恋ひや明かさむ 長きこの夜を

Phiên âm:

Shikishima no / Yamato no kuni ni / hitosawa ni / michite aredomo / fujinami no / omoimatsuwari / wakakusa no / omoitsuki ni shi / kimi ga me ni / koi ya akasamu / nagaki kono yo wo /

Diễn ý:

Đất nước Yamato xinh đẹp này đông đúc người là người nhưng em chỉ nhớ đến anh, hồn em quấn quít không rời anh một buớc. Em muốn gặp người anh yêu của em để lửa tình của em đốt sáng được đêm dài tăm tối.

Tạm dịch thơ:

Đất Yamato ấy / Biết bao nhiêu là người / Nhưng sao lòng em chỉ / Quyến luyến mỗi anh thôi / Xin lửa tình thắp sáng / Tan đêm tối một đời /

12-3249

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

式嶋乃 山跡乃土丹 人二 有年念者 難可将嗟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

磯城島の大和の国に人ふたりありとし思はば何か嘆かむ

Phiên âm:

Shikishima no / Yamato no kuni ni / hitofutari /ari to shi owaba / nani ka nagekamu /

Diễn ý:

Nếu như trên đất Yamato có đến hai người con trai đáng để em yêu bỏng cháy, tha thiết như anh thì cớ sao em phải cất lên tiếng kêu than. Bởi vì chỉ có một người duy nhất là anh cho nên em mới khổ vì yêu như thế này.

Shikishima(đảo làm bằng những ghềnh đá vững chãi) là từ tu sức cho Yamato.

Tam dich thơ:

Nếu đất Yamato / Có hai người con trai / Đáng yêu như anh vậy / Có gì em phải lo / Nhưng anh là duy nhất / Em mới khổ từng giờ.

12-3314

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

次嶺經 山背道乎 人都末乃 馬従行尓 己夫之 歩従行者 毎見 哭耳之所泣
曽許思尓 心之痛之 垂乳根乃 母之形見跡 吾持有 真十見鏡尓 蜻領巾
負並持而 馬替吾背

Dạng huấn độc (đã chua âm):

つぎねふ 山背道を 人夫の 馬より行くに 己夫し 徒歩より行けば 見るごとに
音のみし泣かゆ そこ思ふに 心し痛し たらちねの 母が形見と 我が持てる
まそみ鏡に 蜻蛉領巾 負ひ並め持ちて 馬買へ我が背

Phiên âm:

Tsuginefu / Yamashiroji wo / hitozuma no / uma yori yuku ni / onozumashi / kachiyori yukeba / mirugoto ni / ne no mishi nakayu / sono omou ni / kokoro shi ita shi / tarachine no / haha ga katami to / wa ga moteru / masomi kagami ni / akitsu hire / oiname mochite / uma kae wa ga se /

Diễn ý:

Mấy ông chồng các bà vùng Yamashiro thì được cuỡi ngựa đi khoan thai, còn anh của em vì không có ngựa nên cứ phải lẽo đẽo cuốc bộ chạy theo. Nhìn thấy cảnh đó em hết sức buồn rầu, nước mắt chảy quanh. Nghĩ tới mà đau đớn tâm can.

Nhưng thôi được rồi, may quá em còn giữ được cái kính đẹp nhất hạng mẹ để lại làm kỹ niệm với tấm khăn choàng mỏng (hire) em thường diện mỗi khi ra ngoài. Này, đem tất cả bán đi mua con ngựa mà cưỡi nhé, anh ơi!

Bài thơ bày tỏ tình thương và lòng hy sinh của người con gái miền quê chân chất, không ham muốn vật chất, không tiếc gì với chồng dù là tấm kính mẹ để lại như kỹ vật và tấm khăn choàng, vật trang sức độc nhất của cô. Thời ấy, giá một con ngựa là từ 250 đến 450 bó lúa mà một bó lúa lấy được chừng 5 thăng gạo.

Tạm dịch thơ:

Chồng các bà bên nớ / Vùng Yamashiro / Đi thì có ngựa cưỡi / Riêng anh phải cuốc bộ / Lẽo đẽo chạy theo người / Sao khổ thế anh ơi / Nhìn anh, em nẫu ruột / Nay chỉ còn tấm kính / Mẹ cho em điểm trang / Với cái khăn choàng đẹp / Khoác những khi ra đường / Bán đi mua ngựa tốt / Đỡ chân người em thương /

Tiếp theo đây là một bài *hanka* đặt đằng sau nó:

12-3315

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

泉<川> 渡瀬深見 吾世古我 旅行衣 蒙沾鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

泉川渡り瀬深み我が背子が旅行き衣ひづちなむかも

Phiên âm:

Izumigawa / watarize fukami / wa ga seko ga / tabiyukigoromo / hizuchinamu (nureni keru) kamo.

Diễn ý:

Con sông Kizukawa có những chỗ lội thật sâu, trên bước lữ hành, chồng em phải vượt qua đấy thì làm gì áo anh ấy chả ướt. Phải nhanh tay mà kiếm ngựa cho anh ấy cưỡi.

Tạm dịch thơ:

Vượt dòng Izumi / Sông sâu, nước chảy mau / Lữ khách phải ướt áo / Chồng em thời ra sao / (Chần chờ chi nữa nhỉ) / Kiếm ngựa cho anh nào!

Thêm một bài *henka* khác:

12-3316

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

清鏡 雖持吾者 記無 君之歩行 名積去見者

Dạng huấn độc (đã chua âm):

まそ鏡持てれど我れは験なし君が徒歩よりなづみ行く見れば

Phiên âm:

Maso kagami / moteredo ware wa / shirushi nashi / kimi ga kachiyori / nazumi yuku mireba /

Diễn ý:

Tấm kính có đẹp đẽ nhường nào, đối với em, nó có dùng được vào việc gì đâu nếu như cứ phải để chồng mình lao khổ, bước mãi trên con đường gập ghềnh mà không có ngựa đỡ chân. (Phải mua ngựa cho anh ấy mới được!)

Một bản tình ca chân chất, cảm động của cô gái quê thương chồng.

Tạm dịch thơ:

Tấm kính dẫu đẹp đẽ / Ai đi ngắm nghía mình / Khi chàng còn lao khổ / Trên con đường gập ghềnh / Chân đau không ngựa cưỡi / Suốt cả cuộc hành trình /

12-3317

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

馬替者 妹歩行将有 縦恵八子 石者雖履 吾二行

Dạng huấn độc (đã chua âm):

馬買はば妹徒歩ならむよしゑやし石は踏むとも我はふたり行かむ

Phiên âm:

Uma kawaba / imo ga kachinaramu (naran) / yoshieyashi / ishi wa fumu to mo / wa wa futari yukamu (yukan)

Diễn ý:

Nghe lời đề nghị của em anh rất vui nhưng lẽ nào mình lại bán di vật của mẹ chúng ta. Nếu hai ta cùng đi, chẳng lẽ anh để em đi bộ. / Không sao đâu, anh ơi. Nếu đường đời sỏi đá, em cũng đi với anh. Nếu mình thương yêu giúp đỡ nhau thì sá gì một tấm kính.

Bài thơ này có thể chia làm 2 vế, được sắp xếp như lời đối đáp giữa hai vợ chồng.

Tạm dịch thơ:

Nghe lời em đề nghị / Lòng anh vui làm sao / Nhưng kỹ vật của mẹ / Bán đi có lẽ nào? /Không, không, lo chi anh / Dẫu đường đá gập ghềnh / Sá gì một tấm kính / Nếu hai ta đồng hành / .

12-3268

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

三諸之　神奈備山従　登能陰　雨者落来奴　雨霧相　風左倍吹奴　大口乃　真神之原従 思管 還尓之人 家尓到伎也

Dạng huấn độc (đã chua âm):

みもろの 神奈備山ゆ との曇り 雨は降り来ぬ 天霧らひ 風さへ吹きぬ 大口の 真神の原ゆ 思ひつつ 帰りにし人 家に至りきや

Phiên âm:

Mimoro no / Kamuna (kanna) biyama yu / to no kumori / ame wa furikinu / amagirai / kaze sae fukinu / Ôguchi no / Makami no hara yu / omoitsutsu / kaerini shi hito / ie ni itari ki ya /

Diễn ý:

Em đang nghĩ về người em thương đang đội mưa băng qua cánh đồng buồn ảm đạm trên đường về nhà anh ấy. Núi Kannai ở Mimuro mưa dày như sương, còn thêm gió thổi lạnh lùng. Em lo lắng không biết sau khi chia tay với em, vào giờ giấc này mà phải đi ngang qua cánh đồng Makami vừa đi vừa nghĩ đến em, bây giờ anh ấy đã về đến nơi bình yên vô sự hay chưa.

Ôguchi (cái mõm lớn) là makura kotoba của Makami (cũng đọc là Ôkami, con chó sói) nhưng cả hai từ chỉ địa danh này khi hợp lại còn có nghĩa là “con chó sói có cái mõm lớn” (ôguchi no ôkami), một hình ảnh gợi lên sự nguy hiểm. Ngày xưa, việc đi thăm người yêu không dễ dàng như chúng ta bây giờ mà là cả một sự cực nhọc.

Tạm dịch thơ:

Núi Kannai nặng mây / Hơi nước như sương dày / Gió đưa mưa sắp tới / Anh vượt cánh đồng dài / Vừa chia tay buồn bã / Tâm sự nhớ nhung đầy /Lòng em những lo lắng / Về bình yên không đây?

12-3269

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

還尓之 人乎念等 野干玉之 彼夜者吾毛 宿毛寐金〈手〉寸

Dạng huấn độc (đã chua âm):

帰りにし人を思ふとぬばたまのその夜は我れも寐も寝かねてき

Phiên âm:

Kaeri ni shi / hito wo omou to / nubatama no / sono yo wa ware mo / imo nekaneteki /

Diễn ý:

Khi nghĩ đến anh ấy mới từ chỗ em để đi về nhà, lòng em bồn chồn lo lắng không sao ngủ thẳng giấc.

Tạm dịch thơ:

Khi nghĩ về anh ấy / Người vừa ở bên em / Nay trên đường trở lại / Đến nhà có bình yên ? / Lòng xiết bao lo lắng / Thao thức mãi trong đêm /

12-3270

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

刺将焼 小屋之四忌屋尓 掻将棄 破薦乎敷而 所〈挌〉将折 鬼之四忌手乎 指易而 将宿君故 赤根刺 晝者終尓 野干玉之 夜者須柄尓 此床乃 比師跡鳴左右 嘆鶴鴨

Dạng huấn độc (đã chua âm):

さし焼かむ 小屋の醜屋に かき棄てむ 破れ薦を敷きて 打ち折らむ 醜の醜手を さし交へて 寝らむ君ゆゑ あかねさす 昼はしみらに ぬばたまの 夜はすがらに この床の ひしと鳴るまで 嘆きつるかも

Phiên âm:

Sashiyakamu (kan) / koya no shikoya ni / kakiutemu (ten) / yaregomo wo shikite / uchi oramu (oran) / shiko no shikote wo / sashikaete / nuramuki miyue / akanesasu / hiru wa

shimara ni/ nubatama no / yoru wa sugara ni / kono toko no / hishi to naru made / nagekitsuru kamo /

Diễn ý:

Giữa căn nhà bẩn thĩu muốn cho một mồi lửa đốt đi này, đem cái chiếu nát bẩn thĩu những muốn đem xé ra vứt đi mà trải lên trên, tha hồ ôm ấp con đàn bà xấu hoắc, những muốn đem cánh tay nó mà bẻ trẹo cho rồi. Anh là người có sở thích kỳ quặc. Thế mà em vẫn không thôi nhớ đến anh, thức ngủ lúc nào cũng thở dài than vắn thiếu điều lung lay cả chiếc giường.

Tạm dịch thơ:

Giữa căn nhà bẩn thĩu / Có đốt chẳng hề chi / Chàng trãi tấm chiếu nát / Thiếu điều đem vứt được đi / Ôm ấp cái con mẹ / Mặt xấu như ma lem / Muốn bẻ trẹo tay nó / Người thế, sao anh thèm ? / Giận anh thì có giận / Mà vẫn nhớ từng đêm / Em thở dài than vắn / Giường chiếu cũng lồng lên!

Đây là một bài thơ kỳ lạ, hiếm có trong toàn bộ Man.yôshuu. Người con gái - tác giả bài thơ - đã tưởng tượng ra sinh hoạt không mấy tốt đẹp giữa tình địch và người yêu của mình. Có thể là nàng quá khắt khe nhưng cảnh tượng ấy đã làm cho nàng phiền muộn ngày đêm.

Nàng thóa mạ và tỏ lòng phẫn nộ trước đối thủ. Như thế, thời Vạn Diệp cũng đã có nhưng người ghen tuông còn hơn nàng Hoạn Thư.

Dưới đây là bài *hanka* đi kèm:

12-3271

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

我情 焼毛吾有 愛八師 君尓戀毛 我之心柄

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が心焼くも我れなりはしきやし君に恋ふるも我が心から

Phiên âm:

Wa ga kokoro / yaku mo ware nari / hashikiyashi / kimi ni kouru mo / wa ga kokoro kara /

Diễn ý:

Trong lòng em lửa tình hừng hực thiêu đốt làm cho em khổ. Cùng lúc, nỗi niềm thương nhớ anh yêu cũng chan chứa biết bao. Nhưng ai sống mà chẳng ôm một mối khổ tình không biết gửi về đâu.

Tạm dịch thơ:

Tình riêng nung nấu mãi / Làm em khổ bấy nhiêu / Nhưng trái tim em cũng / Thương nhớ anh rất nhiều / (Sống ở đời có lúc / Phải ém nhẹm niềm yêu).

Hanka là hình thức thơ ngắn nói lên những điều gì mà *chôka* đi trước nó nói không hết ý nhưng cũng đóng vai trò "giải nhiệt" làm lắng dịu những trào lòng tuôn ra một cách quá buông tuồng. Cô gái nay đã hồi tâm và tỏ ra hiểu biết hơn.

Tiết VII: Azuma-uta 東歌 (Thơ miền đông):

Man.yôshuu là một tập thơ chứa chan tình cảm. Thế nhưng thơ tràn đầy tình cảm chân thực và sâu lắng hơn cả thì chỉ có thể thấy từ những bài trong đó mang tên Azuma-uta hay thơ miền đông. Azuma chỉ vùng đất từ Kamakura trở lên phía trên Tôkyô nhưng khác với ngày nay, lúc ấy ánh sáng văn minh chưa tìm đến. Vào thời Man.yô, nó hãy còn là nơi rừng rú man di. Tất cả có 230 bài Azuma-uta viết theo thể tanka.

Azuma-uta phần lớn là thơ tình, nhiều từ ngữ địa phương (hôgen 方言) và viết theo cách phát âm trại đi (kagen訛言), không chơi chữ, không tu sức, hết sức đơn sơ chất phác, có khi hoang dã nữa. Qua chúng, ta có thể hiểu được phong tục tập quán của người miền đông Nhật Bản thời đó. Những bài này phần lớn có lẽ do chính người dân bình thường tự làm ra.

Đối với một số bài ta có thể biết chúng đã được làm ra từ địa phương nào. Chúng gồm 90 bài, trong đó là 5 zôka, 76 sômonka và 9 hiyuka. Phần thơ không biết làm ra từ nơi nào thì có 140 bài gồm 17 zôka, 112 sômonka, 5 bài sakamori no uta hay thơ lính thú, 14 hiyuka và 1 banka. Trong thể loại sômonka hầu hết là thơ luyến ái giữa nam nữ, và có thể xem như bộ phận quan trọng nhất của Azuma-uta. Nếu phân chia theo vùng (kuni) thì các vùng có thơ nhiều nhất là vùng Kamitsuke (25 bài), Sagami (15 bài), Hitachi (12 bài), Musashi (9 bài), Suruga (6 bài), Shinano (5 bài), Shimotsufusa (5 bài), Michinoku (4 bài), Kamitsufusa (3 bài), Tôtsutsafumi (3 bài), Shimotsuke (2 bài), Izu (1 bài). Chúng đều thuộc vào hai "đạo" (đơn vị hành chánh lớn): Tôkaidô hay Đông hải đạo tính từ Tohotsuafumi dọc theo bờ biển về đông, và Tôsandô hay Đông sơn đạo, cũng từ đó chạy lên Shinano theo hướng núi về đông.

Đặc điểm của Azuma-uta nằm trong những nét chính sau đây:

1) Nhiều jo-kotoba (chữ mào đầu) nhưng vì do người dân địa phương vốn chất phác làm ra nên chúng không nặng về kỹ xảo. Họ chỉ đem nó vào thơ khi phong cảnh trước mắt thôi thúc nguồn cảm hứng chứ không chủ ý dụng công.
2) Trong thơ hay nhắc đến các địa danh, nhờ đó mà mang nhiều màu sắc địa phương.
3) Có nhiều bài ca tương tự (ruika 類歌) giữa vùng này và vùng khác như thể có một

bài thơ gốc phát xuất từ đâu đó rồi sau đó được truyền tụng khắp nơi. Cái khác nhau giữa chúng là địa danh và tên sản vật mà thôi. Ví dụ bài thơ ở vùng Ôshima bảo rằng : Ta là người xuất thân từ Ôshima, đã tôi luyện trong lửa thần nên trong lòng lúc nào cũng ngùn ngụt khói" , thì bài ở vùng Kamitsufusa lại ví von: "Ta là người ở bến Kurikuri, quen với sóng to gió lớn nên cũng ngang ngược như sóng gió". Cũng vậy, người các vùng Niigata, Gifu hay Tosa vv...thảy đều đưa ra cảnh vật và tính cách riêng của quê hương mình...

4) Thơ nói về lao động có rất nhiều. Vì các tác giả là người miền đông cho nên thi ca phản ánh thực sự sinh hoạt hàng ngày của miền này. Nếu không có kiến thức về hình thế đất đai, cảnh vật, phong tục, ngôn ngữ của người miền Đông thì khó thể thưởng thức trọn vẹn hương vị thi ca trong đó. Tuy nhiên, chúng ta vẫn không khỏi ngạc nhiên và quí mến khi đứng trước sự chất phác, mới mẽ và nhạy bén trong cảm xúc và tâm tình của họ.

Không biết những ai đã thu góp những bài ca miền Đông này nhưng riêng về trường hợp nhà biên tập Ôtomo no Yakamochi thì khi ông sưu tập thơ lính thú vào khoảng năm Tenpyô Shôho thứ 7 (tức 755) đã để ý nhiều đến thơ của người bình dân ở miền Đông rồi. Mười chín năm sau, khi đến Sagami (gần Yokohama bây giờ) làm quan trấn thủ, ông có dịp thăm viếng miền Đông và trao đổi với người dân sở tại mà tìm tòi thêm chăng.

Duy việc sưu tập được thơ lính thú và thơ miền Đông không thôi cũng đủ làm cho Man.yôshuu phong phú và nhiều sắc thái biết nhường nào. Chúng ta thật phải biết ơn những người đã thu góp chúng.Thơ miền Đông không những là tư liệu quí báu để nghiên cứu văn chương mà còn là phương tiện để tìm hiểu tiếng Nhật thời ấy cũng như phong tục tập quán của dân chúng. Ảnh hưởng của chúng trên lịch sử xã hội và phong tục rất là to tát.

14-3351

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

筑波祢尓 由伎可母布良留 伊奈乎可母 加奈思吉兒呂我 尓努保佐流可母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

筑波嶺に雪かも降らるいなをかも愛しき子ろが布乾さるかも

Phiên âm:

Tsukuba ne ni / Yuki kamo furaru / ina wo kamo / kanashiki ko ro ga / nino hosaru kamo /

Diễn ý:

Đằng xa kia có phải chăng tuyết đang rơi trên đỉnh núi Tsukuba ? Không, chưa hẳn! Biết đâu chẳng là mấy tấm vải mà cô nhỏ dễ thương (kanashiki ko) của ta đang đem ra

phơi đó thôi. (trong tiếng Nhật cổ, kanashiki là đáng yêu chứ không phải đáng tội nghiệp và nino tức là nuno hay vải vóc trong phương ngữ (tiếng địa phương) miền đông thời cổ)

Tạm dịch thơ:

Nơi xa kia, có phải / Tsukuba tuyết rơi?/ Không, không nào đã chắc / Chẳng qua cô em tôi / Người tôi luôn tưởng nhớ / Đem vải trắng ra phơi!

Tác giả bài thơ này có lẽ sống dưới chân núi Tsukuba và cô gái anh ta yêu sống trong núi. Khi thấy tuyết đổ xuống phủ trắng núi Tsukuba (nay nằm ở tỉnh Ibaraki), anh liên tưởng đến chuyện cô hay đem vải vóc ra phơi, nhân đó thành thơ. Qua nó, ta thấy hiện ra hình ảnh người con gái khỏe mạnh, hay lam hay làm, chăm lo dệt vải của xứ Hitachi (Hitachi-otome). Cũng nên nhớ Tsukuba được gọi là ngọn núi Fuji của miền đông, nơi có tổ chức những cuộc gặp gỡ hát đối đáp của trai gái Nhật Bản thời cổ.

Bài thơ này sang đến giai đoạn Meiji-Taishô đã được sửa đi đôi chút để trở thành một bài ca nhi đồng rất thịnh hành.

14-3373

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

多麻河泊尓 左良須弖豆久利 佐良左良尓 奈仁曽許能兒乃 己許太可奈之伎

Dạng huấn độc (đã chua âm):

多摩川にさらす手作りさらさらになにぞこの子のここだ愛しき

Phiên âm:

Tamagawa ni / sarasu tezukuri / sarasara ni / nani zo kono ko no / koko da kanashiki /

Diễn ý:

Bên bờ sông Tamagawa, có phải vải mới dệt xong đem ra phơi. Vải tung bay trong gió, nhưng lạ lùng làm sao, lòng ta chỉ tưởng nhớ đến người con gái đáng yêu ấy thôi.

Tạm dịch thơ:

Tama bên dòng sông / Có phải vải dệt xong / Đem hong trong nắng gió / Đang phất phới bay tung / Riêng lòng ta đau đáu / Cô ấy, nhớ khôn cùng /

Trong bài thơ này có con sông Tamagawa nên ta biết rằng đây là bài thơ nói về xứ Musashino tức Tôkyô bây giờ.

Những chữ sarasu rồi sarasara lập đi lập lại tạo nên một tình cảm uyển chuyển và thanh

thoát nhẹ nhàng tựa như hình ảnh tấm vải đang phấp phới bay theo làn gió dưới nắng.

Nhà thơ kiêm thiền tăng Ryôkan (Lương Khoan) cũng sử dụng âm sarasara lập đi lập lại trong bài thơ sau đây của ông nói về tiếng mưa đá (arare) rơi rào rạt trên đám lá trúc rừng (yamazasa):

Yamazasa ni / Arare tabashiru / oto wa sarasara / sarari sarari / sarasara to seshi / kokoro koso yokere /

Hãy để ý đến những âm sarasara nói lên được sự nhẹ nhàng, rào rạt ấy. Còn nhà thơ Sakato Hitonari thì lại dùng từ tsuratsura (mềm đưa) khi tả hoa trà lả lơi và thi hào Ôtomo Tabito sử dụng tiết điệu của chữ tsubara tsubara (gợn sóng) khi tả cánh đồng tranh vi vu trong gió, là những ví dụ tương tự.

Núi Tsukuba (877m) (Nguồn Wikipedia)

14-3386

Nguyên văn (dạng Manyô-gana):

尓保杼里能 可豆思加和世乎 尓倍須登毛 曽能可奈之伎乎 刀尓多弖米也母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

にほ鳥の葛飾早稲をにへすともその愛しきを外に立てめやも

Phiên âm:

Nihodori no / Kazushikawase wo / nihesu tomo / sono kanashiki wo / to ni tateme yamo

Diễn ý:

Trong đêm có lễ Cúng Lúa Mới ở vủng Kazushika (nay thuộc Chiba cạnh Tôkyô), đáng lý tuyệt đối không ai được đến gần ai nhưng ta chỉ muốn lén đưa người (con trai) ta yêu vào nhà. Chả lẽ ta lại để anh ấy đứng bên ngoải hay sao!

Tạm dịch thơ:

Đêm lễ cúng lúa mới / Phải tránh mặt nhau xa / Nhưng em cứ muốn lén / Cho anh ấy vào nhà / Nếu bắt đứng ngoài cửa / Quả tội nghiệp người ta /

Nihodori chỉ là một từ tu sức cho địa danh Kazushika. Nihesu ý nói lễ cúng lúa mới để cho các vị thần nếm thử. Đêm hôm ấy, tục lệ cấm ngặt mọi người đến gần nhau hay đi từ nhà này qua nhà khác. Đó là một monoimi 物忌hay điều cấm kỵ (taboo). Tuy thế, cô con gái này lại không nỡ để người mình yêu phải đứng đợi bên ngoài cửa. Thời cổ như thế là một hành vi vô cùng bạo dạn, vì yêu đương nồng nhiệt mà bất chấp cả thần thánh.

Bài thơ này đã được nhà quốc học Kamo no Mabuchi liệt vào loại thơ hay.

14-3399

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

信濃道者 伊麻能波里美知 可里婆祢尓 安思布麻之〈奈牟〉久都波氣和我世

Dạng huấn độc (đã chua âm):

信濃道は今の墾り道刈りばねに足踏ましなむ沓はけ我が背

Phiên âm:

Shinanuji wa /ima no harimichi / karibane ni / ashi fumashi namu / kutsu hake wa ga se

Diễn ý:

Con đường đi Shinanu (bây giờ đọc là Shinano) mới khai thông gần đây thôi. Chắc vừa mới phạt gai góc xong thôi nên hãy còn đầy rễ cây, gập ghềnh làm vướng bước chân người. Chàng ơi, cẩn thận mang giày dép vào mà đi nhé!

Tạm dịch thơ:

Shinano đường mới / Vừa mở ra gần đây / Bộ hành hãy còn khổ/ Lối đi toàn rễ cây / Chồng yêu ơi, nhớ nhé / Cẩn thận, anh mang giày! /

Đây là một bài thơ đơn sơ gói ghém tâm tình cô vợ gửi đến chồng mình. Hầu như không phải thơ vè chi cả mà chỉ là một lời nhắn nhủ thường ngày. Nó nói lên cái tình chân thật của người vợ trẻ đối với chồng cô.

Con đường đi Shinano (vùng núi cao Nagano, phiá tây Tôkyô)) từ khi khởi công đến lúc hoàn thành mất 12 năm, lúc mới mở thì hãy còn nhiều chướng ngại vật như rễ cây làm cho khách bộ hành gặp khó khăn. Thời ấy, người Nhật vẫn còn đi chân đất chứ ít có giày dép. Cứ xem bài vịnh về nàng Mama no Otome chân trần không dép hài (mà vẫn xinh đẹp) thì đủ thấy tình cảnh sinh hoạt đi đứng hồi đó.

14-3400

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

信濃奈流 知具麻能河泊能 左射礼思母 伎弥之布美弖婆 多麻等比呂波牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

信濃なる千曲の川のさざれ石も君し踏みてば玉と拾はむ

Phiên âm:

Shinanu naru / Chiguma no kawa no / sazareshi mo / kimi shifumiteba / tama to hirowamu /

Diễn ý:

Người thương của em ơi, trên đường đi Shinano, nếu anh có dẫm chân lên dù là một hòn cuội nhỏ trên bờ sông Chikuma thì xin anh hãy nhặt nó lên đem về cho em. Đối với em nó quí báu như châu ngọc đấy.

Tạm dịch thơ:

Bên sông Chikuma / Trên đường Shinano / Khi chàng dẫm chân lên / Dẫu một hòn cuội nhỏ / Xin nhặt nó cho em / Quí hơn châu ngọc đó!

Thiếu nữ xem hòn cuội nhỏ bên bờ sông được người yêu của nàng dẫm lên quí giá như một viên kim cương. Bài thơ tuy lời lẽ mộc mạc nhưng kết tinh được tấm lòng yêu thương chồng của nàng.

14-3420

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

可美都氣努 佐野乃布奈波之 登里波奈之 於也波左久礼騰 和波左可流賀倍

Dạng huấn độc (đã chua âm):

上つ毛野佐野の舟橋取り離し親は放くれど我は離るがへ

Phiên âm:

Kamitsukeno / Sano no funabashi / tori hanashi / oya wa sakuredo / wa wa sakarugae

Diễn ý:

Cũng như cầu nổi ở bến Sano ở Ueno, tùy trường hợp, có lúc người ta đem dùng lúc tháo gỡ, cha mẹ muốn chia rẽ, cắt đứt tình yêu của chúng ta. Thế nhưng đời nào ta lại để cho họ làm việc ấy.

Kamitsukeno ở đây chỉ là một jo-kotaba để tu sức cho Sano.

Tạm dịch thơ:

Như cầu tàu Sano / Dùng xong lại đem gỡ / Cha mẹ gây cách trở / Đoạn lìa tình đôi ta / Nhưng họ làm chi được / Mình đã quyết không xa.

Địa danh của bài thơ là bến Sano ở Ueno thuộc tỉnh Gunma bây giờ. Nguyên lai bến ấy có một chỗ tên Funahashi (thuyền kiều), nơi người ta ghép thuyền lại thành cầu tàu, rất cần thiết cho sự vận hành của bến. Mỗi khi mưa lớn nước ngập (demizu) hay tùy từng trường hợp, lúc thì họ đem ra dùng, lúc tháo gỡ đem cất. Gae là thổ ngữ miền đông để diễn tả sự phản nghĩa.

14-3421

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

伊香保祢尓 可未奈那里曽祢 和我倍尓波 由恵波奈家杼母 兒良尓与里弖曽

Dạng huấn độc (đã chua âm):

伊香保嶺に雷な鳴りそね我が上には故はなけども子らによりてぞ

Phiên âm:

Ikahone ni / kamina nari sone / waga e ni wa / yue wa nakedomo / kora ni yoriteto /

Diễn ý:

Hỡi sấm sét trên đỉnh núi Ikaho (cũng thuộc vùng Gunma -Tochigi) ! Xin đừng gây ra tiếng to như thế! Đàn ông con trai như ta thì không hề hấn gì nhưng nàng con gái ấy có thể bị ngươi làm cho kinh sợ đấy.

Tạm dịch thơ:

Sấm sét trên đỉnh núi / Ikaho kia ơi / Xin nguôi cơn giận dữ / Ầm ầm thế đủ rồi / Đàn ông nào có sợ / Hù chi cô em tôi!

14-3425

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

志母都家〈努〉安素乃河泊良欲 伊之布〈麻〉受 蘇良由登伎奴与 奈我己許呂能礼

Dạng huấn độc (đã chua âm):

下つ毛野阿蘇の川原よ石踏まず空ゆと来ぬよ汝が心告れ

Phiên âm:

Shimotsuke no / Aso no kawara yo / ishifumazu / sorayuto kinu yo / na ga kokoro nore /

Diễn ý:

Này, ta vừa đi ngang cánh đồng bên sông ở Aso thuộc vùng Shimotsuke (Tochigi bây giờ), chân thoăn thoắt chưa hề dẫm lên đá và lòng ta thơ thới như bay bỗng lên trời. Em hãy cho ta hay chứ lòng em thì đang nghĩ những gì nào?

Tạm dịch thơ:

Ta băng băng đồng cỏ / Để gặp được em ngay / Bước cao không đụng đá / Thân nhẹ nhàng như bay / Này em, cho hỏi nhỏ ? / Lòng cô giờ sao đây?/

Đây là một bài thơ nhắn gửi với dụng ý cầu hôn, lời lẽ tràn đầy sức sống và sự tự tin. Cũng có ý bày tỏ một cách chân thành lòng mong mỏi và quyết tâm của mình.

14-3438

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

都武賀野尓 須受我於等伎許由 可牟思太能 等能乃奈可知師 登我里須良思母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

都武賀野に鈴が音聞こゆ可牟思太の殿のなかちし鳥猟すらしも

Phiên âm:

Tsumugano ni / suzu ga oto kikoyu / Kamushida no / tono no nakachishi / togari sura shimo /

Diễn ý:

Trên bầu trời cánh đồng Tsumuga nghe tiếng lục lạc kêu không dứt. Chắc chắn đó là vì nơi phủ đệ Kanshida (Kamushida), cậu ấm con thứ của quan đang mở cuộc săn bằng chim ưng đấy thôi.

Tạm dịch thơ:

Tiếng lục lạc vọng đến / Trên không nghe từ xa / Có phải là cậu ấm / Con cụ Kanshida / Đưa chim ưng săn thú / Trên đồng Tsumuga /

Địa danh của bài thơ thuộc vùng Shizuoka. Tác giả của nó có thể là đàn ông, có thể là phụ nữ. Nếu là đàn ông thì thấy bộc lộ sự thèm muốn được dự vào cuộc săn, một trò chơi mà chỉ giới quí tộc mới có độc quyền.

Tuy nhiên, theo bà Uemura Etsuko thi tác giả có lẽ là phái nữ. Phải chăng cô nàng đang dừng mũi kim giữa khi đang làm việc khi nghe tiếng những chùm lục lạc buộc vào đuôi kim ưng gây nên âm thanh huyên náo trên cánh đồng và tưởng tượng đến dáng dấp oai hùng của cậu hai nhà Kanshida. Có lẽ cô nàng hãy còn là một thiếu nữ đang độ xuân thì.

Chim ưng săn (Nguồn Wikipedia)

14-3439

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

須受我祢乃 波由馬宇馬夜能 都追美井乃 美都乎多麻倍奈 伊毛我多太手欲

Dạng huấn độc (đã chua âm):

鈴が音の早馬駅家の堤井の水を給へな妹が直手よ

Phiên âm:

Suzu ga ne no / hayuma umaya no / tsutsumii no / mizu wo tamae na / imoga tadate yo /

Diễn ý:

Nơi nhà trạm có tiếng nhạc ngựa nghe inh tai. Bên cạnh đó có cái giếng, hãy lấy cho ta miếng nước. Này cô gái xinh xắn kia ơi, ta muốn được uống ngụm nước vốc lên bằng bàn tay trần của cô.

Tạm dịch thơ:

Bên nhà trạm xe ấy / Đạc ngựa rung inh tai / Cổ anh đang cháy khát / Xin em ngụm nước coi / Trong bụm tay người đẹp / Nước giếng mát ôi thôi !

Tác giả có lẽ là một anh đánh xe thích bông đùa và cô gái có lẽ là cô hàng nước làm việc ở một trạm xe ngựa, phương tiện giao thông nhanh chóng nhất thời ấy. Cô nàng có thể xinh xắn nhưng cũng đáo để. Thường thì thời đó, mỗi nhà trạm như vậy có chừng mươi thớt ngựa. Chúng đều đeo chuông nhỏ, gây nên tiếng động ồn ào. Xin uống nước trực tiếp từ lòng bàn tay nàng là một lời tán khéo nhưng thành thực của anh chàng đánh xe và cũng không đến nỗi quá sổ sàng.

14-3450

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

乎久佐乎等 乎具佐受家乎等 斯抱布祢乃 那良敝弖美礼婆 乎具佐可〈知〉馬利

Dạng huấn độc (đã chua âm):

乎久佐男と乎具佐受家男と潮舟の並べて見れば乎具佐勝ちめり

Phiên âm:

Okusa wo to / ogusa zuke wo to / shiobune no / narabete mireba / ogusa kachimeri /

Diễn ý:

Trong làng của em có hai anh Okusa và Ogusa. Như hai chiếc thuyền đậu bên nhau trên bến, anh nào coi cũng được đến. Không biết chọn ai bây giờ. Làm sao hở ta. Nhưng nghĩ tới nghĩ lui, coi bộ trong bụng mình chắc thương cái anh Ogusa hơn hay sao đó!

Tạm dịch thơ:

Làng em có hai cậu / Kusa và Gusa / Như hai chiếc thuyền đẹp / Chiếc mô làm thuyền hoa? / Nhưng hỏi lòng thật kỹ. Mình chắc thích Gusa!

Trong thôn của cô gái trẻ có hai chàng trai và nàng thấy một chín một mười, không biết ngả về ai. Có thể tưởng tượng hình ảnh cô gái quê đang chìa hai ngón tay trỏ ra, nghiêng đầu qua, nghiêng đầu lại, nhìn hết bên này tới bên nọ dùng dằng chưa quyết. Rốt cuộc vì phải chọn một, nàng hỏi lòng mình lần chót và chọn chàng tai tốt số Gusa. Cụm từ *Shiobune no narabete* nói lên ý so đo 2 chàng như hai con thuyền nằm trên bến - cậu nào trông cũng được - cho ta thấy hình ảnh quê hương nàng là một một xóm chài lưới. Nó có hiệu quả tu từ cho bài thơ.

Ngày xưa, "phận gái mười hai bến nước, đục chịu trong nhờ", có đâu chỉ ở Việt Nam ta!

14-3451

Nguyên văn (Man.yôgana):

左奈都良能 乎可尓安波麻伎 可奈之伎我 〈古〉麻波多具等毛 和波素登毛波自

Dạng huấn độc (đã chua âm):

左奈都良の岡に粟蒔き愛しきが駒は食ぐとも我はそとも追じ

Phiên âm:

Sanatsura no / oka ni awamaki / kanashiki ga / koma wa tagu tomo / wa ha soto mo haji

Diễn ý:

Trong khi đang vãi hạt kê để gieo mầm trên ngọn đồi Sanatsura thì mấy chú ngựa đói thèm thuồng chạy đến ăn hết kê ta vừa mới gieo làm ta phải suỵt suỵt đuổi chúng đi. Thế nhưng nếu đó là con ngựa của người yêu dễ thương của ta thì ta chẳng hơi đâu suỵt nó làm chi. Bởi vì nó đã đưa chàng đến gần bên ta cơ mà!

Tạm dịch thơ:

Hạt kê đem gieo khắp / Đồi Sanatsura / Ngựa háu ăn, thì đuổi / Trừ ngựa anh ấy ra / Thưởng nó cái công lớn / Đưa chàng đến với ta.

Ngọn đồi Sanatsura không biết bây giờ nằm ở đâu. Bài thơ này nói lên được tình cảm chất phác của cô gái nông thôn đang có người yêu. Đó là một bài thơ người nông dân Nhật Bản hát lên trong lúc lao động, về sau trở thành một khúc dân ca phổ thông cho tất cả, không kể già trẻ trai gái khi gieo hạt kê, cũng có lúc được hát lên trong những ngày hội mừng mùa màng.

Bài thơ sau đây được hát lên khi giã gạo, một cảnh tượng lao động khác.

14-3459

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

伊祢都氣波 可加流安我<手>乎 許余比毛可 等能乃和久胡我 等里弖奈氣可武

Dạng huấn độc:

稲つけばかかる我が手を今夜もか殿の若子が取りて嘆かむ

Phiên âm:

Ine tsukeba / kakaru a ga te wo / koyohi mo ka / tono no wakugo ga / torite nagekamu /

Diễn ý:

Bàn tay của em đây vì giã gạo (để phân chia vỏ trấu ra khỏi hạt gạo) mà trở thành bỏng rộp nứt nẻ ra. Không biết đến đêm nay, nơi phủ đệ, cậu ấm có lấy bàn tay mềm mại của mình nắm lấy nó và nói rằng: “Nứt nẻ ra cả rồi đấy nhé! Thế cô em có đau không nào?”.

Tạm dịch thơ:

Nứt nẻ vì giã gạo/ Bàn tay em nhà nông / Đêm nay lại vào phủ / Cậu chủ thấu cho chăng ? / Có đưa tay mềm vuốt / Và hỏi: Em đau không? / .

Bà Uemura chủ trương rằng đây là bài thơ của một cô gái quê lao động vất vả bày tỏ tình cảm của mình với cậu chủ trẻ trong phủ, đối tượng sự mơ ước của cô. (Riêng người viết thì thầm nghĩ những cậu chủ gọi người làm vào dinh buổi tối để vuốt tay hỏi có đau không như thế này cũng thuộc loại đáng ngờ vực lắm!)

Cũng theo bà Uemura, lời thơ bài này lưu loát chứng tỏ một tình cảm chân thực. Không những cô gái quê mong được chiếu cố mà còn tỏ ra hỗ thẹn vì bàn tay thô ráp, không được đẹp đẽ của mình, khiến cho ta đâm ra có cảm tình với sụ e dè khép nép của cô.

14-3476

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

宇倍兒奈波 和奴尓故布奈毛 多刀都久能 努賀奈敝由家婆 故布思可流奈母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

うべ子なは我ぬに恋ふなも立と月のぬがなへ行けば恋しかるなも

Phiên âm:

Ube ko na wa / Wanu ni kofu namo / tato tsuku no / nuganaku yukeba / kofu shikaru namo /

Diễn âm:

Đâu phải là chuyện lạ nếu em mong muốn gặp anh! Con trăng mới đã dần dần đã thành cũ rồi, có lẽ vì mình xa cách lâu ngày, lòng em cũng đâm ra thương nhớ. Thật ra (trên bước lữ hành này), tâm sự anh nào có khác chi em.

Tạm dịch thơ:

Ví dầu em ngóng đợi / Anh chẳng lạ gì đâu / Hôm nao trăng còn mới / Nay mùa đã vào sâu / Biết cho, nơi đất khách / Lòng anh có khác nào !

Đây là một bài thơ rặt những chữ bị nói trại (namari) và phương ngữ miền đông, không đem ra giải thích thì khó ai nắm được ý nghĩa. Chẳng hạn ware (ta) thì viết wanu, tsuki (mặt trăng) lại viết tsuku.

Bài thơ là của một người đàn ông làm trong khi đi đường, gửi về cho vợ anh ta đang ở lại cố hương, dưới dạng hồi âm bức thư (như sômonka) trong đó, người vợ bày tỏ lòng tưởng nhớ chồng.

14-3481

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

安利伎奴乃 佐恵々々之豆美 伊敝能伊母尓 毛乃伊波受伎尓弖 於毛比具流之母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

あり衣のさゑさゑしづみ家の妹に物言はず来にて思ひ苦しも

Phiên âm:

Ari kinu no / sae sae shizumi / ie no imo ni / mono iwazu kinite / omoigushi mo /

Diễn ý:

Khi ta bước chân ra đi, người đến tiễn đưa đông đảo ồn ào nên không có thời giờ chia tay với vợ và cứ như thế phóng ra đường. Nay ngồi bình tĩnh lại, lòng mới hối tiếc khôn nguôi!

Tam dịch thơ:

Khi chia tay lên đường / Người tiễn đưa rộn ràng / Không kịp cùng vợ mới / Thủ thỉ lời yêu thương / Một thân, giờ nghĩ lại / Tiếc hận nào cho hơn ? /

Đây là tình cảm mà nhiều người trong chúng ta từng đã trải qua. Lúc lên đường khi bao nhiêu thứ chộn rộn, không có thời giờ để thủ thỉ với người yêu dấu, chỉ khi đã lên tàu, ra bến rồi mới hối tiếc.Tình cảnh của người có lẽ là chinh phu và người vợ mới cưới (niizuma) của anh trong bài thơ này còn cảm động hơn nhiều.

Thời xưa làm gì có điện thoại, điện tín.., ta hiểu được tâm trạng của những người yêu thương phải cách xa nhau mà không có cơ hội tỏ bày tình cảm. Loại thơ này có nhiều bài tương tự trong Man.yôshuu. Ví dụ bài mang số 4-503 của tác giả Kakimoto no Hitomaro, hai bài 14- 3528, bài 20-4237 đều nói lên cảnh vì bận rộn nên không nói lên được những điều mình nghĩ về người yêu.

14-3491

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

楊奈疑許曽 伎礼波伴要須礼 余能比等乃 古非尓思奈武乎 伊可尓世余等曽

Dạng huấn độc (đã chua âm):

柳こそ伐れば生えすれ世の人の恋に死なむをいかにせよとぞ

Phiên âm:

Yanagi koso / kireba haesure / yo no hito no / koi ni shinamu wo / ikani seyo to zo /

Diễn ý:

Dương liễu thì dù cành có chặt vẫn mọc ra trở lại chứ con người nếu chết là đi luôn thôi. Người ơi, có biết chăng điều ấy! Nay tình em đối với anh nồng nàn thiết tha như thiêu như đốt, em sẽ chết vì nó đây. Thấy tình cảnh em như vậy mà anh cũng đành lòng để em chết thực sao?

Tạm dịch thơ:

Nếu là cây dương liễu / Cành chặt vẫn xanh ra / Con người ta thời khác / Chết sẽ hoá ra ma / Yêu anh, lòng bỏng cháy / Nỡ nhìn em chết à?

Thơ lý luận kiểu này chắc phải là thơ của một người trẻ tuổi. Không những thế, nó còn có vẻ cáo buộc, bức bách kẻ đứng trước mặt. Có thể đương sự quá khổ sở vì căn bệnh tương tư của mình nhưng cũng có thể nàng cảm thấy bất lực không cắt nổi sợi dây tình nghiệp chướng đang ràng buộc để chạy đi cho thoát. Dùng cây dương liễu mà ví von thì có lẽ là người sống ở nông thôn nhưng tác giả tỏ ra đầu óc khá thông minh và ca từ điêu luyện.

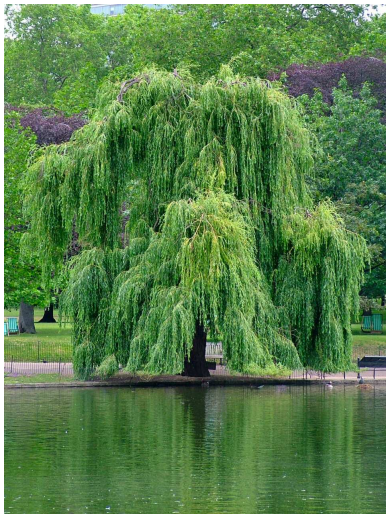

Liễu（Nguồn Internet）

14-3494

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

兒毛知夜麻 和可加敝流弖能 毛美都麻弖 宿毛等和波毛布 汝波安杼可毛布

Dạng huấn độc (đã chua âm):

子持山若かへるでのもみつまで寝もと我は思ふ汝はあどか思ふ

Phiên âm:

Komochiyama / waka kaeru de no / momitsu made / nemoto wa wa omou / na wa ado ka omou /

Diễn ý:

Ta muốn ngủ với em (với cái nghĩa làm tình của thời Man.yô) trong khoảng thời gian dài từ khi lá non xanh của những cây phong trên núi Komochi đổi sang màu đỏ mùa thu. Thế em nghĩ làm sao, hở em?

Tạm dịch thơ:

Em nghĩ thế nào em ? / Nếu ta ôm em ngủ / Tận lúc lá phong non / Đỉnh Komochi ấy / Qua xuân rồi đến hạ / Đỏ rực cuối mùa thu /

Địa danh cho biết đây là một bài thơ của địa phương Gunma, gần Tôkyô bây giờ. Núi Komochi nằm giữa vùng giáp ranh của ba khu vực. Núi cao khoảng 1296m.

Lời thơ thành thực và thẳng thắn, có phong vị dân ca. Riêng cách diễn tả “cho đến khi lá phong (kaede) xanh non trở thành đỏ rực” lại có nhiều chất thơ. Vô tình hay hữu ý, chữ Komochi 児毛知vừa là tên núi vừa có tự dạng komochi 子持ちnghĩa là ...mang thai hay có con.

Rừng phong lá đỏ (Nguồn Wikipedia)

14-3515

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

阿我於毛乃 和須礼牟之太波 久尓波布利 祢尓多都久毛乎 見都追之努波西

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が面の忘れむしだは国はふり嶺に立つ雲を見つつ偲はせ

Phiên âm:

Wa ga omo no / wasuremu shi da wa / kuni hafuri / ne ni tatsu kumo wo / mitsutsu shinowase /

Diễn ý:

Trong chuyến lữ hành dài, chắc có khi chàng quên khuôn mặt em rồi. Như khi nào muốn nhớ lại, xin nhìn lên đỉnh núi cao nơi có lớp mây đùn từ phía này đến để tưởng tượng ra em, chàng nhé!

Tạm dịch thơ:

Chàng lên đường từ lâu / Mặt em biết còn nhớ ? / Nếu như có khi nào / Lòng nghĩ về người vợ / Xin ngắm dáng mây trời / Trên núi xa khơi đó!

Đây là bài thơ vợ gửi cho người chồng đi xa. Lời ca thâm trầm. Không có một phương tiện nhắn tin, không một tấm ảnh nhìn cho đỡ nhớ, người cổ đại chỉ dựa vào một vật cụ thể nào đó để tưởng tượng hình ảnh người thân yêu, nhất là khi có những biến cố lớn như chiến tranh thì nhu cầu này còn lớn hơn thế nữa.

Mây là một vật thể hình thù không cố định (vân cẩu) và thay đổi theo sự tưởng tượng, lại có thể thấy dễ dàng khi đứng bất cứ nơi đâu ngoài trời nên dễ hợp với lối ví von của người vợ. Bài thơ 14-3520 tiếp theo đây cũng thuộc vào loại đó:

14-3520

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

於毛可多能 和須礼牟之太波 於抱野呂尓 多奈婢久君母乎 見都追思努波牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

面形の忘れむしだは大野ろにたなびく雲を見つつ偲はむ

Phiên âm:

Omogata no / wasuremushi da wa / Ohono ro ni tanabiku / kumo wo mitsutsu shinowamu /

Diễn ý:

Khi nào em e mình không nhớ ra khuôn mặt của chàng nữa thì em sẽ nhìn giải mây vắt ngang cánh đồng rộng mà tưởng đến chàng.

Tạm dịch thơ:

E khi hết nhớ ra / Khuôn mặt chàng được nữa / Em sẽ nhìn giải mây / Giăng giăng qua đồng rộng / Để tưởng tượng một người / (Đã xa xôi hình bóng) /

Bài sau đây, vẫn cùng chung một ý thơ ấy nhưng đã ra đời trong một hoàn cảnh khác, đặc biệt hơn:

14-3580

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

君之由久 海邊乃夜杼尓 奇里多々婆 安我多知奈氣久 伊伎等之理麻勢

Dạng huấn độc (đã chua âm):

君が行く海辺の宿に霧立たば我が立ち嘆く息と知りませ

Phiên âm:

Kimi ga yuku / umibe no yado ni / kiri tataba / agatachi nageku / iki to shirimase /

Diễn ý:

Trên chỗ bờ biển nơi người đi, khi thấy sương mù dậy lên từ phía có ngôi nhà trọ qua đêm của người thì xin hiểu cho rằng đó là tiếng than dài của em đang cất lên.

Tạm dịch thơ:

Từ quán trọ bên đường / Lối đi ven bờ biển / Nếu trời dậy mù sương / Lúc ấy xin người hiểu / Đó là tiếng than dài / Em thương (người lữ thứ) /

Có thuyết cho rằng đây là bài thơ của một người phụ nữ làm ra tặng người thân yêu của bà là sứ thần đi Shiragi (Tân La) thuộc Triều Tiên để cám cảnh gian khổ và nguy hiểm trên đường qua biển.

14-3529

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

等夜乃野尓 乎佐藝祢良波里 乎佐乎左毛 祢奈敞古由恵尓 波伴尓許呂波要

Dạng huấn độc (đã chua âm):

等夜の野に兎ねらはりをさをさも寝なへ子ゆゑに母に嘖はえ

Phiên âm:

Toyanono ni / osagi nerawari / osaosa mo / nena e koyue ni / haha ni korowae /

Diễn ý:

Uổng công như rình bắt thỏ trên cánh đồng Toya. Chưa được chung chăn chung gối với người con gái ấy cho thỏa lòng thì đã bị bà mẹ của nàng mắng nhiếc sa sả rồi.

Tạm dịch thơ:

Uổng công như rình thỏ / Trên cánh đồng Toya / Chưa ôm ấp cho thỏa / Người yêu dấu của ta / (Đã bị mẹ cô nàng) / Không tiếc lời sỉ vả /

Toyanono có lẽ là tên một cánh đồng nhưng không rõ nằm ở đâu. Nội dung bài thơ là lời than thở của một chàng trai không được toại nguyện. Osagi là âm địa phương gọi usagi (con thỏ).

Thỏ (Nguồn Wikipedia)

14-3519

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

奈我波伴尓 己良例安波由久 安乎久毛能 伊弖来和伎母兒 安必見而由可武

Dạng huấn độc (đã chua âm):

汝が母に嘖られ我は行く青雲の出で来我妹子相見て行かむ

Phiên âm:

Na ga haha ni / korareta a wa / yuku aokumo no / ide kowagimoko / aihimite yukamu /

Diễn ý:

Đáng tiếc cho anh đã lén đến tìm kiếm em nhưng bị mẹ em bắt gặp. Bà mắng nhiếc anh đủ điều! Thế thì anh phải trở về nhà. Ừ, thế nhưng đợi chút nhé ! Ra đây cho anh dòm mặt cái nào!

Tạm dịch thơ:

Anh có lén đến thăm / Nhưng mẹ em bắt gặp / Mắng nhiếc chẳng tiếc lời / Đành phải bỏ về thôi / Nhưng, khoan nhé, em ơi / Cho anh nhìn mặt đã!

Bài thơ này sống động, như kể chuyện đang xảy ra trước mắt. Toàn thể lời thơ nhẹ nhàng chăng khác văn nói, không chút vướng mắc. Nó lại cho ta thấy tình cảnh của người xưa với ngày nay vốn không khác nhau bao nhiêu. Aokumo (mây xanh) là một makura kotoba (chữ gối đầu) có nhiệm vụ tu sức cho chữ yuku (đi, bỏ chạy) mà thôi.

14-3521

Nguyên văn (dạng Manyôgana):

可良須等布 於保乎曽杼里能 麻左Ｒ尓毛 伎麻左奴伎美乎 許呂久等曽奈久

Dạng huấn độc (đã chua âm):

烏とふ大をそ鳥のまさでにも来まさぬ君をころくとぞ鳴く

Phiên âm:

Karasu tofu / oho wo sotori no / masade ni mo / kimasanu kimi wo / koroku to zo naku /

Diễn ý:

Con quạ kia thật là giống chim thích nói dối! Nó bắt ta phải chờ đợi. Thực ra, người đó đâu có đến được mà nó cứ luôn mồm “Đến rồi, đến rồi!” (Koroku, koroku). (Thật ra âm thanh quạ kêu là “Quà quạ” (Kaa, kaa…) mà cô gái nghe nhầm). Sao mà dễ ghét đến thế, câm họng đi cái coi!

Tạm dịch thơ:

Quạ ơi, sao gian dối / Làm thiếp mỏi mòn chờ / Nói"Đến rồi!" mà thiếp / (Chẳng thấy chàng nơi mô) ? / Này cái quạ bẻm mép / Im miệng cho chị nhờ!

Buổi chiều khi bay về tổ, quạ thường cất tiếng kêu quà quạ. Người con gái đang chờ bạn tình đến lại có ảo giác nghe ra là "Người ấy đến rồi" cho nên mới trách quạ là kẻ ăn gian nói dối. Chuyện nghe lầm và hiểu lầm vẫn thường thấy trong cuộc sống hằng ngày, nhất là khi ta quá chú tâm về một việc gì.

Quạ (Nguồn Wikipedia)

14-3532

Nguyên văn (dạng Manyôgana):

波流能野尓 久佐波牟古麻能 久知夜麻受 安乎思努布良武 伊敝乃兒呂波母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

春の野に草食む駒の口やまず我を偲ふらむ家の子ろはも

Phiên âm:

Haru no no ni / kusa hamu koma no / kuchi yamazu / a wo shinofuramu / ie no koro hamo /

Diễn ý:

Trên cánh đồng xuân ngựa nhóp nhép không ngừng nhai cỏ xanh. Mồm miệng cũng huyên thiên giống thế và còn hay hơn con ngựa ấy nữa là người vợ yêu dấu lúc nào cũng không ngơi nhắc nhở đến ta. Bây giờ, ở nhà không biết nàng đã ra sao rồi?

Tam dịch thơ:

Trên cánh đồng mùa xuân / Ngựa không ngừng nhai cỏ / Như vợ yêu ngày xưa / Chuyện ta luôn nhắc nhở / Nay xa cách lâu rồi / Không biết nàng còn nhớ?

Đây không thể nào là thơ một người sống trong cung cấm bởi vì nó đậm đà màu sắc địa phương, dân dã. Trên đường đi, đôi mắt của người lữ khách đã nhìn thấy quang cảnh hiện ra trên cánh đồng rộng và tập trung vào nó. Nhìn con ngựa khoẻ đang tham lam nghiến ngấu mớ cỏ non xanh, tác giả liên tưởng và ngưng tụ lại nơi hình ảnh người vợ chốn quê nhà. Bài thơ có hình ảnh mới lạ (ví người vợ láu táu như con ngựa háu ăn), tình cảm hồn nhiên chân thực.

Cánh đồng thu (Nguồn Wikipedia)

14-3537

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

久敝胡之尓 武藝波武古宇馬能 波都々々尓 安比見之兒良之 安夜尓可奈思母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

くへ越しに麦食む小馬のはつはつに相見し子らしあやに愛しも

Phiên âm:

Kubegoshi ni / mugi hamu kouma no / hatsuhatsu ni / aimishi korashi / aya ni kanashi mo /

Diễn ý:

Như con ngựa con rốt cuộc với tới và ngoặm được đám lúa mạch bên kia hàng rào, ta thấy người con gái ta mà khổ công lắm mới hò hẹn được một chốc lát dễ thương đến lạ lùng.

Tạm dịch thơ:

Như con ngựa với tới / Nhánh lúa mạch bên rào / Nàng cũng cho ta gặp / Sau bao nhiêu lao đao / Phút giây dù ngắn ngủi / Vẫn dễ thương làm sao!

Miền đông là nơi sinh sản ngựa cho nên bài thơ này rất đậm đà tính địa phương. Phong

cảnh mùa xuân ở miền quê như hiển hiện trước mắt người đọc. Hatsuhatsu có nghĩa là chỉ được có một chốc. Người con trai trong bài cho biết mình đã đạt được mục đích sau khi vượt được nhiều trở ngại dẫu giây phút ấy chẳng được dài lâu.

Có bản chép :

Hatsuhatsu ni / ii hada fureshi thay vì hatsuhatsu aimishi korashi

nghĩa là "chạm được một chút vào da thịt trinh nguyên" thì nội dung tỏ ra có tính cách nhục thể hơn.

14-3546

Nguyên văn (dạng Manyôgana):

安乎楊木能 波良路可波刀尓 奈乎麻都等 西美度波久末受 多知度奈良須母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

青柳の張らろ川門に汝を待つと清水は汲まず立ち処平すも

Phiên âm:

Aoyagi no / hararo kawato ni / na wo matsu to / semido wa kumazu / tachido narasu mo /

Diễn ý:

Em đợi chờ anh mãi trên bến sông nơi có hàng liễu mọc xanh um. Em lấy cớ dối nhà đi múc nước mang về mà rốt cuộc đứng nơi đây dậm chân dậm cẳng. Ôi chao, cái ông chết tiệt này không biết đang làm gì ở đâu vậy nhỉ?

Tạm dịch thơ:

Bờ dương liễu bên sông / Đứng đợi anh tần ngần / Hẹn em sao chẳng đến / Đang ở đâu hỡi chàng? Dối nhà đi múc nước / Giờ tức mình dậm chân.

Người con gái đang đứng đợi bên bờ liễu có lẽ mới vừa 17, 18 hay sao đó, tay đang xách thùng gỗ để múc nước. Cũng là một cảnh "dối (rằng) cha dối mẹ" đi gặp người yêu nhưng chàng "cứ hẹn mà không đến". Rốt cuộc, nàng đâm ra bứt rứt khó ở khi không biết người yêu đi đâu mà chẳng chịu xuất hiện cho nàng nhờ.

Tiết VIII: Warau-uta 嗤笑歌 (Thơ trào phúng):

Trong Man.yôshuu cũng có những vần thơ đột ngột, độc đáo, vượt ra ngoài sức tưởng tượng, rất buồn cười, lắm khi làm người ta ôm bụng bò lăn. Đặc biệt trong quyển 16, có

những bài trêu chọc, châm biếm về khuyết điểm của người khác. Người viết thường sử dụng thủ pháp của một nhà biếm họa (caricature) hay mạn họa (manga) tức là khoa đại một đặc điểm nào đó của đối tượng để làm nổi bật nó khỏi toàn thể. Đó cũng là thủ pháp được các tác giả thơ châm biếm (như kiểu các nhà thơ viết theo thể *senryuu* 川柳và *dodoitsu*都都逸 hài hước thời Edo) về sau. Chẳng hạn, hồi thời Meiji, các quan chức thích để râu mép kiểu các hoàng đế (Kaizer) nước Đức. Để phúng thích tính hoạnh họe của họ, trong dân gian đã có thơ:

ひげを生やして官員なれば猫も鯰も皆官員

Hige wo hayashite kan.in ni nareba,
Neko mo namazu mo mina kan.in.

Nếu chỉ cần để râu / Đủ trở thành ông lớn / Mèo, cá chốt, cá trầu / Đều đáng làm quan thượng.

Tác giả những vần thơ hài hước ấy xứng đáng được gọi là những nhà tùy bút, những nhà báo của thời đại, ghi chép lại đủ nhân tình thế thái.

Xin giới thiệu vài bài thơ phúng thích của thời Vạn Diệp cũng viết trong tinh thần đó. Trước tiên là 2 bài thơ chế giễu qua chế giễu lại giữa hai đại thần đồng liêu Ikeda và Ômiwa (hay Ôkami) mà bây giờ không ai rõ là những nhân vật lịch sử nào. Ông trước chê ông sau ốm như quỷ đói, ông sau chê ông trước có cái mũi đỏ cà chua:

16-3840

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

寺々之 女餓鬼申久 大神乃 男餓鬼被給而 其子将播

Dạng huấn độc (đã chua âm):

寺々の女餓鬼申さく大神の男餓鬼賜りてその子産まはむ

Phiên âm:

Teratera no / megaki ma wo saku / Ôkami no / ogaki tabarite / sono ko umahamu /

Diễn ý:

Mấy con quỷ cái ở các đền chùa kháo với nhau rằng. Trông cái ông Ôwami (còn đọc là Ôkami với cái nghĩa là ông thần lớn) cũng gầy nhom giống như mấy anh chồng quỉ đói của bọn ta. Chi bằng lấy ông ấy làm chồng sinh cho ông một lũ con quỷ đói.

Tạm dịch thơ:

Biết chăng bọn quỷ cái / Các chùa kháo nhặng lên / Ông thần lớn kia cũng / Gầy đói như chồng mình / Chi bằng lấy quách hắn / Đẻ thêm đàn quỷ xinh /

Mặt nạ quỉ (Nguồn Internet)

16-3841

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

佛造 真朱不足者 水渟 池田乃阿曽我 鼻上乎穿礼

Dạng huấn độc (đã chua âm):

仏造るま朱足らずは水溜まる池田の朝臣が鼻の上を掘れ

Phiên âm:

Hotoke tsukuru / masoho tarazu wa / mizu tamaru / ikeda no aso ga / hana no ue wo hore

Diễn ý:

Nếu vẽ tranh Phật mà thiếu đất đỏ để làm son tô thì cứ đến cái lỗ mũi nằm bên trên đám ruộng úng nước lềnh bềnh (đám ruộng ngập nước cũng là tên ông Ikeda = ruộng nước, ruộng ao) mà đào bới thì bao nhiêu cũng có.

Cụm từ mizu tamaru (úng nước) là một từ tu sức để chỉ thửa ruộng ao (ikeda)

Tạm dịch thơ:

Những khi vẽ tranh Phật / Thiếu đất đỏ tô thêm / Hãy đến chỗ gò mũi / Bên ruộng nước lềnh bềnh / Đào xới nó lên thôi /Thời bao nhiêu cũng có /

Một đại thần khác có tên là Hozumi. Ông này nổi tiếng hôi nách (wakikusa**脇臭**). Nhân vì âm kusa là hôi hám (kusai) cũng đồng âm với kusa là cỏ, cho nên bạn đồng liêu của ông là Heguri dùng cách chơi chữ để chế giễu khuyết điểm ấy. Có thuyết cho rằng

wakikusa (cỏ mọc dưới nách脇草) là lông nách. Còn yahotade, trợ từ cảm thán (xem bên dưới), chỉ là một cụm từ tu sức cho Hozumi mà thôi.

16-3842

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

小兒等 草者勿苅 八穗蓼乎 穗積乃阿曽我 腋草乎可礼

Dạng huấn độc (đã chua âm):

童ども草はな刈りそ八穗蓼を穗積の朝臣が腋草を刈れ

Phiên âm:

Warawadomo / kusa hanakariso / yahotade wo / hozumi no aso ga / wakikusa wo kare /

Diễn ý:

Này các chú bé con! Nếu muốn cắt cỏ thì đừng đi đâu cho xa xôi. Cứ đến tìm cỏ mọc dưới nách ông đại thần Hozumi (Hozumi có nghĩa là nơi chất những gié luá nữa) mà cắt!

Tạm dịch thơ:

Này các chú bé con / Nếu muốn cắt cỏ thơm / Không cần đi xa vội / (Có một nơi gần hơn) / Hozumi quan lớn / Nách bao nhiêu là hương /

Sau đây là một bài thơ họa lại và cũng để trả đủa bạn đồng liêu Heguri của nạn nhân tức đại thần Hozumi.

16-3843

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

何所曽 真朱穿岳 薦疊 平群乃阿曽我 鼻上乎穿礼

Dạng huấn độc (đã chua âm):

いづくにぞま朱掘る岡薦畳平群の朝臣が鼻の上を掘れ

Phiên âm:

Izuku ni zo / Masoho horu oka / komotatami / heguri no aso ga / hana no ue wo hore /

Diễn ý:

Cái đồi đất đỏ, nó nằm chỗ nào nhỉ ? Quên khuấy mất. Ừ, thôi, nhớ ra rồi! Cứ đào ở chỗ bên trên cái mũi của quan lớn Heguri là đúng ngay.

Tatami là từ tu sức của heguri. Còn masaho là một loại đất đỏ, hoà với vàng để tô tượng Phật.Thời xưa nó là một vật liệu không thể thiếu được trong việc kiến tạo chùa chiền.

Tạm dịch thơ:

Cái đồi đất son đỏ / Biết nằm ở nơi nao? Chả sao, tớ đã nhớ / (Không hồ nghi chút nào) / Cứ nhắm đúng cái mũi! / Heguri mà đào!

Tiếp theo đây là một bài thơ bỡn mấy nhà sư:

16-3846

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

法師等之 鬚乃剃杭 馬繋 痛勿引曽 僧半甘

Dạng huấn độc (đã chua âm):

法師らが鬚の剃り杭馬繋いたくな引きそ法師は泣かむ

Phiên âm:

Hôshira ga / hige no sorikui / uma tsunagi / itakunahikiso / hôshi wa nakamu /

Diễn ý:

Các nhà sư, hễ cạo râu xong, râu thường đâm cứng ra như những cây cọc. Đừng thấy cọc ấy tiện lợi mà dùng cột ngựa nhé. Các thầy nhà ta đau khóc thét thì tội nghiệp lắm đấy!

Thời xưa, ngoài các nhà sư, không ai cạo râu. Râu được cạo lại mọc mạnh ra xanh tốt hơn râu thường. Người ta xem đó như điều không nên. Tuy nhiên, bài thơ không hẳn có ác ý với các nhà tu hành vì tác giả còn sợ họ đau đớn.

Tạm dịch thơ:

Này xem mấy nhà sư / Râu cạo càng xanh tốt / Chớ dùng như cái trụ / Mà cột ngựa làm chi / Tội nghiệp cho mấy thầy / Có khi đau khóc thét /

16-3847

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

檀越也 然勿言 〈五十〉戸〈長〉我 課役徴者 汝毛半甘

Dạng huấn độc (đã chua âm):

檀越やしかもな言ひそ里長が課役徴らば汝も泣かむ

Phiên âm:

Daniwochi ya / shikamo na iiso / satoosa ga / edachi hataraba / imashi mo nakamu

Diễn ý:

Này ông thầy ơi! Nói chi những lời lẽ như vậy. Xui tôi đi nộp thuế cho quan trên làm chi. Nếu ông bị lý trưởng giục đóng sưu đóng thuế thì chắc ông cũng cay đắng mà khóc than như tôi thôi.

Lý trưởng là người đứng đầu trong thôn, cai quản độ 50 hộ. Daniochi hay Dan.ochi (đàn việt) ỏ đây chỉ nhà sư, người được miễn sưu dịch.

Tạm dịch thơ:

Thầy nói thực là hay / Dạy con đi nộp thuế / Nếu ông lý ép thầy / Vào trong vòng sưu dịch / Lúc đó thầy sẽ khóc / Cay đắng khác gì con.

Sau đây xin trình bày liên tiếp 2 bài thơ đùa người gầy. Tương truyền là thơ Ôtomo no Yakamochi. Ông bỡn một nhân vật có thế lực tên Iwamaro, nổi tiếng háu ăn. Lời thơ có vẻ như là kính cẩn nên ngược lại, hiệu quả châm biếm của nó càng mạnh.

16-3853

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

石麻呂尓 吾物申 夏痩尓 〈吉〉跡云物曽 武奈伎取〈喫〉［賣世反也］

Dạng huấn độc (đã chua âm):

石麻呂に我れ物申す夏痩せによしといふものぞ鰻捕り食せ［賣世反也］

Phiên âm:

Iwamaro ni / ware mono môsu / natsu yase ni / yoshitoi fumono zo / munagi torimese /

Diễn ý:

Này ông Iwamaro, tôi xin có mấy lời dặn dò. Xem ra ông ông có hơi gầy ốm vì ngày hè nóng nực. Để trị chứng *natsuyase* (gầy rạc vì không chịu được nóng mùa hè) ấy, khuyên

ông nên cho bắt lươn mà xơi thì bổ khỏe lắm đấy.

Ngày nay, tục lệ ăn thịt lươn vào mùa hè (có nhiều chất béo và vitamin A) 18 hôm trước ngày lập hạ vẫn tồn tại ở Nhật. Nhiều người ngỡ nó chỉ bắt đầu hồi đời Edo nhưng đọc ở đây mới biết tục lệ đó đã có sẵn trong phong tục Nhật Bản tự thời Vạn Diệp.

Tạm dịch thơ:

Ngài Iwamaro / Trông ông hơi ốm o / Tôi đây xin được phép / Có đôi điều dặn dò / Hãy ăn lươn mùa nhiệt / Bổ béo chẳng ai ngờ.

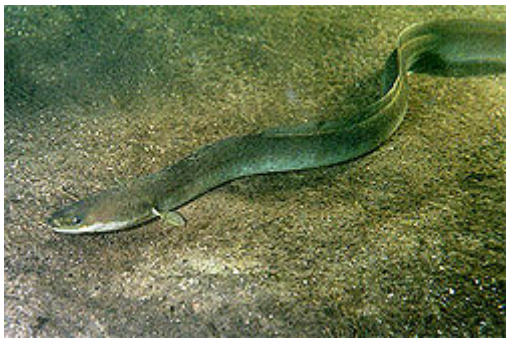

Lươn (Nguồn Wikipedia)

Sau khi Ôtomo no Yakamochi đã gửi bài thơ khuyên Iwamaro chớ khinh suất mà phải chú ý đến thân thể, ông lại gửi thêm bài sau, còn hài hước và mang tính cách châm biếm sâu cay hơn nữa làm ta tưởng tượng đến một anh chàng gầy đến độ nước cuốn sẽ trôi, gió thổi cũng ngã. Cũng có thể là giữa hai bài, đã có một bài thơ trả lời hay trả đủa của Iwamaro nhưng bị thất truyền, và vì lời lẽ không làm Yakamochi vừa lòng nên ông không thu thập lại.

16-3854

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

痩々母 生有者将在乎 波多也波多 武奈伎乎漁取跡 河尓流勿

Dạng huấn độc (đã chua âm):

痩す痩すも生けらばあらむをはたやはた鰻を捕ると川に流るな

Phiên âm:

Yasuyasu mo / ikeraba aramu wo / hata ya hata / munagi wo toru to / kawa ni nagaru na

Diễn ý:

(Xin lỗi đã lên tiếng khuyên ngài một điều không cần thiết, vậy cho tôi rút lại lời). Ngài

dầu gầy gò nhưng hãy còn sống nhăn. Thôi thì xin chớ vì muốn bắt con lươn dài như đũa bếp vàng kia mà phải lội sông cho nước nó cuốn trôi cái thân gầy guộc đi ngài nhé.

Hata ya hata biểu lộ ý sợ sệt một chuyện gì nguy hiểm có thể xảy ra.

Tạm dịch thơ:

Cho tôi rút lại lời / Kẻo nghe theo thì khốn / Thân dù có ốm o / Ngài vẫn còn tính mạng / Xuống sông bắt lươn vàng / Người nhẹ nhỡ nước cuốn!/

Có khi là những lời lẽ bông đùa đánh vào các những ông quan suốt ngày mãi lo chạy theo đàn bà thay vì phục vụ dân như trong bài thơ sau đây:

16-3858

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

比来之 吾戀力 記集 功尓申者 五位乃冠

Dạng huấn độc (đã chua âm):

このころの我が恋力記し集め功に申さば五位の冠

Phiên âm:

Kono koro no / agakoiji kara / shirushi atsume / kuu ni ma wo saba / goi no kagafuri /

Diễn ý:

Xưa nay tôi rất bận bịu trong tình yêu. Tôi phải khổ công ngồi chép lại bao điều về những thành tích chinh phục đã đạt được ấy. Nếu bề trên biết sự chăm chỉ đó chắc phải nhấc tôi lên đến ít nhất đến chức quan ngũ phẩm, có phải không ạ.

Tạm dịch thơ:

Xưa nay tôi mãi bận / Chép chuyện tình đời mình / Bề trên mà biết thế / (Làm gì chẳng ngợi khen) / Ít nhất hàm ngũ phẩm. Phong cho người chăm làm /

Bài thơ này làm liên tưởng tới Sôjô Henjô (quan tăng chính Biến Chiêu, 816-890). Tăng Sôjô, một quí tộc sau xuất gia, vừa thông minh, vừa tao nhã, biết hài hước, cũng có tên trong sáu kasen (ca tiên), nhưng tiếc là không có bằng cớ rõ ràng cho biết ông là tác giả. Chữ *goi* (ngũ vị) tạm dịch ngũ phẩm là một chức trong hệ thống quan lại Nhật Bản thời cổ.

Tiết IX: Hokaibito no uta 乞食者の歌 (Thơ những người đi khất thực):

Trong quyển 16 có chép hai bài thơ mà tác giả là người khất thực.

Người khất thực, đọc là hokaibito乞食者 là những kẻ hát rong xin ăn. Họ đến trước cửa nhà người để đọc những lời chúc thọ (thọ từ 寿詞 = hokaikoto), kể chuyện diễu hoặc đánh trống làm trò, xin vài đồng xu (chômoku鳥目). Ngày nay, vào dịp tết nhất vẫn còn có những người hành nghề ấy. Họ chia thành loại với tên gọi khác nhau như mikawa manzai 三河万歳hay kadozuke門付. Hiện tại vẫn có còn một hình thức sân khấu diễu có tính bình dân đối đáp tung hứng giữa hai người gọi là manzai漫才, không biết có liên quan gì chăng.

Hokaibito-uta cùng với Azuma no uta (thơ miền Đông) và Sakamori no uta (thơ lính thú) cho ta thấy tác giả thơ Vạn Diệp đến từ mọi thành phần xã hội, mang nhiều sắc thái khác nhau. Nó là chứng từ vô cùng quí giá về phong tục, tập quán của người thường dân trong xã hội Nhật Bản cổ đại.

16-3885

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

伊刀古 名兄乃君 居々而 物尓伊行跡波 韓國乃 虎神乎 生取尓 八頭取持来
其皮乎 多々弥尓刺 八重疊 平群乃山尓 四月 与五月間尓 藥猟 仕流時尓
足引乃 此片山尓 二立 伊智比何本尓 梓弓 八多婆佐弥 比米加夫良
八多婆左弥 完待跡 吾居時尓 佐男鹿乃 来〈立〉嘆久 頓尓 吾可死 王尓 吾仕牟
吾角者 御笠乃〈波〉夜詩 吾耳者 御墨坩 吾目良波 真墨乃鏡 吾爪者
御弓之弓波受 吾毛等者 御筆波夜斯 吾皮者 御箱皮尓 吾完者 御奈麻須波夜志
吾伎毛母 御奈麻須波夜之 吾美義波 御塩乃波夜之 耆矣奴 吾身一尓
七重花佐久 八重花生跡 白賞尼〈白賞尼〉

Dạng huấn độc (đã chua âm):

いとこ 汝背の君 居り居りて 物にい行くとは 韓国の 虎といふ神を
生け捕りに 八つ捕り持ち来 その皮を 畳に刺し 八重畳 平群の山に 四月と
五月との間に 薬猟 仕ふる時に あしひきの この片山に 二つ立つ 櫟が本に
梓弓 八つ手挟み ひめ鏑 八つ手挟み 獣待つと 我が居る時に さを鹿の
来立ち嘆かく たちまちに 我れは死ぬべし 大君に 我れは仕へむ 我が角は
み笠のはやし 我が耳は み墨の坩 我が目らは ますみの鏡 我が爪は
み弓の弓弭 我が毛らは み筆はやし 我が皮は み箱の皮に 我が肉は
み膾はやし 我が肝も み膾はやし 我がみげは み塩のはやし 老いたる奴
我が身一つに 七重花咲く 八重花咲くと 申しはやさね 申しはやさね

Phiên âm:

Itoko / nase no kimi / oriorite /mono ni iyuku to wa / karakuni no / tora to iu kami wo / ikedori ni / yatsu tori mochiki / sono kawa wo / tatami ni sashi / yaedatami / Heguri no yama ni / uzuki to / satsuki no hodo ni / kusurigari / tsukafuru toki ni / ashihiki no / kono Katayama ni / futatsu tatsu / ichihi ga moto ni / azusayumi / yatsutebasami / himekabura / yatsutabasami / shishi matsu to / wa ga oru toki ni / sa wo shika no / kitachi nagekaku / tachimachi ni / ware wa shinu beshi / ohokimi ni / ware wa tsukaemu / wa ga tsuno wa / mikasa no wa yashi / wa ga mimi wa / misumi no tsuho / wa ga mera wa / masumi no kagami / wa ga tsume wa / miyumi no yuwazu / wa ga kera wa / mifumi te wa yashi / wa ga kawa wa / mihako no kawa ni / wa ga shishi wa / mina masu wa yashi/ wa ga kimo mo / mina masu wa yashi / wa ga mige wa / mishiho no wa yashi / oitaru yakko / wa ga mi hitotsu ni /nanae hana saku / yae wa nasaku to / môshi wa yasane / môshi wa yasane.

Diễn ý:

Này ông chủ thân mến ơi, tôi nghe nói ông ở trong nhà suốt ngày, không thấy ra đường. Thế thì chúng tôi xin kể hầu ông chuyện về con hổ là con thú đáng sợ như thần và chỉ thấy ở nước ngoài. Thế mà vừa bắt sống được tám con đấy, có gớm chưa hở ông ? Đem về, lột da nay làm chiếu (thảm), cả thảy tám tấm. (Về đoạn mở đầu này thì có thuyết cho rằng được dựng ra để dẫn người đọc đến chữ yaedatami (bát trùng điệp = chiếu tám tầng), một hình ảnh đẹp chỉ núi Heguri, được dùng vào việc chúc tụng và cũng để dẫn vào phần chính của câu chuyện).

(Không liên can gì với chuyện da hổ nhưng mà) trên ngọn Heguri, vào tháng tư tháng năm (âm lịch), trong lúc chúng tôi đang đi hái thuốc (kỳ thực để chỉ việc tìm lộc nhung), đến dưới bóng hai cây thủy tùng (ichii) mọc bên nhau trong ngọn núi vắng vẻ (katayama) này, đem theo nhiều cung bằng gỗ tử (azusa) và nhiều mũi tên reo khi xé gió (kaburaya), sửa soạn chờ hươu xuất hiện. Bỗng thấy một con hươu đực (ojika) hiện ra, cất tiếng kêu bi thương, bảo ông chả cần phải bắn tôi cũng chết thôi và nếu chết, tôi sẽ được việc cho thiên hoàng. Sừng của tôi có thể giắt lên nón làm vật trang sức, tai tôi có thể làm túi đựng mực vẽ, mắt tôi làm kính rất tốt, móng tôi để chế mũi tên, lông tôi chế được bút, da tôi dùng vào việc chế hộp đựng đồ, thịt tôi, gan tôi, có thể làm giò chả, bao tử làm mắm đưa cay rất ngon. Cái thân già như tôi thôi thế mà làm được bảy “tám tầng” nghĩa là nhiều việc có ích đến thế. Xin ông hãy khen thưởng bọn chúng tôi đi. Nhớ khen thưởng cho chúng tôi nhé!

Tạm dịch thơ

Này ông chủ thân mến / Chắc đang ở trong nhà / Nếu như ông đi vắng / Mất nghe chuyện hay ho / Nào tin bắt sống cọp / Truyền từ nước ngoài qua / Một, hai, ba,…bảy tám / Đã thấy nhiều cọp chưa ? Đem chúng ra lột da / Phơi khô để làm thảm / Thảm dày đến tám tầng / (Như núi Heguri).

Tháng tư, tháng năm rồi / Lên núi đó ông ơi / Gặp mùa hươu có lộc / Nấp dưới cây trên đồi / Bên rặng thủy tùng đôi / Ở trong hòn núi vắng / Mang theo cung gỗ tử / Với bao

nhiêu là tên / Giữa khi đang chờ đợi / Bỗng hươu đực hiện lên / Cất tiếng kêu thống thiết / Như than thở với người / Không cần ngươi phải bắn / Ta cũng chịu mệnh trời / Chết đi ta có ích / Cho cả đấng quân vương / Sừng ta đem giắt nón / Tai ta, túi mực mài / Mắt làm được kính tốt / Móng, tên cứng tặng người / Da thuộc thành bao, đẩy / Thịt gan quết chả ngon / Lòng ruột ủ làm mắm / Để cho người đưa cay / Một cái thân già cỗi / Được việc ai sánh tày / Xin một lời khen thưởng / (Dù phải chết hôm nay)

Câu mào đầu để chào nhà chủ, không cho ông ta thoái thác là đi vắng và cũng để khêu gợi sự hiếu kỳ của ngươi chủ hay gia nhân ông ta khi họ ra trước nhà xem có việc gì. Bên ta xưa cũng có tục lệ bọn trẻ con đi rong, hát những lời chúc tụng gia chủ kiếm tiền lì xì trong những ngày tết nhất, với những câu như:

Nhà nào còn đèn còn lửa
Mở cửa anh em chúng tôi vào.
Bước lên giường cao,
Thấy đôi rồng ấp.
Bước xuống giường thấp,
Thấy đôi rồng chầu …

Và tiếp theo đó là những lời chúc lành cho con đông, ruộng lắm, tiền nhiều vv…Trong bài hát của người khất thực Nhật Bản, sau khi chào nhà chủ là đến câu rao hàng: "Đây không phải là truyện vùng này nhưng mãi tận bên nước ngoài kia cơ!". Nước ngoài là Triều Tiên, nhà Đường hay Ấn Độ (Thiên Trúc). Cũng nên biết cọp không phải là một loại thú rừng có ở Nhật. Cho đến đời Edo, các họa sĩ Nhật đều vẽ cọp theo tranh Tàu hoặc theo trí tưởng tượng nên có nhiều lầm lẫn.

Kể xong chuyện cọp nhằm kêu gợi sự tò mò của chủ nhà, sau mới sang chuyện chính về lời than của con hươu. Có thuyết cho rằng đây là bài văn chiêu hồn những con hươu đã chết vì phường săn, kể lể công lao mà con vật đã đem đến cho cuộc sống của mọi người.

Trong câu chót, người khất thực mong cho hươu được khen thưởng nhưng chắc cũng muốn chủ nhà ban thưởng cho chính mình.Như thế hẳn có ngụ ý gì đồng hóa số phận của người khất thực với con vật đáng thương kia?

16-3886

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

忍照八 難波乃小江尓 廬作 難麻理弖居 葦河尓乎 王召跡 何為牟尓
吾乎召良米夜 明久 〈吾〉知事乎 歌人跡 和乎召良米夜 笛吹跡 和乎召良米夜
琴引跡 和乎召良米夜 彼〈此〉毛 〈命〉受牟跡 今日々々跡 飛鳥尓到 雖〈置〉
〈々〉勿尓到雖不策 都久怒尓到 東 中門由 参納来弖 命受例婆 馬尓己曽
布毛太志可久物 牛尓己曽 鼻縄波久例 足引乃 此片山乃 毛武尓礼乎
五百枝波伎垂 天光夜 日乃異尓干 佐比豆留夜 辛碓尓舂 庭立 〈手〉碓子尓舂

忍光八 難波乃小江乃 始垂乎 辛久垂来弖 陶人乃 所作龜乎 今日徃
明日取持来 吾目良尓 塩と給〈セ〉賞毛〈セ賞毛〉

Dạng huấn độc (đã chua âm):

おしてるや 難波の小江に 廬作り 隠りて居る 葦蟹を 大君召すと 何せむに
我を召すらめや 明けく 我が知ることを 歌人と 我を召すらめや 笛吹きと
我を召すらめや 琴弾きと 我を召すらめや かもかくも 命受けむと
今日今日と 飛鳥に至り 置くとも 置勿に至り つかねども 都久野に至り 東の
中の御門ゆ 参入り来て 命受くれば 馬にこそ ふもだしかくもの 牛にこそ
鼻縄はくれ あしひきの この片山の もむ楡を 五百枝剥き垂り 天照るや
日の異に干し さひづるや 韓臼に搗き 庭に立つ 手臼に搗き おしてるや
難波の小江の 初垂りを からく垂り来て 陶人の 作れる瓶を 今日行きて
明日取り持ち来 我が目らに 塩塗りたまひ きたひはやすも きたひはやすも

Phiên âm:

Oshiteru ya /Naniwa no oe ni / iotsukuri / namarite oru / ashigani wo / ohokimi mesu to / nani semu ni / wa wo mesurame ya / akirakeku / wa ga shiru koto wo / utabito to / wa wo mesurame ya / fue fuki to / wa wo mesurame ya / koto hiki to / wa wo mesu rame ya / kamo kaku mo / mikoto ukemuto / kefu kefu to / asuka ni itari / okutedomo / okuna ni itari / tsukane domo / tsuku no ni itari / himugashi no / naka nomi ka doyu / mawiri kite /mikoto ukureba / uma ni koso / fumodashi kaku mono / ushi ni koso / hanatsuna hakure / ashihiki no / kano katayama no / momu nire wo /ihoe hagitari / amateru ya / hi no ke ni hoshi / sahizuru ya / karausuni tsuki / niwa ni tatsu / teusu ni tsuki / oshiteru ya / Naniwa no oe no / hatsu tari wo / karaku tari kite / suwehito no / tsukureru kame wo / kefuyukite / asuka torimochi ki / wa ga mera ni / shio nuritamai / kitahihayasu mo /kitahihayasu mo /

Diễn ý:

Bài thơ trên nói về nỗi khổ hộ con cua.

Thiên tử muốn triệu tôi, con *ashigani,* loại cua làm hang ổ trong đám lau sậy trên bải biển Naniwa (Ôsaka bây giờ), nhưng vì cớ gì ngài lại muốn triệu tôi ra. Tôi thừa biết mình là kẻ chẳng có tài cán. Ngài muốn nghe tôi hát chăng? Muốn nghe tôi thổi tiêu chăng ? Hay muốn tôi đánh đàn cầm ư? Dầu sao, tôi cũng phải nghe lệnh ngài mà đi đến cung điện ở kinh đô Asuka, rồi lại đến một nơi gọi là Okina và sau đó là Tsukuno (hai địa danh này ngày nay vẫn không biết là nơi đâu). Kết cuộc tới cửa chính ở Đông Môn nơi ngự sở để tiếp thánh chỉ thì lúc đó mới vỡ lẽ ra! Ngài muốn cột tôi như lấy cương buộc ngựa, lấy thừng xỏ mũi trâu bò mà thôi. Thật là mời đến mà chẳng được việc gì cả!

Ngài lại bảo bóc thật nhiều vỏ cây du (nire no ki), đem treo lên trước nắng cho khô đi, thế rồi lấy chày giã mỏng phơi thành từng tấm ngoài sân, hôm trước hôm sau gọi người kiếm cho nhanh mấy cái vò làm bằng gốm đem về. Ngài cho thoa muối lên mắt tôi,như

thể đem tôi ủ thành mắm để ngài xơi. Rốt cuộc, ngài chỉ muốn biến tôi thành một món ăn ngon.

Tạm dịch thơ:

Tôi là con cua sậy / Đào hang trong đám lau / Naniwa bãi ngụ / Có tài cán chi đâu! Bỗng nhiên nhận được chiếu / Mới hay thiên tử triệu / Người muốn nghe tôi hát ? Hay nghe tôi thổi tiêu ? / Hoặc đánh ngón đàn cầm? / Thì chi cũng phải chìu / Vào thành Asuka / Qua hết Okina / Và Tsukuno nữa / Mới đến được Cửa Đông / Khi vừa tiếp thánh chỉ / Tôi đã điếng cả hồn / Chẳng qua kiếp trâu ngựa / Chịu xỏ thừng thắng cương / Trước bắt tướt cây du / Bỏ vào cối để giã / Vỏ mỏng phơi ngoài nắng / Cho đến lúc thật khô / Lại bắt kiếm hủ gốm / Hẹn hôm trước hôm sau / Phải đưa về đủ số / Rồi đem nước muối đậm / Xoa lên hết thân tôi / Ủ làm mắm ngài xơi / (Kiếp cua là thế đấy).

Về hình thức, khác với bài trước, không có lời giáo đầu dài giòng, và kết luận cũng thiếu. Về nội dung, các nhà chú giải Nhật Bản không đi xa hơn lời giải thích "than thở hộ cho kiếp con cua" nhưng nghĩ thêm một chút, ta cảm thấy ý tứ thuật hoài của nó, không chỉ có tính cách mua vui hay chúc tụng tầm thường.

Phận cua (Nguồn Internet)

Tiết X: Sakimori no uta 防人歌 (Thơ lính thú):

Đại bộ phận của thơ lính thú làm ra (92 bài) được thu thập trong quyển 20. Riêng 5 bài còn lại được chép trong quyển 14. Sakimori viết là Phòng nhân 防人 nghĩa là người canh phòng nói chung nhưng thật ra ý của nó là người giữ đảo **崎守**vì saki **崎**có nghĩa là mỏm đất chìa ra biển và ngụ ý nói về các đảo Iki **壱岐**và Tsushima **対馬**tức hai chùm đảo nằm ngoài khơi của Nhật nhìn về hướng Triều Tiên và Trung Quốc. Từ xưa, để phòng thủ xứ Tsukushi筑紫 (tức Kyuushuu bây giờ) người ta đã phái quân đồn trú dọc bờ biển với nhiệm kỳ ba năm. Trước kia, các anh trai trẻ miền Đông (**東国**Tôgoku) thường bị trưng binh làm nhiệm vụ này, nhưng sau vì đường sá xa xôi sinh ra lắm điều bất tiện, Thiên hoàng Shômu kể từ năm Tenpyô thứ 9 mới dùng người địa phương ở Tsukushi (Tsukushibito) để ra giữ Iki và Tsushima. Thế nhưng nhận thấy các chiến sĩ miền Đông về chuyện trận mạc thì dũng cảm hơn người sở tại, rốt cuộc lại trưng binh

người miền Đông (Azumabito) như trước.

Quyển 20, trong mục thơ của lính thú, thì có 7 bài của người địa phương Tôtsuafumi, 3 bài của người vùng Sagami, 10 bài của Suruga, 13 bài của Kamitsufusa, 10 bài của Hitachi (trong đó có 1 trường ca), 11 bài của Shimotsufusa, 3 bài của Shinano, 4 bài của Kamitsuke, 12 bài của Muzashi. Thêm vào đó là 8 bài thơ lính thú mà Iware no Miki Morokimi đã chép tặng nhà biên tập Yakamochi nữa, vị chi tổng số lên đến 92.

Thơ lính thú do những người không có văn hóa làm ra nên đầy dẫy những thổ âm và âm nói trại ra, không hề đẽo gọt, tu sức. Thế nhưng nó bộc lộ được cái thẳng thắn, chân thực. Trong toàn thể Man.yôshuu, quyển 20 này nhờ có chúng mà được xem như là tập có hương vị đậm đà, chân tình, chất phác hơn hết.

Vì là thơ lính nên trước tiên nó bày tỏ lòng trung thành với nhà vua cũng như tình yêu nước nồng nàn. Đó cũng là lời thơ của những cậu con trai ngày xuất chinh hãy còn hoi sữa nhớ về người cha người mẹ, nên chan hoà tình gia đình. Sau đó là tình cảm luyến ái đối với những nàng vợ trẻ mà các anh tân binh phải bỏ lại đàng sau. Nó được bộc lộ một cách dạn dĩ, da diết. Còn như đối với đàn con nhỏ, đó là nỗi đoạn trường của người cha không biết bao giờ mới gặp lại mặt con. Tất cả đủ làm cho người đọc phải nhỏ những dòng lệ thương cảm.

Hoàn cảnh của người sakamori làm cho Yakamochi cảm động nên ông đã làm ra 3 bài chôka và 11 bài tanka để vịnh kiếp sống của họ cũng như nói lên sự đồng cảm của ông. Đương thời cũng có những nhà thơ viết thay cho lính thú. Điều đáng tiếc là Yakamochi không chép vào tuyển tập những bài thơ của lính thú mà ông xem là chưa đủ trình độ. Chẳng lẽ ông không biết rằng đối với những vần thơ của con nhà nông hay làng chài thì sự thô vụng ấy mới biểu hiện được tấm chân tình, nhất là khi được ngâm lên bằng thổ âm, thổ ngữ miền Đông.

Bài thơ sau đây nói lên tình cảm của anh lính trẻ trong ngày nhận tấm công văn màu đỏ (akagami), trong đó có lệnh trưng binh bắt anh ra thú ngoài hoang đảo, ba năm sau mới có người thay:

14-3569

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

佐伎母理尓 多知之安佐氣乃 可奈刀Ｒ尓 手婆奈礼乎思美 奈吉思兒良<波>母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

防人に立ちし朝開の金戸出にたばなれ惜しみ泣きし子らはも

Phiên âm:

Sakimori ni / tachishi asake no / kanato de ni / tabanare oshimi / nakishi kora wa mo /

Diễn ý:

Buổi sáng cái ngày tôi thành anh lính thú, từ giã nhà cất bước ra đi, hai đứa đang nắm tay bịn rịn mà đành phải rứt ra, vợ tôi khóc bao nhiêu là nước mắt. Bây giờ không biết cô ấy ra sao rồi nhỉ?

Tạm dịch thơ:

Sáng bước ra ngoài ngỏ / Thân lính thú từ đây / Vợ nhà tay nắm chặt / Nhưng đành rứt đi ngay / Người khóc như mưa đó / Giờ ra sao, ai hay!

14-3570

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

安之能葉尓 由布宜里多知弖 可母我鳴乃 左牟伎由布敝思 奈乎波思努波牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

葦の葉に夕霧立ちて鴨が音の寒き夕し汝をば偲はむ

Phiên âm:

Ashi no ha ni / yuugiri tachite / kamo ga ne no / samuki yuube shi / na wo ba shinohamu /

Diễn ý:

Hôm nay anh sắp sửa bước vào đời lính thú. Nơi xa xôi kia, mỗi khi thấy sương mù dậy che đám lá lau và tiếng vịt trời kêu trong hơi lạnh thì anh sẽ nhớ em biết mấy!

Tạm dịch thơ:

Từ đây đời lính thú / Thân gửi chốn xa mờ / Mỗi khi sương chiều lạnh / Phủ kín đám lau thưa / Tiếng vịt trời vọng lại / Lòng anh sẽ nhớ cô /

20-4321

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

可之古伎夜 美許等加我布理 阿須由利也 加曳〈我〉牟多祢〈牟〉 伊牟奈之尓志弖

Dạng huấn độc (đã chua âm):

畏きや命被り明日ゆりや草がむた寝む妹なしにして

Phiên âm:

Kashikoki ya / mikotokagafuri / asu yuri ya / kae ga mutanemu / imu nashi ni shite /

Diễn ý:

Nhà vua đã giáng chiếu gửi lính thú ra biên. Ngày mai tôi phải tuân lệnh lên đường. Nhưng từ đây với cảnh màn trời chiếu đất, phải ngủ giữa đám cỏ lạnh, tìm đâu ra hơi ấm và thân hình mềm mại người vợ trẻ của tôi.

Tạm dịch thơ:

Nhà vua hạ nghiêm lệnh / Gửi lính thú ra biên / Cúi đầu xin nhận mệnh / Ngày mai anh lên đường / Đồng không, gối cỏ lạnh / Mềm, ấm, nhớ thân em

Bài thơ dưới đây là của một người có tên là Wakayamatobe Nomumaro:

20-4322

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

和我都麻波 伊多久古〈非〉良之 乃牟美豆尓 加其佐倍美曳弖 余尓和須良礼受

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が妻はいたく恋ひらし飲む水に影さへ見えてよに忘られず

Phiên âm:

Wa ga tsuma wa / itaku koirashi / nomu mizu ni / kago sae miete / yo ni wasurarezu /

Diễn ý:

Chắc hẳn người vợ của ta rất yêu thương và lúc nào cũng nhớ đến ta. Nếu không, tại sao mỗi ta múc nước uống, hình ảnh của nàng đều ánh lên trong bóng nước. Thế thì làm sao ta có thể quên nàng được.

Anh chồng này phải là một người trước sau lúc nào cũng nghĩ đến vợ mình. Thế nhưng tín ngưỡng ngày xưa cho rằng khi một người nghĩ đến người khác thì hình ảnh cứ bám theo người đó nên anh lính thú mới nghĩ là vợ anh nhớ thương anh chứ không nghĩ đó là trạng thái tâm lý của cá nhân mình.

Kago là âm địa phương của chữ kage (hình bóng) ở quê của tác giả.

Tạm dịch thơ:

Người vợ trẻ quê nhà / Chắc lòng tưởng nhớ ta / Nếu không, múc nước uống / Sao thấy nàng hiện ra / (Có phải dù xa cách / Chăn gối tình chưa nhòa?) /

20-4325

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

知々波々母 波奈尓母我毛夜 久佐麻久良 多妣波由久等母 佐々己弖由加牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

父母も花にもがもや草枕旅は行くとも捧ごて行かむ

Phiên âm:

Chichihaha mo / hana ni mo ga mo ya / kusamakura / tabi wa yuku to mo / sasagote yukamu /

Diễn ý:

Chắc có bó hoa đẹp mà tặng mẹ cha có thể làm cho họ quên được nỗi buồn chia ly với con. Ngày nay ta phải lên đường ra trận nhưng vẫn mong có thể mang theo cha mẹ bên mình không rời (mà nào có được đâu).

Đây là một thiếu niên bị trưng binh. Cậu vẫn chưa vợ con, chưa người yêu nên cha mẹ là những gì gần gủi thiết thân nhất. Muốn đem hoa tặng cha mẹ thì rõ là ý nghĩ của một người trẻ tuổi tính còn hồn nhiên.

Tạm dịch thơ:

Phải chi có hoa đẹp / Đem dâng lên mẹ cha / Cho nguôi bao nỗi nhớ / Đứa con lên đường xa / Dù thân đời trôi nổi / Muốn mang người theo ta!

20-4323

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

等伎騰吉乃 波奈波佐家登母 奈尓須礼曽 波々登布波奈乃 佐吉泥己受祁牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

時々の花は咲けども何すれぞ母とふ花の咲き出来ずけむ

Phiên âm:

Tokidoki no / hana wa sakedomo / nani sureba / haha tobu hana no saki / dekizu kemu (ken) /

Diễn ý:

Ở vùng Tsukushi, nơi tôi đi thú, có đủ bốn mùa xuân hạ thu đông, mỗi mùa đến có hoa nở theo mùa cả đấy chứ nhưng làm gì có đóa hoa dịu hiền mang tên là "Mẹ". Ôi, mẹ của con! Con nhớ mẹ nhiều và muốn gặp lại mẹ.

Tạm dịch thơ:

Ở đây có bốn mùa / Mỗi mùa đều có hoa / Nhưng tìm đâu hoa đẹp / Mang tên là "mẹ" ta / Bao giờ mới gặp lại / Mẹ hiền phương trời xa!

20-4326

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

父母我 等能々志利弊乃 母々余具佐 母々与伊弖麻勢 和我伎多流麻弖

Dạng huấn độc (đã chua âm):

父母が殿の後方のももよ草百代いでませ我が来るまで

Phiên âm:

Chichihaha ga / tono no shiri e no / momoyokusa / momoyo idemase / wa ga kitaru made /

Diễn ý:

Đằng sau nhà nơi cha mẹ ta ở có loại hoa monoyo-kusa (**百代草**có nghĩa là cỏ trăm đời). Cứ như theo tên mà đoán thì nó rất bền lâu. Mong cha mẹ ta cũng sống lâu như cỏ kia, đợi được đến ngày ta trở lại.

Tạm dịch thơ:

Sau lưng nhà cha mẹ / Có loài hoa nghìn năm / Chúc mẹ cha trường thọ / Sống bền như cây cỏ / Để con còn gặp gỡ / Ngày trở lại quê hương /

Chữ momoyo (bách đại) dùng cũng như chiyo (thiên đại) chỉ lòng mong muốn cho cha mẹ sống lâu mà nhà thơ đa tài đa tình Ariwara no Narihira **在原業平** (825-880) đã dùng trong một bài thơ ông gửi trả lời cho mẹ là công chúa Itonai Shinnô. Tuy nhiên momoyokusa là loại cỏ như thế nào thì cho đến nay vẫn không ai rõ.

20-4327

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

和我都麻母 畫尓可伎等良無 伊豆麻母加 多〈妣〉由久阿礼〈波〉 美都々志努波牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我が妻も絵に描き取らむ暇もが旅行く我れは見つつ偲はむ

Phiên âm:

Wa ga tsuma mo / e ni kakitoramu / itsuma mo ga / tabi yuku are wa / mitsutsu shinohamu /

Diễn ý:

Ta để người vợ đáng yêu ở lại quê nhà vì phải đi trấn thủ vùng Tsukushi. Nếu có chút thời giờ thời ta đã vẽ tranh nàng để xem cho đỡ nhớ. Như vậy ta sẽ có nàng bên mình mãi mãi, đem nó ra ngắm lúc ở nơi doanh trại ngoài đồng không mông quạnh mà tưởng nhớ đến nàng.

Tạm dịch thơ:

Ra lính anh lên đường / Bỏ vợ lại quê hương / Phải chi có đôi phút / Vẽ hình dáng em thương / Để giữa đồng hoang vắng / Nhìn ảnh nhớ vương vương /

20-4329

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

夜蘇久尓波 那尓波尓都度比 布奈可射里 安我世武比呂乎 美毛比等母我〈毛〉

Dạng huấn độc (đã chua âm):

八十国は難波に集ひ船かざり我がせむ日ろを見も人もがも

Phiên âm:

Yasokuni wa / Naniwa ni tsudoi / funakazari / wa ga semu hiro wo / mi mo hito mo gamo /

Diễn ý:

Lính thú mọi vùng tụ tập trên bến Naniwa để dong buồm đi xuống vùng Tsukushi trấn thủ. Thuyền thì cờ quạt tô điểm (vì là thuyền nhà quan), người thì mặc quân phục oai nghiêm. Nếu như bà con ở quê hương nhìn được cảnh tượng này thì hay cho ta biết bao nhiêu.

Tạm dịch thơ:

Lính thú từ các xứ / Họp bến Naniwa / Thuyền quan giăng đẹp đẽ /Dong buồm ra đảo xa / Xúng xính tấm áo lính / Muốn khoe người quê nhà!

Thế gian thường tình, có lúc anh lính thú tạm quên đi những nỗi đau thương khổ cực của đời mình nhưng những phút giây ấy thật quá ngắn ngủi.Anh mong cho bà con làng nước, và nhất là, như trong bài 20-4330 dưới đây, mẹ anh thấy được cảnh tượng vinh hiển đó.

20-4330

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

奈尓波都尓 余曽比余曽比弖 氣布能〈比〉夜 伊田弖麻可良武 美流波々奈之尓

Dạng huấn độc (đã chua âm):

難波津に装ひ装ひて今日の日や出でて罷らむ見る母なしに

Phiên âm:

Naniwatsu ni / Yosoiyosoite / kefu no hi ya / idete makaramu / miru haha nashi ni /

Diễn ý:

Trên bến Naniwa,trang hoàng, áo xống thảy đều đẹp đẽ. Hôm nay đáng lẽ ra đi nhưng ta không đành lòng vì không có mẹ ta ở đây chứng kiến.

Tạm dịch thơ:

Trên bến Naniwa / Quang cảnh trông đẹp lạ / Hôm nay ngày lên đường / Mà đi không đành dạ / Bởi vì đâu có mẹ / Đến chứng kiến cho ta /
20-4342

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

麻氣波之良 寶米弖豆久礼留 等乃能其等 已麻勢波々刀自 於米加波利勢受

Dạng huấn độc (đã chua âm):

真木柱ほめて造れる殿のごといませ母刀自面変はりせず

Phiên âm:

Makebashira / Homete tsukureru / tono nogoto / imase haha to ji / ome ga harisezu /

Diễn ý:

Như đền thần uy nghi được đóng toàn bằng gỗ *hinoki* kiên cố nên không hề thay đổi, ta cũng mong mẹ ta luôn luôn mạnh khoẻ, không đổi thay như thế cho đến ngày ta về.

Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi. Tâm lý đó cũng là tâm lý những chàng trai Nhật nhiều thế kỷ về sau khi phải từ giã gia đình để lên đường ra chiến địa. Có khi không chết người trai khói lửa mà chết…cha mẹ già chốn quê hương.

Tạm dịch thơ:

Như đền thần uy nghi / Nhờ đóng bằng gỗ tốt / Cầu thần cho mẹ khỏe / Không bao giờ đổi thay / Chờ đến buổi đoàn viên / Là khi con trở lại /

Đây là một bài thơ chí tình với mẹ, có lẽ là do một chú lính hãy còn trẻ tuổi, cảnh nhà

một mẹ một con, làm ra trước ngày lên đường hoặc nhờ một nhà thơ nào đó nói thay cho tâm sự của chú.

20-4343

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

和呂多比波 多比等於米保等 已比尓志弖 古米知夜須良牟 和加美可奈志母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

我ろ旅は旅と思ほど家にして子持ち痩すらむ我が妻愛しも

Phiên âm:

Waro tabi wa / tabi to omehodo / ihi ni shite / komechi ya suramu / wa ga mi kanashimo /

Diễn ý:

Trên con đường đi thú, ta biết chắc sẽ gặp rất nhiều nỗi khó khăn nhưng người vợ gầy yếu của ta đang đang ôm con ở quê nhà chắc cũng khổ cực đáng thương không kém.

Tạm dịch thơ:

Đời của người lính thú / Bao nhiêu là gian nan / Nhưng kìa vợ ta đấy / Con thơ một nách mang / Bận bịu lo phờ phạc / Cũng đáng thương vô vàn /

Thơ này hình như của một người đàn ông trung niên nhớ về vợ con anh để lại quê nhà. Bài thơ thuộc loại hiếm. Nó có phong vị khác với thơ của những người lính thú trẻ nhớ về cha mẹ hay vợ mới cưới. Ở đây, người viết đặt nặng vấn đề chăm sóc con cái và trách nhiệm gia đình hơn.

Bài này đầy những âm đọc trại từ âm gốc như omohodo thực ra phải là omoedo (omou to), ihi thực ra phải là ie, machi là mochi, mi là me vv...Tuy ngôn ngữ thô sơ nhưng tình ý chân thành.

20-4346

Nguyên văn (dạng Man.yôgana)

知々波々我 可之良加伎奈弖 佐久安<例弖> 伊比之氣等<婆>是
和須礼加祢<豆>流

Dạng huấn độc (đã chua âm):

父母が頭掻き撫で幸くあれて言ひし言葉ぜ忘れかねつる

Phiên âm:

Chichihaha ga / kashira kakinade / sakuarete / ihishi tokebaze / wasurekane suru /

Diễn ý:

Sắp sửa đến lúc lên đường, cha mẹ xoa đầu tôi, âu yếm nói lời từ giã chúc con đi bình yên. Những lời căn dặn hôm đó hãy còn in rành rành trong trí tôi.

Tạm dịch thơ:

Trước giờ tôi lên đường / Cha mẹ thấy mà thương / Xoa đầu vuốt tóc trẻ / Mong con đi bình yên / Những lời trìu mến đó / Có khi nào tôi quên /

Bài thơ này ắt là của anh lính thú trẻ nhất đám (vị thành niên) vì hãy còn được cha mẹ xoa đầu, vuốt tóc (kashira kakinade).

20-4349

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

毛母久麻能 美知波紀尓志乎 麻多佐良尓 夜蘇志麻須藝弖 和加例加由可牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

百隈の道は来にしをまたさらに八十島過ぎて別れか行かむ

Phiên âm:

Momokuma no / michi wa kinishi wo / matasara ni / yasoshima sugite / wakareka yukamu /

Diễn ý:

Ta đã đi qua rất nhiều đoạn đường đất dài khúc khuỷu quanh co, từ xa xôi để đến đây. Thế nhưng từ bến Naniwa, còn phải lấy thuyền vượt qua bao nhiều là hòn đảo nữa mới đến được Tsukushi. Ôi cuộc hành trình sao mà dài và gian khổ vậy!

Tạm dịch thơ:

Quanh co bao đường đất / Đến bến Naniwa / Lênh đênh vượt biển rộng / Tsukushi còn xa / Bộ thủy dài dằng dặc / Gian khổ hay chăng là?/

20-4352

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

美知乃倍乃 宇万良能宇礼尓 波保麻米乃 可良麻流伎美乎 波可礼加由加牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

道の辺の茨のうれに延ほ豆のからまる君をはかれか行かむ

Phiên âm:

Michi no be no / umara no ure ni / hahomame no / karamaru kimi wo / hakare ka yukamu /

Diễn ý:

Như chùm dây đậu bám quyện vào cành gai bên bờ đường ngày anh đi, em cũng đứng đó quyến luyến bên anh không rời một bước. Ôi trước cảnh tượng như thế làm sao lòng anh không đớn đau chua xót!

Phong cảnh hiện ra trong bài thơ này phảng phất hình ảnh của nông thôn miền Đông nước Nhật thời đó. Người đàn bà trong cuộc, chắc là người vợ, chẳng ngại ngùng gì con mắt người đời mà cứ quấn quít lấy anh chồng mãi chẳng chịu rời. Có thể xem đây là một bài thơ đặc sắc trong thể loại thơ lính thú.

Tạm dịch thơ:

Như dây đậu bên đường / Khắng khít chen cành gai / Nhớ ngày anh đi lính / Bên cạnh, em không rời / Ôi tình quyến luyến ấy / Xót xa lòng anh thôi /

20-4357

Nguyên văn (dạng Manyôgana):

阿之可伎能 久麻刀尓多知弖 和藝毛古我 蘇弖〈母〉志保々尓 奈伎志曽母波由

Dạng huấn độc (đã chua âm):

葦垣の隈処に立ちて我妹子が袖もしほほに泣きしぞ思はゆ

Phiên âm:

Ashikaki no / kumato ni tachite / wagimoko ga / sode mo shihoho ni / naki shizo mowayu /

Diễn ý:

Ngày tôi sắp lên đường, vợ tôi đứng nép ở một góc bên cạnh bụi lau thút thít khóc một mình ướt cả tay áo, đau khổ vì phải xa nhau. Đến bây giờ cảnh chia ly đó tôi vẫn còn ghi trong trí.

Tạm dịch thơ:

Làm sao tôi quên được / Ngày sắp bước chân ra / Vợ đứng khóc thút thít / Góc bụi lau bên nhà / Lệ đầm đìa cánh áo / Tiễn biệt người đi xa /

20-4364

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

佐伎牟理尓 多々牟佐和伎尓 伊敝能伊牟何 奈流〈弊〉伎己等乎 伊波須伎奴可母

Dạng huấn độc (đã chua âm):

防人に立たむ騒きに家の妹がなるべきことを言はず来ぬかも

Phiên âm:

Sakimuri ni / tatamu sawaki ni / ie no imu ga / narubeki koto wo / iwazu kinu kamo /

Diễn ý:

Nhận giấy báo phải đăng lính, ngày lên đường ồn ào náo nhiệt, bận bịu nhiều thứ, không có lấy một chút rảnh rỗi để dặn dò người vợ ở lại phải cáng đáng công việc nhà nông như thế nào. Chắc bây giờ nàng phải khổ cực lo toan bao nhiêu thứ. Tình cảnh ấy thật đáng thương làm sao.

Để ý là sakamori (lính thú), ở đây đọc trại theo thổ âm vùng Ibaraki (gần Tôkyô bây giờ) thành sakamuri và imo (vợ, cô em) cũng đọc trại thành imu.

Tạm dịch thơ:

Lên đường thân lính thú / Bao việc phút lâm hành / Bận rộn không dặn vợ / Chuyện đồng áng cho rành / Giờ chắc đang xuôi ngược / Anh thương cô một mình/

20-4373

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

祁布与利波 可敝里見奈久弖 意富伎美乃 之許乃美多弖等 伊O多都和例波

Dạng huấn độc (đã chua âm):

今日よりは返り見なくて大君の醜の御楯と出で立つ我れは

Phiên âm:

Kefu yori wa / kaeri minakute / Ohokimi no / shiko no mitate to / idetatsu ware wa /

Diễn ý:

Hôm nay là ngày bắt đầu cuộc đời lính thú, không những chẳng sá tấm thân mà cũng phải quên cả chuyện gia đình vợ con. Điều lo toan duy nhất của bọn lính tráng chúng tôi là bảo vệ được quân vương mà thôi.

Lời chú thích của bà Uemura Etsuko cho biết đây là bài thơ của một anh *kuwachô* 火長 (hỏa trưởng), thầy đội chỉ huy một tốp mười người *oyoso*（phàm binh sĩ凡兵士）hay lính trơn nói lên quyết tâm của mình.

Tạm dịch thơ:

Hôm nay đời chinh thú / Không ngoảnh lại quê hương / Thân này đâu sá nữa / Kể từ khi lên đường / Lớp lớp người ra lính / Thề bảo vệ quân vương /

20-4375

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

麻都能氣乃 奈美多流美礼波 伊波妣等乃 和例乎美於久流等 多々理之母己呂

Dạng huấn độc (đã chua âm):

松の木の並みたる見れば家人の我れを見送ると立たりしもころ

Phiên âm:

Matsu no ke no / namitaru mireba / iwabito no /ware wo miokuru to / tatari shimo koro /

Diễn ý:

Khi nhìn hàng cây tùng sắp lớp bên đường, ta chợt nhớ ngày ta ra đi bà con thân thích cũng dàn thành hàng tiễn đưa như vậy. Không biết bây giờ thân quyến của ta ra sao nhỉ?

Đây là bài thơ của một thầy đội khác, không hăng hái và quyết tâm bằng thầy đội trước. Iwabito là âm đọc trại của iebito家人(người nhà).

Tạm dịch thơ:

Nhìn hàng tùng san sát / Mọc ở bên vệ đường / Như thân thích tụ tập / Ngày ta rời quê hương / Những người yêu dấu ấy / Có mạnh giỏi như thường?/

20-4381

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

〈久〉尓〈具尓〉乃 佐岐毛利都度比 布奈能里弖 和可流乎美礼婆 伊刀母須敝奈之

Dạng huấn độc (đã chua âm):

国々の防人集ひ船乗りて別るを見ればいともすべなし

Phiên âm:

Kuniguni no / sakimori tsudoi / funanorite / wakaru wo mireba / itomo subenashi /

Diễn ý:

Lính thú từ các nơi tập họp đông đảo trên bến Naniwa.Từ đây mọi người sẽ chia tay nhau để bước lên thuyền. Nhìn cảnh đó mình cũng chẳng biết phải làm sao. Chắc là đến lượt mình, chỉ có cách tiến về phía trước mà thôi.

Tạm dịch thơ:

Lính thú tứ xứ họp / Trên bến Naniwa / Chia tay rồi lớp lớp / Lên thuyền ra khơi xa / Lòng dẫu có quyến luyến / Vẫn đi không nề hà /

Tâm sự thật không có gì khác với anh lính thú Việt Nam lúc mà:

Thùng thùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.

20-4401

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

可良己呂〈武〉 須〈宗〉尓等里都伎 奈苦古良乎 意伎弖曽伎〈怒〉也
意母奈之尓志弖

Dạng huấn độc (đã chua âm):

唐衣裾に取り付き泣く子らを置きてぞ来のや母なしにして

Phiên âm:

Karakoromu / suso ni toritsuki / nakukora wo / okite zokinu ya / omonashi ni shite /

Diễn ý:

Khi ta sắp sửa lên đường, lũ con nheo nhóc nắm chặt tay áo không cho đi. Khổ thân quá đi mất vì người mẹ đáng lý phải chăm sóc cho chúng cũng không còn nữa, nên càng thêm đau lòng. Các con bé nhỏ của tôi, làm sao bây giờ?

Người bị chỉ định phải lên đường có lẽ là một thường dân trung niên vừa phải chôn vợ, dưới nách mang một đàn con dại. Anh phải bịt tai không nghe tiếng khóc các con để tuân mệnh vua lên đường. Câu “Omo nashi ni shite” (mẹ không còn nữa) đặt ở cuối bài cực tả nỗi thê thảm ấy.

Tạm dịch thơ:

Lũ con nắm chặt áo / Không cho ta lên đường / Muốn đi mà chẳng dứt / Nghe khóc não lòng luôn / Tội nghiệp thay đàn trẻ / Mẹ chúng chết vừa chôn /.

20-4413

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

麻久良多之 己志尓等里波伎 麻可奈之伎 西呂我馬伎己無 都久乃之良奈久

Dạng huấn độc (đã chua âm):

枕太刀腰に取り佩きま愛しき背ろが罷き来む月の知らなく

Phiên âm:

Makuratashi / koshi ni torihaki / makanashiki / sero ga makikomu / tsuku no shiranaku /

Diễn ý:

Ngày về của người chồng yêu dấu, dao ngắn dắt ngang lưng, đi thú đất Tsukushi không biết là khi nào. Phải chi chàng về được sơm sớm cho em hết mỏi mòn trông.

Đây là một bài thơ hiếm hoi vì là của một người vợ vùng Musashi (Tôkyô bây giờ) gửi cho chồng. Thay vì đọc makuratachi (dao ngắn), thổ âm trại ra là makuratashi.

Tạm dịch thơ:

Tsukushi lính thú / Dao ngắn dắt ngang lưng / Mỗi ngày em cứ đợi / Biền biệt xa bóng chồng / Chóng về nghe anh nhé / Cho em khỏi nhớ mong /

20-4416

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

久佐麻久良 多比由苦世奈我 麻流祢世婆 伊波奈流和礼波 比毛等加受祢牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

草枕旅行く背なが丸寝せば家なる我れは紐解かず寝む

Phiên âm:

Kusamakura / tabi no yuku senaga / marune seba / iwanaru ware wa / himotokazu nemu /

Diễn ý:

Nếu người chồng của em đang đi đường chốn xa xôi, gối đất màn sương, mệt nhọc cứ mặc nguyên quần áo ngã lăn ra ngủ vùi thì em đây, người đang ngóng đợi chốn quê nhà, để chia sẻ lao khổ với chàng, cũng sẽ đi ngủ mà không cởi cả giải lưng.

Tạm dịch thơ:

Nếu anh trên đường xa / Cảnh chiếu đất màn trời / Ngủ không thay cả áo / Em sẽ như anh thôi / Thắt lưng không buồn cởi / Để hằng đêm nhớ người /

20-4420

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

久佐麻久良 多妣乃麻流祢乃 比毛多要婆 安我弖等都氣呂 許礼乃波流母志

Dạng huấn độc (đã chua âm):

草枕旅の丸寝の紐絶えば我が手と付けろこれの針持し

Phiên âm:

Kusamakura / tabi no marune no / himo taeba / agate to tsukero / kore no harumoshi /

Diễn ý:

Nếu trên bước lữ hành phải ngủ lăn lóc giữa đồng cỏ hoang, nhỡ như giải áo của anh có sứt chỉ thì hãy lấy mũi kim này tự khâu vào anh nhé, hỡi người chồng yêu của em.

Đây là bài thơ do người vợ của Mononobe no Toshitoko làm ra. Ông là tác giả bài 20-4415:

白玉を手に取り持して見るのすも家なる妹をまた見てももや

Shiratama wo / te ni torimoshite / miru no su mo / ie naru imo wo / matamite mo moya

(Khi cầm một đoá hoa trà bạch ngọc trên tay thì ta tưởng tượng như đang ngắm nhìn lại khuôn mặt người vợ yêu của ta nơi quê nhà).

Như vậy bà cũng đã đáp trả ông bằng một bài thơ tình tế nhị. Moshi là tiếng đọc trại ra từ mochi (cầm lấy), koreno là tiếng cổ của kono (cái này) mà thôi.

Tạm dịch thơ:

Đường xa ngủ bờ bụi / Nhỡ áo anh sứt chỉ / Em trao anh mũi kim / Hỡi người chồng yêu quí / Nhớ cầm chiếc kim này / Tự tay khâu thật kỹ /

20-4417

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

阿加胡麻乎 夜麻努尓波賀志 刀里加尓弖 多麻<能>余許夜麻 加志由加也良牟

Dạng huấn độc (đã chua âm):

赤駒を山野にはがし捕りかにて多摩の横山徒歩ゆか遣らむ

Phiên âm:

Akagoma wo / yamano ni hagashi / torika nite / Tama no yokoyama / kashiyuka yaramu /

Diễn ý:

Thả con ngựa con lông đỏ ăn cỏ trên cánh đồng ven núi, nó đi đâu mất, không tìm ra. Giờ đây chồng em đột ngột nhận giấy đỏ (akagami) gọi đi lính thú. Không có ngựa để cưỡi nữa, chẳng lẽ đành để chàng lội bộ từ Tama đến Yokoyama hay sao. Làm cách nào bây giờ. Tội nghiệp anh ấy quá.

Thời ấy, khi có lệnh trưng binh, thanh niên có quyền sử dụng bò, ngựa để đi đến địa điểm tập hợp.

Tạm dịch thơ:

Ngựa lông hung em thả / Cho ăn ở ven rừng / Chợt có tin bắt lính / Tìm không ra cho chồng / Đành để anh lội bộ / Suốt bao nhiêu quãng đồng /.

20-4425

Nguyên văn (dạng Man.yôgana):

佐伎毛利尓 由久波多我世登 刀布比登乎 美流我登毛之佐 毛乃母比毛世受

Dạng huấn độc (đã chua âm):

防人に行くは誰が背と問ふ人を見るが羨しさ物思ひもせず

Phiên âm:

Sakimori ni / iku wa ta ga se to / tofu hito wo / miru ga tomoshisa / mono omoi mo sezu /

Diễn ý:

Mấy người không có bà con thân thuộc bị trưng binh coi bộ thản nhiên quá đi mất. Ngay khi thấy người chồng của tôi là người phải đi lính thú lần này mà có kẻ còn hỏi thăm một cách tỉnh rụi xem anh kia là chồng con nhà ai đấy. Sao trên đời có những kẻ may mắn đến vậy kìa!

Tạm dịch thơ:

Có kẻ cứ thắc mắc / Anh lính kia, chồng ai? / Sao thản nhiên quá vậy / Biết không? Chính chồng tôi ! / Người đâu đã may mắn / Cắc cớ hỏi lôi thôi /

Hết phần II (5 chương trên 7)